

Số 28 /TB-HĐTD

Hà Nội, Ngày 04 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về danh sách thí sinh dự thi vòng 1 theo ca, tập huấn phần mềm thi và nộp lệ phí dự tuyển

Thực hiện Kế hoạch số 878/KH-TANDTC ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về việc tuyển dụng công chức Tòa án nhân dân năm 2025, Hội đồng tuyển dụng công chức Tòa án nhân dân năm 2025 thông báo đến các thí sinh danh sách, lịch thi Vòng 1 theo ca, kế hoạch làm quen Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy vi tính, thời gian và hướng dẫn cách nộp lệ phí dự tuyển (thi tuyển, xét tuyển), như sau:

I. Thông tin thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi tuyển Vòng 1 trắc nghiệm trên máy vi tính

1. Thí sinh dự thi tại Hà Nội:

a) Tổng số thí sinh đủ điều kiện: **1.544** thí sinh.

b) Danh sách thí sinh được bố trí theo ca thi, phòng thi, thời gian thi (*chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

c) Danh sách ca thi:

Ca thi	Ngày thi	Giờ thi	Giờ có mặt tại địa điểm thi
Ca 1 (193TS)	08/11/2025	7h30-8h30	6h30
Ca 2 (194TS)		9h00-10h00	8h00
Ca 3 (194TS)		10h30-11h30	9h30
Ca 4 (194TS)		13h30-14h30	12h30
Ca 5 (192TS)		15h00-16h00	14h00
Ca 6 (193TS)		16h30-17h30	15h30
Ca 7 (192TS)	09/11/2025	7h30-8h30	6h30
Ca 8 (192TS)		9h00-10h00	8h00

d) Địa điểm thi: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân (gọi tắt là Trung tâm), địa chỉ: số 119 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.



2. Thí sinh dự thi tại Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Tổng số thí sinh đủ điều kiện: **1.484** thí sinh.

b) Danh sách thí sinh được bố trí theo ca thi, phòng thi, thời gian thi (*chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

c) Danh sách ca thi:

Ca thi	Ngày thi	Giờ thi	Giờ có mặt tại địa điểm thi
Ca 1 (214TS)	8/11/2025	7h30-8h30	6h30
Ca 2 (214TS)		9h30-10h30	8h30
Ca 3 (214TS)		13h30-14h30	12h30
Ca 4 (214TS)		15h30-16h30	14h30
Ca 5 (214TS)	9/11/2025	7h30-8h30	6h30
Ca 6 (214TS)		9h30-10h30	8h30
Ca 7 (200TS)		13h30-14h30	12h30

d) Địa điểm thi: Trường Đại học Sài Gòn, số 273 An Dương Vương, phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Làm quen với Phần mềm thi Vòng 1 (thi trắc nghiệm trên máy vi tính)

1. Thí sinh dự thi tại Hà Nội

Ngày 06/11/2025: Thí sinh tham gia làm quen với phần mềm thi và được hướng dẫn quy trình thi. Hình thức: Trực tuyến qua phần mềm **FETEST** và **Microsoft Teams**.

Về thời gian, ca tập huấn của thí sinh: Thí sinh sẽ được Trung tâm chủ động sắp xếp ca/buổi tập huấn. Thông tin chi tiết sẽ được thông báo tới từng thí sinh do Bộ phận điều phối và Kỹ thuật viên của Trung tâm hướng dẫn¹.

2. Thí sinh dự thi tại TP. Hồ Chí Minh

- Thí sinh chủ động truy cập Hệ thống thi trắc nghiệm trên máy vi tính tại địa chỉ <https://democeta.sgu.edu.vn> bắt đầu từ ngày 5/11/2025 và làm theo hướng dẫn tại *Phụ lục số 03 kèm theo* để làm quen với giao diện Hệ thống thi.

¹ Thông tin Bộ phận điều phối và Kỹ thuật viên của Trung tâm, cụ thể như sau:

- Đ/c Nguyễn Thị Quỳnh Liên – SĐT: 0987111191
- Đ/c Nguyễn Lê Thủy Tiên – SĐT: 0983841295
- Đ/c Chu Thị Hằng Nga – SĐT: 0866860364
- Đ/c Nguyễn Thị Ánh Hồng – SĐT: 0833252282
- Đ/c Lê Thị Bình – SĐT: 0979061436
- Đ/c Hà Thị Thúy Nga – SĐT: 0349243168
- Đ/c Khương Thị Thu Hường – SĐT: 0962842332
- Đ/c Vũ Thị Vân Anh – SĐT: 0978009288

- Thông tin đăng nhập Hệ thống thi: Tên tài khoản và Mật khẩu là số Thẻ Căn cước của thí sinh. Quá trình đăng nhập có khó khăn, vướng mắc, thí sinh liên hệ trong giờ hành chính qua số điện thoại: 0969.157.557 (đ/c Nghĩa); 0908.475.500 (đ/c Trọng).

3. Lưu ý

- Phần mềm thi: Vòng 1 trắc nghiệm trên máy vi tính tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng hai phần mềm khác nhau. Thí sinh cần làm quen đúng phần mềm tại địa điểm thi của mình.

- Tự luyện tập: Thí sinh chủ động làm quen các thao tác trên phần mềm thi để hoàn thành tốt bài thi chính thức. Hội đồng tuyển dụng sẽ không hướng dẫn lại phần mềm trong ca thi chính thức.

- Nội dung câu hỏi: Các câu hỏi trong quá trình làm quen chỉ nhằm mục đích luyện tập thao tác trên phần mềm và không liên quan đến nội dung thi thực tế.

III. Nộp lệ phí dự tuyển

- Thí sinh chủ động truy cập Cổng thông tin tuyển dụng Tòa án nhân dân tối cao tại địa chỉ <https://tuyendungtandtc.com/> và làm theo hướng dẫn tại *Phụ lục số 04 kèm theo* đề nộp lệ phí dự tuyển (thi tuyển, xét tuyển) trực tuyến theo quy định.

- Thời gian nộp lệ phí: ngày 04, 05, 06/11/2025 (thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm), thí sinh **không nộp lệ phí** được coi như là không có nhu cầu dự tuyển kỳ tuyển dụng công chức Tòa án nhân dân năm 2025. Trong quá trình nộp lệ phí, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thí sinh liên hệ trong giờ hành chính qua số điện thoại: 0395.285.225 (đ/c Trường).

- Thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng sẽ được Hội đồng tuyển dụng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.toaan.gov.vn>, không gửi thông báo trực tiếp đến từng thí sinh. Yêu cầu thí sinh thường xuyên theo dõi để kịp thời nắm bắt và thực hiện.

Mọi thắc mắc hoặc cần hướng dẫn, giải đáp thêm, đề nghị liên hệ trong giờ hành chính qua số điện thoại: 0395.285.225 (đ/c Trường), 0975.234.093 (đ/c Hải).

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDTC (để b/cáo);
- Chủ tịch HĐTD (để b/cáo);
- Thành viên HĐTD, Ban giám sát (để th/hiện);
- Công TTĐT (để đăng thông báo);
- Lưu: HĐTD (P. ĐT, BD).



**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**

Chu Đức Anh

Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 1 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi sáng: 7h30-8h30

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C1MB001	Hoàng Tuấn Anh	18/4/1993	Nam	Kinh	Phòng 201	
2	C1MB002	Nguyễn Ngọc Anh	10/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
3	C1MB003	Phạm Quý Anh	17/8/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
4	C1MB004	Phạm Vũ Hoàng Anh	28/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
5	C1MB005	Trần Ngọc Việt Anh	14/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
6	C1MB006	Bùi Tổ Bảo	08/09/2003	Nữ	Mường	Phòng 201	
7	C1MB007	Chu Mạnh Cường	20/4/1996	Nam	Kinh	Phòng 201	
8	C1MB008	Tăng Ngọc Cường	22/7/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
9	C1MB009	Bùi Thế Dũng	4/2/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
10	C1MB010	Lê Việt Dũng	5/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
11	C1MB011	Đinh Thủy Dương	14/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C1MB012	Tô Lê Tuấn Đạt	25/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
13	C1MB013	Nguyễn Hải Đăng	26/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
14	C1MB014	Nguyễn Minh Đức	03/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
15	C1MB015	Nguyễn Trường Giang	08/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
16	C1MB016	Đỗ Thu Hà	11/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C1MB017	Nguyễn Mai Hà	18/1/1997	Nam	Kinh	Phòng 201	
18	C1MB018	Thần Hồng Hải	07/10/1988	Nam	Kinh	Phòng 201	
19	C1MB019	Trần Minh Hiền	13/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
20	C1MB020	Lê Trung Hiếu	17/8/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	
21	C1MB021	Phạm Trọng Hiếu	11/8/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
22	C1MB022	Phan Đăng Hoàng	20/8/1997	Nam	Kinh	Phòng 201	
23	C1MB023	Vũ Hải Hoàng	30/9/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	
24	C1MB024	Đinh Văn Huy	10/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
25	C1MB025	Nguyễn Thị Kim Liên	19/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C1MB026	Đỗ Thị Linh	27/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
27	C1MB027	Nguyễn Tống Khánh Linh	12/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
28	C1MB028	Vũ Văn Lợi	16/2/1992	Nam	Kinh	Phòng 201	
29	C1MB029	Mai Đức Mạnh	09/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
30	C1MB030	Trần Văn Nam	12/8/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
31	C1MB031	Vũ Thị Thủy Ngân	11/11/1993	Nữ	Kinh	Phòng 201	
32	C1MB032	Vũ Tuấn Nhật	15/12/1994	Nam	Kinh	Phòng 201	
33	C1MB033	Nguyễn Hồng Phúc	4/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
34	C1MB034	Nguyễn Anh Quân	23/12/1996	Nam	Kinh	Phòng 201	
35	C1MB035	Đổng Duy Sơn	24/3/1984	Nam	Kinh	Phòng 201	
36	C1MB036	Nguyễn Trường Tân	30/7/1983	Nam	Kinh	Phòng 201	
37	C1MB037	Nguyễn Huy Tuấn	07/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
38	C1MB038	Hoàng Thanh Tùng	12/9/1992	Nam	Kinh	Phòng 201	
39	C1MB039	Nguyễn Ngọc Tuyển	11/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
40	C1MB040	Phạm Hương Thảo	30/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
41	C1MB041	Bùi Đức Thắng	30/6/1999	Nam	Mường	Phòng 201	
42	C1MB042	Đào Duy Thắng	14/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
43	C1MB043	Đỗ Thị Thơm	02/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
44	C1MB044	Vương Danh Trường	13/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
45	C1MB045	Đỗ Văn Xuân	09/04/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
46	C1MB046	Cầm Thúy An	26/3/1995	Nữ	Thái	Phòng 201	
47	C1MB047	Đặng Thị Thảo An	19/7/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
48	C1MB048	Lê Thu Thủy An	26/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
49	C1MB049	Mã Thị Hoàng An	26/10/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
50	C1MB050	Nguyễn Hà Trường An	09/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
51	C1MB051	Nguyễn Tuệ An	6/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
52	C1MB052	Nguyễn Thuý An	31/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C1MB053	Nguyễn Thuý An	26/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
54	C1MB054	Trần Trọng An	17/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
55	C1MB055	Bạc Việt Anh	15/10/2001	Nam	Thái	Phòng 201	
56	C1MB056	Cao Phương Anh	14/11/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
57	C1MB057	Chu Thị Hải Anh	30/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
58	C1MB058	Đại Hoàng Anh	8/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
59	C1MB059	Đào Minh Anh	22/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
60	C1MB060	Đào Trâm Anh	08/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
61	C1MB061	Đặng Ngọc Anh	6/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
62	C1MB062	Đặng Ngọc Trâm Anh	04/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
63	C1MB063	Đặng Phong Anh	31/8/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
64	C1MB064	Đặng Quỳnh Anh	28/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
65	C1MB065	Đinh Ngọc Anh	19/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
66	C1MB066	Đinh Phương Anh	27/7/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C1MB067	Đỗ Kiều Anh	29/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C1MB068	Đỗ Thị Lan Anh	23/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
69	C1MB069	Đỗ Văn Anh	4/9/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C1MB070	Hà Kiều Anh	13/7/1999	Nữ	Nùng	Phòng 201	
71	C1MB071	Hà Ngọc Anh	17/7/1997	Nam	Kinh	Phòng 201	
72	C1MB072	Hoàng Hải Anh	22/8/1998	Nam	tày	Phòng 201	
73	C1MB073	Hoàng Lâm Anh	29/12/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
74	C1MB074	Hoàng Thị Kim Anh	13/3/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
75	C1MB075	Hoàng Thị Vinh Anh	10/8/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
76	C1MB076	Hoàng Trung Anh	6/6/2001	Nữ	TÀY	Phòng 201	
77	C1MB077	Hoàng Vy Anh	1/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
78	C1MB078	Hồ Thị Lan Anh	21/2/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
79	C1MB079	Khuất Hiền Anh	29/4/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
80	C1MB080	Lã Khánh Huyền Anh	26/8/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
81	C1MB081	Lê Bảo Ngọc Anh	8/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
82	C1MB082	Lê Đoàn Ngọc Anh	31/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
83	C1MB083	Lê Hải Anh	3/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
84	C1MB084	Lê Thế Anh	17/11/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	
85	C1MB085	Lê Thị Lan Anh	28/2/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
86	C1MB086	Lê Thị Phương Anh	13/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
87	C1MB087	Lê Văn Anh	30/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
88	C1MB088	Lương Quỳnh Anh	1/1/2000	Nữ	Tày	Phòng 201	
89	C1MB089	Lương Thị Quế Anh	18/11/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
90	C1MB090	Lưu Hoàng Anh	03/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
91	C1MB091	Lý Mai Anh	4/12/2002	Nữ	Nùng	Phòng 201	
92	C1MB092	Mã Thị Mai Anh	25/10/1999	Nữ	Tày	Phòng 201	
93	C1MB093	Nghiêm Xuân Anh	28/8/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
94	C1MB094	Ngô Lâm Quỳnh Anh	4/1/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
95	C1MB095	Nguyễn Bùi Hoàng Anh	19/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
96	C1MB096	Nguyễn Châu Anh	21/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
97	C1MB097	Nguyễn Doãn Hoàng Anh	25/6/1994	Nữ	Kinh	Phòng 301	
98	C1MB098	Nguyễn Đức Anh	03/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
99	C1MB099	Nguyễn Đức Anh	11/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
100	C1MB100	Nguyễn Hà Anh	12/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C1MB101	Nguyễn Hải Anh	29/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
102	C1MB102	Nguyễn Lê Hoài Anh	06/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
103	C1MB103	Nguyễn Nam Anh	9/5/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
104	C1MB104	Nguyễn Ngọc Anh	2/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
105	C1MB105	Nguyễn Phương Anh	22/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
106	C1MB106	Nguyễn Phương Anh	20/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
107	C1MB107	Nguyễn Phương Anh	23/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
108	C1MB108	Nguyễn Quang Đức Anh	01/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
109	C1MB109	Nguyễn Quỳnh Anh	25/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
110	C1MB110	Nguyễn Quỳnh Anh	04/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
111	C1MB111	Nguyễn Tuấn Anh	14/8/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
112	C1MB112	Nguyễn Tuấn Anh	23/10/1994	Nam	Kinh	Phòng 301	
113	C1MB113	Nguyễn Tùng Anh	19/8/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C1MB114	Nguyễn Thị Hồng Anh	11/2/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
115	C1MB115	Nguyễn Thị Kiều Anh	06/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
116	C1MB116	Nguyễn Thị Lan Anh	22/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
117	C1MB117	Nguyễn Thị Minh Anh	6/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
118	C1MB118	Nguyễn Thị Tú Anh	20/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
119	C1MB119	Nguyễn Thị Văn Anh	30/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
120	C1MB120	Nguyễn Trần Phương Anh	04/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C1MB121	Phạm Đức Anh	30/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
122	C1MB122	Phạm Hải Anh	21/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
123	C1MB123	Phạm Hoàng Anh	17/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
124	C1MB124	Phạm Ngọc Trâm Anh	1/1/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
125	C1MB125	Phạm Thị Diệu Anh	5/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
126	C1MB126	Phạm Thị Kiều Anh	27/1/2000	Nữ	Thái	Phòng 301	
127	C1MB127	Phạm Thị Quỳnh Anh	10/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
128	C1MB128	Phạm Thị Văn Anh	07/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
129	C1MB129	Phan Hoàng Tú Anh	28/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
130	C1MB130	Phan Nguyễn Ngọc Anh	6/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
131	C1MB131	Trần Đức Anh	20/6/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
132	C1MB132	Trần Phương Anh	18/3/2002	Nữ	Thổ	Phòng 301	
133	C1MB133	Trần Quang Anh	17/8/1996	Nam	Kinh	Phòng 301	
134	C1MB134	Trần Tuấn Anh	15/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
135	C1MB135	Trần Tuấn Anh	22/4/2001	Nam	Sán Diu	Phòng 301	
136	C1MB136	Trần Thị Lan Anh	25/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
137	C1MB137	Trần Thị Lan Anh	18/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
138	C1MB138	Trần Thị Phương Anh	20/9/1996	Nữ	Kinh	Phòng 301	
139	C1MB139	Trần Việt Anh	12/3/2002	Nam	Nùng	Phòng 301	
140	C1MB140	Triệu Hoàng Phan Anh	23/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
141	C1MB141	Triệu Thị Vân Anh	10/03/2000	Nữ	Tày	Phòng 301	
142	C1MB142	Triệu Việt Anh	13/4/2002	Nữ	Nùng	Phòng 301	
143	C1MB143	Trịnh Nguyễn Việt Anh	02/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
144	C1MB144	Trịnh Thị Vân Anh	13/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
145	C1MB145	Trương Quỳnh Anh	30/7/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
146	C1MB146	Vì Thị Quỳnh Anh	2/12/1997	Nữ	Thái	Phòng 301	
147	C1MB147	Vì Thị Thảo Anh	28/11/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
148	C1MB148	Võ Việt Anh	2/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
149	C1MB149	Vũ Lan Anh	9/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
150	C1MB150	Vũ Mai Anh	28/5/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
151	C1MB151	Vũ Ngọc Anh	16/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
152	C1MB152	Vũ Phan Kim Anh	31/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
153	C1MB153	Vũ Phương Anh	20/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C1MB154	Vũ Quỳnh Anh	20/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
155	C1MB155	Vũ Quỳnh Anh	26/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
156	C1MB156	Vũ Thị Hồng Anh	4/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
157	C1MB157	Dương Ngọc Ánh	5/5/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
158	C1MB158	Hà Thị Minh Ánh	22/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
159	C1MB159	Hoàng Ngọc Ánh	26/1/2001	Nữ	Nùng	Phòng 301	
160	C1MB160	Nguyễn Ngọc Ánh	18/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
161	C1MB161	Nguyễn Thị Diễm Ánh	20/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
162	C1MB162	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
163	C1MB163	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
164	C1MB164	Nguyễn Thị Phúc Ánh	14/12/2003	Nữ	Kjn	Phòng 301	
165	C1MB165	Phan Dương Minh Ánh	01/01/1970	Nữ	Kinh	Phòng 301	
166	C1MB166	Trần Ngọc Ánh	15/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
167	C1MB167	Trần Thị Ánh	27/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C1MB168	Lý Văn Bách	17/1/2003	Nam	Nùng	Phòng 301	
169	C1MB169	Nguyễn Văn Bách	13/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
170	C1MB170	Lê Hoàng Gia Bảo	30/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
171	C1MB171	Ma Phúc Bảo	28/4/2002	Nam	Tày	Phòng 301	
172	C1MB172	Nguyễn Trọng Bảo	23/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
173	C1MB173	Ong Gia Bảo	24/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
174	C1MB174	Trần Quốc Bảo	16/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
175	C1MB175	Trịnh Hoài Bảo	1/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
176	C1MB176	Lâm Thị Bảy	17/8/1999	Nữ	Tày	Phòng 301	
177	C1MB177	Khúc Văn Bằng	29/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
178	C1MB178	Nguyễn Lương Bằng	30/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
179	C1MB179	Chu Thị Bích	10/01/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
180	C1MB180	Đinh Ngọc Bích	2/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
181	C1MB181	Hứa Thị Ngọc Bích	12/9/1996	Nữ	Nùng	Phòng 301	
182	C1MB182	Lê Thị Bích	27/11/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
183	C1MB183	Nguyễn Thị Hồng Bích	13/9/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
184	C1MB184	Nguyễn Thị Ngọc Bích	10/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
185	C1MB185	Nguyễn Thị Hương Biển	02/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
186	C1MB186	Bùi Thị Yến Bình	12/03/1998	Nữ	Tày	Phòng 301	
187	C1MB187	Cao Thị Lệ Bình	24/7/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
188	C1MB188	Lương Thanh Bình	04/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
189	C1MB189	Nông Thị Bình	26/8/1994	Nữ	Nùng	Phòng 301	
190	C1MB190	Nguyễn Thị Thanh Bình	17/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C1MB191	Phạm Gia Bình	24/10/2003	Nam	Mường	Phòng 301	
192	C1MB192	Phạm Thanh Bình	5/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
193	C1MB193	Má A Cà	21/10/2003	Nam	Mông	Phòng 301	

Yan

193



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 2 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi sáng: 9h00-10h00

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C2MB001	Nguyễn Quý Cảnh	25/4/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
2	C2MB002	Lê Mạnh Cẩm	21/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
3	C2MB003	Lê Ngọc Thành Công	15/9/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
4	C2MB004	Nguyễn Văn Công	3/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
5	C2MB005	Trần Thế Công	20/1/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
6	C2MB006	Bùi Thị Thu Cúc	9/9/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
7	C2MB007	Chiêu Thị Cúc	13/10/2002	Nữ	Tây	Phòng 201	
8	C2MB008	Nguyễn Thị Bạch Cúc	01/06/1991	Nữ	Kinh	Phòng 201	
9	C2MB009	Nguyễn Thị Kim Cúc	23/7/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
10	C2MB010	Trần Thị Kim Cúc	24/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
11	C2MB011	Nguyễn Phú Cung	6/7/1999	Nam	Mường	Phòng 201	
12	C2MB012	Hoàng Mạnh Cường	4/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
13	C2MB013	Ma Thế Cường	24/9/2003	Nam	Tây	Phòng 201	
14	C2MB014	Nguyễn Chí Cường	21/4/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
15	C2MB015	Nguyễn Mạnh Cường	26/11/2000	Nam	Tây	Phòng 201	
16	C2MB016	Nguyễn Ngọc Bảo Cường	13/3/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
17	C2MB017	Tô Mạnh Cường	11/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
18	C2MB018	Vàng Seo Cháng	14/5/2001	Nam	Nùng	Phòng 201	
19	C2MB019	Hoàng Đình Châm	15/11/2002	Nữ	Tây	Phòng 201	
20	C2MB020	Lục Thị Anh Châm	11/6/2003	Nữ	Tây	Phòng 201	
21	C2MB021	Cao Minh Châu	28/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
22	C2MB022	Đào Thị Hải Châu	15/6/1998	Nữ	Tây	Phòng 201	
23	C2MB023	Hồ Bảo Châu	23/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
24	C2MB024	Nguyễn Thị Bảo Châu	30/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C2MB025	Nguyễn Thị Minh Châu	31/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C2MB026	Đieu Vũ Linh Chi	17/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
27	C2MB027	Đỗ Kim Chi	23/12/2003	Nữ	Mường	Phòng 201	
28	C2MB028	Đồng Trần Khánh Chi	08/11/2003	Nữ	Thái	Phòng 201	
29	C2MB029	Hoàng Thị Chi	1/1/2003	Nữ	Tây	Phòng 201	
30	C2MB030	Kha Thị Yến Chi	26/3/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
31	C2MB031	Lê Dương Linh Chi	17/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
32	C2MB032	Lưu Hồ Yến Chi	1/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
33	C2MB033	Nguyễn Linh Chi	20/10/1998	Nữ	Kinh	Phòng 201	
34	C2MB034	Nguyễn Ngọc Linh Chi	4/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
35	C2MB035	Nguyễn Phan Thực Chi	24/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
36	C2MB036	Nguyễn Thị Huệ Chi	02/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
37	C2MB037	Nguyễn Thị Kim Chi	21/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
38	C2MB038	Nguyễn Thị Lan Chi	17/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
39	C2MB039	Nguyễn Thị Ngọc Chi	23/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
40	C2MB040	Phạm Linh Chi	21/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
41	C2MB041	Phạm Thị Linh Chi	26/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C2MB042	Trần Khánh Chi	26/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
43	C2MB043	Trần Linh Chi	19/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
44	C2MB044	Trần Tùng Chi	6/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
45	C2MB045	Trịnh Hà Chi	12/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
46	C2MB046	Vũ Quỳnh Chi	25/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
47	C2MB047	Giảng Thị Chia	13/3/2001	Nữ	Mông	Phòng 201	
48	C2MB048	Đoàn Duy Chiến	19/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
49	C2MB049	Xa Hà Huy Chiến	14/10/2003	Nam	Mường	Phòng 201	
50	C2MB050	Dương Thị Minh Chinh	17/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
51	C2MB051	Hà Thị Chinh	16/1/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
52	C2MB052	Lê Thị Kiều Chinh	19/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C2MB053	Bùi Danh Chính	15/5/2000	Nam	Mường	Phòng 201	
54	C2MB054	Nguyễn Đức Chính	20/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
55	C2MB055	Phạm Thị Chúc	1/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
56	C2MB056	Dương Ngọc Chung	6/8/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
57	C2MB057	Sùng A Chữ	15/12/2000	Nam	H'Mông	Phòng 201	
58	C2MB058	Đinh Công Danh	16/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
59	C2MB059	La Thị Dành	16/8/2003	Nữ	Nùng	Phòng 201	
60	C2MB060	Hoàng Thị Kiều Diễm	01/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
61	C2MB061	Trần Thị Diễm	21/4/2001	Nữ	Tày	Phòng 201	
62	C2MB062	Võ Thị Thu Diễm	06/04/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
63	C2MB063	Bùi Ngọc Diệp	20/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
64	C2MB064	Đỗ Ngọc Diệp	15/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
65	C2MB065	Hoàng Thị Diệu	9/5/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
66	C2MB066	Trương Thị Diệu	31/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C2MB067	Cao Thị Thùy Dung	10/9/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C2MB068	Cần Thị Phương Dung	8/9/1996	Nữ	Tày	Phòng 201	
69	C2MB069	Chu Thủy Dung	09/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C2MB070	Đặng Hoàng Dung	4/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
71	C2MB071	Hoàng Thu Dung	5/11/1997	Nữ	Nùng	Phòng 201	
72	C2MB072	Hoàng Thùy Dung	22/5/1997	Nữ	Tày	Phòng 201	
73	C2MB073	Hồ Thị Thủy Dung	4/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
74	C2MB074	Lê Thị Dung	26/9/1991	Nữ	Kinh	Phòng 201	
75	C2MB075	Ngô Thùy Dung	24/10/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
76	C2MB076	Nguyễn Phương Dung	17/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C2MB077	Phạm Thùy Dung	27/2/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
78	C2MB078	Vũ Thị Thủy Dung	20/11/1998	Nữ	Mường	Phòng 201	
79	C2MB079	Đỗ Việt Dũng	01/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
80	C2MB080	Giảng Vũ Dũng	08/05/2002	Nam	H'Mông	Phòng 201	
81	C2MB081	Hoàng Tiến Dũng	10/1/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
82	C2MB082	Lê Bá Dũng	5/2/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
83	C2MB083	Lê Quốc Dũng	14/9/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
84	C2MB084	Nông Tiến Dũng	23/2/1999	Nam	Tày	Phòng 201	
85	C2MB085	Nguyễn Bá Dũng	14/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
86	C2MB086	Nguyễn Đức Dũng	28/1/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
87	C2MB087	Nguyễn Đức Dũng	17/8/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
88	C2MB088	Nguyễn Mạnh Dũng	22/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
89	C2MB089	Nguyễn Trần Dũng	2/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
90	C2MB090	Nguyễn Trung Dũng	1/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
91	C2MB091	Quan Việt Dũng	27/9/2002	Nam	Tày	Phòng 201	
92	C2MB092	Trương Tuấn Dũng	30/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
93	C2MB093	Vũ Tiến Dũng	23/3/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
94	C2MB094	Đinh Khánh Duy	29/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
95	C2MB095	Lô Văn Duy	3/9/1998	Nam	Tày	Phòng 201	
96	C2MB096	Nguyễn Phạm Duy	29/7/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
97	C2MB097	Nguyễn Thạc Bảo Duy	29/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
98	C2MB098	Trần Anh Duy	24/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
99	C2MB099	Trần Đình Duy	23/11/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
100	C2MB100	Đinh Thị Mỹ Duyên	14/9/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C2MB101	Đinh Thị Ngọc Duyên	28/1/1998	Nữ	Mường	Phòng 301	
102	C2MB102	Đỗ Thị Duyên	13/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
103	C2MB103	Lê Thị Hồng Duyên	15/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
104	C2MB104	Lê Thị Hồng Duyên	11/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
105	C2MB105	Lò Thị Duyên	20/6/1999	Nữ	Thái	Phòng 301	
106	C2MB106	Nông Mỹ Duyên	22/11/2003	Nữ	Tày	Phòng 301	
107	C2MB107	Nguyễn Thị Duyên	18/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
108	C2MB108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
109	C2MB109	Trần Thị An Duyên	1/1/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
110	C2MB110	Trịnh Thị Duyên	4/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
111	C2MB111	Trương Thị Kỳ Duyên	23/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
112	C2MB112	Đặng Văn Duyệt	09/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
113	C2MB113	Phạm Thế Duyệt	1/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C2MB114	Cao Tùng Dương	9/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
115	C2MB115	Đỗ Thủy Dương	19/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
116	C2MB116	Hoàng Thái Dương	2/2/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
117	C2MB117	Nguyễn Bạch Dương	8/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
118	C2MB118	Nguyễn Hồng Dương	05/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
119	C2MB119	Nguyễn Phương Thủy Dương	17/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
120	C2MB120	Nguyễn Thị Thủy Dương	7/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C2MB121	Nguyễn Thị Thủy Dương	14/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
122	C2MB122	Nguyễn Thủy Dương	24/2/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
123	C2MB123	Nguyễn Thủy Dương	29/01/1998	Nữ	Nùng	Phòng 301	
124	C2MB124	Nguyễn Trung Dương	18/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
125	C2MB125	Phạm Tùng Dương	09/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
126	C2MB126	Trần Thị Ánh Dương	03/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
127	C2MB127	Trần Vũ Thủy Dương	20/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
128	C2MB128	Trương Thủy Dương	29/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
129	C2MB129	Vũ Xuân Dương	20/3/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
130	C2MB130	Đinh Văn Đại	27/2/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
131	C2MB131	Nguyễn Trọng Đại	19/11/1997	Nam	Tày	Phòng 301	
132	C2MB132	Phan Ngọc Đại	29/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
133	C2MB133	Vũ Thị Linh Đan	5/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
134	C2MB134	Dương Thị Anh Đào	03/10/2001	Nữ	Nùng	Phòng 301	
135	C2MB135	Đàm Thị Kim Đào	31/12/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
136	C2MB136	Nguyễn Thị Đào	17/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
137	C2MB137	Đinh Minh Đạo	05/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
138	C2MB138	Đỗ Bằng Tiến Đạt	02/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
139	C2MB139	Hà Quốc Đạt	12/9/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
140	C2MB140	Hồ Tiến Đạt	13/10/2000	Nam	Cơ tu	Phòng 301	
141	C2MB141	Lê Tuấn Đạt	28/1/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
142	C2MB142	Nguyễn Doãn Thành Đạt	1/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
143	C2MB143	Nguyễn Hoàng Đạt	20/9/2003	Nam	Mường	Phòng 301	
144	C2MB144	Nguyễn Mạnh Đạt	20/3/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
145	C2MB145	Nguyễn Tiến Đạt	14/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
146	C2MB146	Nguyễn Thành Đạt	19/9/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
147	C2MB147	Trương Tuấn Đạt	01/06/2002	Nam	SÁN - DIU	Phòng 301	
148	C2MB148	Vũ Thành Đạt	4/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
149	C2MB149	Lê Hải Đăng	02/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
150	C2MB150	Trần Dương Hải Đăng	28/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
151	C2MB151	Hoàng Thị Diệp	18/1/1999	Nữ	Nùng	Phòng 301	
152	C2MB152	Chu Khánh Đoan	16/6/2002	Nữ	Nùng	Phòng 301	
153	C2MB153	Nguyễn Thục Đoan	12/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C2MB154	Phuong Minh Đoan	10/08/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
155	C2MB155	Nguyễn Hữu Đông	22/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
156	C2MB156	Nguyễn Tiến Đông	1/1/1998	Nam	Kinh	Phòng 301	
157	C2MB157	Phùng Trọng Đông	27/4/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
158	C2MB158	Nguyễn Thanh Đồng	1/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
159	C2MB159	Phạm Tuấn Đồng	12/5/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
160	C2MB160	Bùi Trung Đức	20/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
161	C2MB161	Đỗ Anh Đức	4/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
162	C2MB162	Hoàng Minh Đức	8/8/2003	Nam	Tày	Phòng 301	
163	C2MB163	Lưu Quang Đức	23/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
164	C2MB164	Nguyễn Đình Đức	1/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
165	C2MB165	Nguyễn Tiến Đức	24/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
166	C2MB166	Nguyễn Văn Đức	12/08/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
167	C2MB167	Phạm Minh Đức	04/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
168	C2MB168	Trần Minh Đức	16/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
169	C2MB169	Linh Hoàng Trang Êban	18/12/2003	Nữ	Ê-Đê	Phòng 301	
170	C2MB170	Nguyễn Thị Hồng Gấm	8/4/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
171	C2MB171	Vũ Thị Hồng Gấm	25/12/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
172	C2MB172	Cư Thị Gương	10/4/2002	Nữ	Mông	Phòng 301	
173	C2MB173	Cao Lam Giang	30/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
174	C2MB174	Cung Thanh Giang	18/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C2MB175	Chu Hương Giang	28/4/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
176	C2MB176	Đào Thu Giang	2/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
177	C2MB177	Hà Hương Giang	10/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
178	C2MB178	Hoàng Thị Hương Giang	07/08/2003	Nữ	Mường	Phòng 301	
179	C2MB179	Lê Thị Giang	3/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
180	C2MB180	Lưu Đức Giang	18/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
181	C2MB181	Nguyễn Châu Giang	23/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
182	C2MB182	Nguyễn Hà Giang	9/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
183	C2MB183	Nguyễn Hương Giang	12/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
184	C2MB184	Nguyễn Ngọc Giang	1/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
185	C2MB185	Nguyễn Tiến Giang	13/10/1996	Nam	Kinh	Phòng 301	
186	C2MB186	Nguyễn Thị Châu Giang	25/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
187	C2MB187	Nguyễn Thị Hà Giang	24/1/2001	Nữ	Mường	Phòng 301	
188	C2MB188	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	12/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
189	C2MB189	Nguyễn Thị Thanh Giang	02/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
190	C2MB190	Nguyễn Thị Thu Giang	21/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C2MB191	Nguyễn Thu Giang	08/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
192	C2MB192	Nguyễn Trường Giang	26/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
193	C2MB193	Phạm Lam Giang	02/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
194	C2MB194	Tổng Ngân Giang	26/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 3 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi sáng: 10h30-11h30

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C3MB001	Trần Hương Giang	22/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
2	C3MB002	Trần Vũ Thu Giang	16/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
3	C3MB003	Vũ Thu Giang	8/2/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
4	C3MB004	Lê Nguyễn Giáp	17/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
5	C3MB005	Nguyễn Xuân Giáp	4/2/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
6	C3MB006	Bùi Thị Thu Hà	01/09/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
7	C3MB007	Bùi Thu Hà	26/10/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
8	C3MB008	Dương Ngọc Hà	25/12/2001	Nữ	Nùng	Phòng 201	
9	C3MB009	Đinh Việt Hà	31/7/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
10	C3MB010	Đoàn Việt Hà	9/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
11	C3MB011	Giáp Thu Hà	19/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C3MB012	Hoàng Triệu Hà	26/3/2002	Nam	Tây	Phòng 201	
13	C3MB013	Lê Hồng Hà	22/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
14	C3MB014	Lê Thị Cẩm Hà	5/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
15	C3MB015	Lò Kiều Hồng Hà	28/1/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
16	C3MB016	Lò Thị Thu Hà	25/2/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
17	C3MB017	Lương Ngân Hà	22/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
18	C3MB018	Lương Thị Thu Hà	9/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
19	C3MB019	Lương Thu Hà	6/8/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
20	C3MB020	Lưu Hải Hà	06/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
21	C3MB021	Mai Ngọc Hà	2/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
22	C3MB022	Nông Nguyệt Hà	6/3/1997	Nữ	Tây	Phòng 201	
23	C3MB023	Nguyễn Hồng Hà	1/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
24	C3MB024	Nguyễn Mai Hà	8/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C3MB025	Nguyễn Ngọc Hà	5/3/1996	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C3MB026	Nguyễn Thị Ngọc Hà	21/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
27	C3MB027	Nguyễn Thị Thu Hà	20/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
28	C3MB028	Nguyễn Thị Việt Hà	11/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
29	C3MB029	Nguyễn Thu Hà	25/12/1998	Nữ	Mường	Phòng 201	
30	C3MB030	Nguyễn Trần Minh Hà	22/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
31	C3MB031	Phạm Thị Hà	23/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
32	C3MB032	Phạm Thị Thu Hà	25/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
33	C3MB033	Phan Thị Hà	15/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
34	C3MB034	Phan Việt Hà	28/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
35	C3MB035	Tào Thị Thu Hà	4/3/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
36	C3MB036	Trần Thanh Hà	24/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
37	C3MB037	Trần Thủy Hà	08/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
38	C3MB038	Trần Việt Hà	11/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
39	C3MB039	Trương Khánh Hà	23/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
40	C3MB040	Vì Thảo Hà	26/11/2000	Nữ	Dao	Phòng 201	
41	C3MB041	Vũ Quỳnh Hà	12/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C3MB042	Phạm Đình Hải	16/1/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
43	C3MB043	Phạm Long Hải	11/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
44	C3MB044	Đặng Thị Mỹ Hạnh	13/3/1996	Nữ	Kinh	Phòng 201	
45	C3MB045	Đỗ Minh Hạnh	16/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
46	C3MB046	Hoàng Thị Huyền Hạnh	8/7/1998	Nữ	Nùng	Phòng 201	
47	C3MB047	Hồ Thị Mỹ Hạnh	15/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
48	C3MB048	Ngô Mai Hạnh	7/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
49	C3MB049	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
50	C3MB050	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/1/2000	Nữ	Nùng	Phòng 201	
51	C3MB051	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	6/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
52	C3MB052	Sầm Mỹ Hạnh	04/02/2003	Nữ	Nùng	Phòng 201	
53	C3MB053	Bùi Thị Thúy Hằng	17/7/1999	Nữ	Mường	Phòng 201	
54	C3MB054	Bùi Thúy Hằng	06/09/1998	Nữ	Mường	Phòng 201	
55	C3MB055	Cao Thị Diệu Hằng	05/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
56	C3MB056	Đào Thị Hằng	6/8/2002	Nữ	Dao	Phòng 201	
57	C3MB057	Đinh Thị Hằng	7/4/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
58	C3MB058	Hoàng Hải Hằng	28/3/2001	Nữ	Tày	Phòng 201	
59	C3MB059	Hoàng Thị Hằng	16/12/1997	Nữ	Nùng	Phòng 201	
60	C3MB060	Lê Thị Minh Hằng	1/1/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
61	C3MB061	Lương Thị Hằng	07/08/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
62	C3MB062	Lý Thị Hằng	25/4/2002	Nữ	Dao	Phòng 201	
63	C3MB063	Nguyễn Thị Minh Hằng	1/4/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
64	C3MB064	Nguyễn Thị Thúy Hằng	27/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
65	C3MB065	Phạm Thị Minh Hằng	12/6/1994	Nữ	Kinh	Phòng 201	
66	C3MB066	Phạm Thị Minh Hằng	26/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C3MB067	Phạm Thị Minh Hằng	12/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C3MB068	Phạm Thúy Hằng	18/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
69	C3MB069	Tô Thúy Hằng	30/9/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C3MB070	Trần Thanh Hằng	15/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
71	C3MB071	Trần Thị Hằng	15/5/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
72	C3MB072	Vũ Thu Hằng	09/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
73	C3MB073	Nguyễn Bảo Hân	11/4/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
74	C3MB074	Nguyễn Thị Ngọc Hân	29/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
75	C3MB075	Hà Thị Hiền	9/12/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
76	C3MB076	Lê Thị Thúy Hiền	03/08/1998	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C3MB077	Lưu Thị Hiền	29/1/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
78	C3MB078	Mai Thúy Hiền	06/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
79	C3MB079	Ngân Thị Hiền	24/12/2001	Nữ	Tày	Phòng 201	
80	C3MB080	Nguyễn Phương Hiền	09/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
81	C3MB081	Nguyễn Thanh Hiền	14/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
82	C3MB082	Nguyễn Thanh Hiền	29/3/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
83	C3MB083	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
84	C3MB084	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
85	C3MB085	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
86	C3MB086	Nguyễn Thu Hiền	26/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
87	C3MB087	Phạm Thị Thu Hiền	16/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
88	C3MB088	Phan Thị Hiền	13/3/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
89	C3MB089	Phùng Thu Hiền	23/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
90	C3MB090	Tô Thị Hiền	21/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
91	C3MB091	Nguyễn Văn Hiến	28/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
92	C3MB092	Hoàng Minh Hiến	11/10/1999	Nam	Tày	Phòng 201	
93	C3MB093	Đào Văn Hiệp	14/11/2003	Nam	Tày	Phòng 201	
94	C3MB094	Nguyễn Hoàng Hiệp	11/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	

Khai

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
95	C3MB095	Nguyễn Như Hiệp	22/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
96	C3MB096	Nguyễn Như Hiệp	10/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
97	C3MB097	Quan Văn Hiệp	6/3/2001	Nam	Tây	Phòng 201	
98	C3MB098	Bùi Đình Hiếu	22/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
99	C3MB099	Bùi Quang Hiếu	07/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
100	C3MB100	Bùi Trung Hiếu	27/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
101	C3MB101	Đinh Hồng Hiếu	30/3/2001	Nam	Mường	Phòng 301	
102	C3MB102	Hứa Minh Hiếu	26/3/2003	Nam	Tây	Phòng 301	
103	C3MB103	Lê Minh Hiếu	21/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
104	C3MB104	Lê Minh Hiếu	18/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
105	C3MB105	Lê Trung Hiếu	9/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
106	C3MB106	Lô Ngọc Hiếu	16/8/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
107	C3MB107	Lưu Trung Hiếu	12/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
108	C3MB108	Nguyễn Anh Hiếu	25/6/1996	Nam	Kinh	Phòng 301	
109	C3MB109	Nguyễn Đức Hiếu	30/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
110	C3MB110	Nguyễn Nông Trung Hiếu	7/12/2002	Nam	Tây	Phòng 301	
111	C3MB111	Phạm Nguyễn Minh Hiếu	27/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
112	C3MB112	Phạm Trần Hiếu	26/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
113	C3MB113	Phạm Trịnh Công Hiếu	15/8/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C3MB114	Phan Thị Hiếu	04/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
115	C3MB115	Thường Minh Hiếu	25/10/2003	Nữ	Tây	Phòng 301	
116	C3MB116	Trần Trung Hiếu	25/5/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
117	C3MB117	Vì Minh Hiếu	5/1/2003	Nam	Nùng	Phòng 301	
118	C3MB118	Vương Minh Hiếu	15/9/2002	Nam	Tây	Phòng 301	
119	C3MB119	Đỗ Thị Hoa	27/5/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
120	C3MB120	Hoàng Hải Hoa	20/6/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C3MB121	Hoàng Thị Hoa	9/7/2001	Nữ	Tây	Phòng 301	
122	C3MB122	Lương Thị Phương Hoa	18/12/1998	Nữ	Thái	Phòng 301	
123	C3MB123	Ngô Mai Hoa	07/02/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
124	C3MB124	Nguyễn Thị Hoa	18/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
125	C3MB125	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	08/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
126	C3MB126	Phạm Thị Hoa	06/08/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
127	C3MB127	Vũ Thị Phương Hoa	6/4/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
128	C3MB128	Vương Thị Quỳnh Hoa	01/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
129	C3MB129	Lã Thanh Hoà	26/7/2003	Nữ	Tây	Phòng 301	
130	C3MB130	Phan Hải Hoà	30/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
131	C3MB131	Lại Việt Hòa	28/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
132	C3MB132	Mùi Thị Mỹ Hòa	11/8/2003	Nữ	MƯỜNG	Phòng 301	
133	C3MB133	Nguyễn Minh Hòa	30/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
134	C3MB134	Nguyễn Thị Khánh Hòa	20/2/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
135	C3MB135	Chằng Kiều Hoài	29/6/1997	Nữ	Tây	Phòng 301	
136	C3MB136	Đàm Thị Thu Hoài	24/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
137	C3MB137	Hà Ngọc Hoài	2/2/2001	Nữ	Tây	Phòng 301	
138	C3MB138	Lao Thị Hồng Hoài	10/12/1997	Nữ	Nùng	Phòng 301	
139	C3MB139	Lục Thị Hoài	26/5/1997	Nữ	Nùng	Phòng 301	
140	C3MB140	Lý Thu Hoài	19/12/2000	Nữ	Nùng	Phòng 301	
141	C3MB141	Trần Thị Thanh Hoài	20/9/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
142	C3MB142	Vũ Thu Hoài	06/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
143	C3MB143	Dương Đức Hoan	30/9/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
144	C3MB144	Bùi Thương Hoàn	19/5/2003	Nữ	Mường	Phòng 301	
145	C3MB145	Dương Xuân Hoàn	03/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
146	C3MB146	Nguyễn Quang Hoàn	11/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
147	C3MB147	Trần Đăng Hoàn	5/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
148	C3MB148	Bạch Minh Hoàng	9/7/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
149	C3MB149	Dương Việt Hoàng	30/3/2002	Nam	Dao	Phòng 301	
150	C3MB150	Dương Việt Hoàng	9/10/1998	Nam	Kinh	Phòng 301	
151	C3MB151	Lê Hữu Hoàng	2/7/2000	Nam	Thái	Phòng 301	
152	C3MB152	Ngô Việt Hoàng	20/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
153	C3MB153	Nguyễn Huy Hoàng	17/4/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
154	C3MB154	Nguyễn Huy Hoàng	29/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
155	C3MB155	Nguyễn Ích Hoàng	25/4/2002	Nam	Tây	Phòng 301	
156	C3MB156	Nguyễn Việt Hoàng	11/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
157	C3MB157	Phạm Trọng Hoàng	02/10/1997	Nam	Kinh	Phòng 301	
158	C3MB158	Phan Việt Hoàng	15/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
159	C3MB159	Trần Mạnh Hoàng	20/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
160	C3MB160	Trịnh Văn Hoàng	2/3/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
161	C3MB161	Vi Tiến Hoàng	21/9/2003	Nam	Nùng	Phòng 301	
162	C3MB162	Vũ Tuyền Hoàng	17/3/1999	Nam	Mường	Phòng 301	
163	C3MB163	Vũ Xuân Hoàng	17/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
164	C3MB164	Đỗ Thị Ánh Hồng	4/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
165	C3MB165	Hà Thu Hồng	29/11/1999	Nữ	Nùng	Phòng 301	
166	C3MB166	Nguyễn Thị Mai Hồng	3/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
167	C3MB167	Triệu Thị Huệ	7/7/2001	Nữ	Nùng	Phòng 301	
168	C3MB168	Hoàng Thu Huệ	25/5/2002	Nữ	Tây	Phòng 301	
169	C3MB169	Nại Thị Minh Huệ	11/07/2001	Nữ	Tây	Phòng 301	
170	C3MB170	Nguyễn Thị Huệ	19/8/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
171	C3MB171	Trần Thị Hồng Huệ	5/9/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
172	C3MB172	Vi Hoàng Huệ	7/7/2003	Nữ	Tây	Phòng 301	
173	C3MB173	Đàm Việt Hùng	28/8/2002	Nam	Tây	Phòng 301	
174	C3MB174	Đoàn Văn Hùng	06/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
175	C3MB175	Lê Minh Hùng	15/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
176	C3MB176	Lê Việt Hùng	13/8/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
177	C3MB177	Nguyễn Mạnh Hùng	26/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
178	C3MB178	Nguyễn Trọng Hùng	27/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
179	C3MB179	Trần Minh Hùng	31/8/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
180	C3MB180	Biện Văn Huy	24/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
181	C3MB181	Cao Văn Huy	4/1/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
182	C3MB182	Cao Việt Huy	27/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
183	C3MB183	Lê Quang Huy	6/1/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
184	C3MB184	Lê Vũ Hoàng Huy	10/3/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
185	C3MB185	Mai Nguyễn Gia Huy	08/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
186	C3MB186	Nguyễn Quang Huy	08/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
187	C3MB187	Phan Văn Huy	08/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
188	C3MB188	Trần Quang Huy	5/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
189	C3MB189	Vũ Đức Huy	23/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
190	C3MB190	Phạm Thị Huyền	18/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C3MB191	Bùi Thị Khánh Huyền	19/8/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
192	C3MB192	Bùi Thị Ngọc Huyền	18/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
193	C3MB193	Bùi Thị Phương Huyền	16/7/2001	Nữ	Mường	Phòng 301	
194	C3MB194	Đặng Ngọc Huyền	5/5/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 4 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi chiều: 13h30-14h30

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C4MB001	Đinh Ngọc Huyền	16/11/1999	Nữ	Mường	Phòng 201	
2	C4MB002	Đoàn Khánh Huyền	24/2/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
3	C4MB003	Đỗ Hồ Mai Huyền	23/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
4	C4MB004	Đỗ Ngọc Huyền	25/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
5	C4MB005	Hoàng Thanh Huyền	16/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
6	C4MB006	Lê Thị Khánh Huyền	25/6/1994	Nữ	Kinh	Phòng 201	
7	C4MB007	Lê Thị Thanh Thanh Huyền	30/3/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
8	C4MB008	Lê Thị Thu Huyền	17/5/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
9	C4MB009	Mùi Thị Huyền	17/9/1999	Nữ	Mường	Phòng 201	
10	C4MB010	Nông Thị Huyền	23/6/1996	Nữ	Tày	Phòng 201	
11	C4MB011	Ngô Thị Mỹ Huyền	16/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C4MB012	Nguyễn Khánh Huyền	22/11/2003	Nữ	Mường	Phòng 201	
13	C4MB013	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	14/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
14	C4MB014	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
15	C4MB015	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/6/1996	Nữ	Kinh	Phòng 201	
16	C4MB016	Nguyễn Thu Huyền	5/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C4MB017	Phạm Thị Thanh Huyền	1/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
18	C4MB018	Quảng Thu Huyền	27/5/2003	Nữ	Lào	Phòng 201	
19	C4MB019	Tạ Thanh Huyền	12/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
20	C4MB020	Trần Mai Huyền	30/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
21	C4MB021	Trần Thanh Huyền	10/11/1996	Nữ	Tày	Phòng 201	
22	C4MB022	Trần Thị Huyền	2/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
23	C4MB023	Trần Thị Thanh Huyền	09/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
24	C4MB024	Trương Khánh Huyền	31/3/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C4MB025	Trương Thị Khánh Huyền	16/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C4MB026	Vì Thị Phương Huyền	23/12/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
27	C4MB027	Vũ Minh Huyền	3/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
28	C4MB028	Vương Khánh Huyền	19/9/2003	Nữ	Thái	Phòng 201	
29	C4MB029	Hoàng Thị Ngọc Huyền	07/09/2002	Nữ	Nùng	Phòng 201	
30	C4MB030	Giang Lý Huỳnh	15/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
31	C4MB031	Nguyễn Thị Hứa	24/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
32	C4MB032	Lý Văn Hưng	17/8/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
33	C4MB033	Nguyễn An Thái Hưng	25/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
34	C4MB034	Nguyễn Gia Phú Hưng	5/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
35	C4MB035	Nguyễn Tuấn Hưng	20/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
36	C4MB036	Tường Duy Hưng	20/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
37	C4MB037	Vũ Đăng Hưng	21/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
38	C4MB038	Dương Thị Thu Hương	5/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
39	C4MB039	Hồ Nguyễn Mai Hương	03/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
40	C4MB040	Lê Hồng Hương	17/4/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
41	C4MB041	Lê Mai Hương	14/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C4MB042	Lê Thị Thu Hương	12/08/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
43	C4MB043	Lương Thị Hồng Hương	27/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
44	C4MB044	Lý Mai Hương	09/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
45	C4MB045	Nguyễn Thị Hương	30/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
46	C4MB046	Nguyễn Thị Hương	29/8/1997	Nữ	Mường	Phòng 201	
47	C4MB047	Nguyễn Thị Thu Hương	28/2/2000	Nữ	Tày	Phòng 201	
48	C4MB048	Nguyễn Thị Thu Hương	24/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
49	C4MB049	Nguyễn Thu Hương	02/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
50	C4MB050	Nguyễn Trí Mai Hương	7/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
51	C4MB051	Tạ Thị Hương	23/6/1994	Nữ	Mường	Phòng 201	
52	C4MB052	Tạ Thùy Hương	21/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C4MB053	Tông Thị Hương	23/2/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
54	C4MB054	Trang Thanh Hương	19/3/2002	Nữ	Hà Nhi	Phòng 201	
55	C4MB055	Trần Quỳnh Hương	11/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
56	C4MB056	Trịnh Lan Hương	29/1/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
57	C4MB057	Bế Thị Hương	18/10/1997	Nữ	Tày	Phòng 201	
58	C4MB058	Lại Thị Thu Hương	26/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
59	C4MB059	Lê Thị Thanh Hương	04/07/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
60	C4MB060	Phùng Thị Hương	28/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
61	C4MB061	Trương Minh Hương	16/10/1996	Nữ	Kinh	Phòng 201	
62	C4MB062	Vi Thị Hương	28/6/2003	Nữ	Giáy	Phòng 201	
63	C4MB063	Đỗ Văn Hương	24/11/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	
64	C4MB064	Hoàng Trí Kiên	7/7/2003	Nam	Tày	Phòng 201	
65	C4MB065	Lương Hữu Kiên	26/2/2001	Nam	Tày	Phòng 201	
66	C4MB066	Nguyễn Mạnh Kiên	29/8/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
67	C4MB067	Nguyễn Trung Kiên	9/9/1995	Nam	Kinh	Phòng 201	
68	C4MB068	Trần Trung Kiên	22/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
69	C4MB069	Cà Thị Kiệt	19/4/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
70	C4MB070	Đặng Bá Tấn Kiệt	21/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
71	C4MB071	Lê Khắc Tuấn Kiệt	01/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
72	C4MB072	Lê Tuấn Kiệt	11/5/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
73	C4MB073	Trần Anh Kiệt	31/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
74	C4MB074	Nguyễn Thị Kỳ	27/12/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
75	C4MB075	Vũ Ngọc Kỳ	16/7/2002	Nam	Tày	Phòng 201	
76	C4MB076	Đỗ Thị Kiều Kha	1/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C4MB077	Đặng Văn Khang	10/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
78	C4MB078	Hoàng Việt Khang	24/8/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
79	C4MB079	Trần Hữu Khang	21/8/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
80	C4MB080	Lý Vương Khanh	17/3/2000	Nữ	Tày	Phòng 201	
81	C4MB081	Mai Bảo Khanh	28/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
82	C4MB082	Đoàn Ngọc Khánh	04/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
83	C4MB083	Hà Huy Khánh	16/3/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
84	C4MB084	Hoàng Quốc Khánh	01/09/2003	Nam	Nùng	Phòng 201	
85	C4MB085	Kiều Lương Gia Khánh	6/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
86	C4MB086	Lăng Văn Khánh	09/10/2000	Nam	Nùng	Phòng 201	
87	C4MB087	Lê Ngọc Khánh	12/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
88	C4MB088	Lê Quốc Khánh	2/9/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
89	C4MB089	Lý Thu Khánh	2/9/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
90	C4MB090	Nguyễn Cửu Đức Khánh	4/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
91	C4MB091	Nguyễn Gia Khánh	29/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
92	C4MB092	Nguyễn Ngọc Khánh	25/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
93	C4MB093	Phan Văn Khánh	5/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
94	C4MB094	Tào Nam Khánh	10/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
95	C4MB095	Tương Duy Khánh	25/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
96	C4MB096	Trình Hoàng Khiêm	27/9/1996	Nam	Nùng	Phòng 201	
97	C4MB097	Dương Minh Khoa	8/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
98	C4MB098	Trần Võ Đăng Khoa	5/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
99	C4MB099	Vũ Ngọc Anh Khoa	17/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
100	C4MB100	Cao Hồ Minh Khuê	03/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C4MB101	La Thị Bích Khuyển	5/2/1998	Nữ	Tày	Phòng 301	
102	C4MB102	Hà Sông Lam	21/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
103	C4MB103	Hoàng Thị Lam	23/8/1997	Nữ	Tày	Phòng 301	
104	C4MB104	Hà Phương Lan	26/1/2001	Nữ	Tày	Phòng 301	
105	C4MB105	Linh Thị Ngọc Lan	8/12/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
106	C4MB106	Lương Ngọc Lan	18/12/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
107	C4MB107	Lý Thái Lan	02/12/2002	Nữ	Sán Chi	Phòng 301	
108	C4MB108	Nông Thị Lan	11/5/2000	Nữ	Tày	Phòng 301	
109	C4MB109	Vi Thị Ngọc Lan	13/1/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
110	C4MB110	Phùng Thị La Lanh	11/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
111	C4MB111	Hoàng Hải Lâm	9/8/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
112	C4MB112	Lý Khánh Lâm	17/6/2000	Nam	Nùng	Phòng 301	
113	C4MB113	Nguyễn Trần Lâm	3/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C4MB114	Triệu Văn Lâm	7/1/1999	Nam	Nùng	Phòng 301	
115	C4MB115	Nguyễn Phương Lê	29/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
116	C4MB116	Khoàng Thị Lệ	6/10/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
117	C4MB117	Nông Thị Lệ	1/4/1993	Nữ	Tày	Phòng 301	
118	C4MB118	Ngôn Thị Nhật Lệ	26/11/2003	Nữ	Tày	Phòng 301	
119	C4MB119	Nguyễn Nhật Lệ	27/9/1995	Nữ	Tày	Phòng 301	
120	C4MB120	Nguyễn Thị Hải Liên	8/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C4MB121	Phan Hạnh Liên	02/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
122	C4MB122	Hoàng Thị Liễu	25/4/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
123	C4MB123	Bùi Bảo Linh	18/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
124	C4MB124	Bùi Đình Phúc Linh	6/2/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
125	C4MB125	Bùi Đỗ Mai Linh	1/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
126	C4MB126	Bùi Hải Linh	2/6/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
127	C4MB127	Bùi Khánh Linh	14/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
128	C4MB128	Bùi Lý Linh	09/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
129	C4MB129	Bùi Thị Khánh Linh	16/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
130	C4MB130	Bùi Thị Linh	09/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
131	C4MB131	Cao Khánh Linh	22/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
132	C4MB132	Châu Hương Linh	15/9/2003	Nữ	Tày	Phòng 301	
133	C4MB133	Chu Thị Linh	25/9/2003	Nữ	Dao	Phòng 301	
134	C4MB134	Dương Hồng Linh	05/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
135	C4MB135	Đào Thị Diệp Linh	15/9/2001	Nữ	Tày	Phòng 301	
136	C4MB136	Đặng Diệu Linh	18/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
137	C4MB137	Đặng Nguyễn Phương Linh	10/9/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
138	C4MB138	Đặng Thị Huyền Linh	19/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
139	C4MB139	Đặng Thị Khánh Linh	09/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
140	C4MB140	Đinh Diệu Linh	26/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
141	C4MB141	Đinh Lệ Linh	06/09/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
142	C4MB142	Đinh Thảo Linh	25/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
143	C4MB143	Đinh Thị Mỹ Linh	13/12/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
144	C4MB144	Đinh Thùy Linh	18/4/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
145	C4MB145	Đinh Trịnh Phương Linh	22/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
146	C4MB146	Đoàn Khánh Linh	21/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
147	C4MB147	Đoàn Thị Mỹ Linh	13/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
148	C4MB148	Đỗ Phương Linh	08/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
149	C4MB149	Hà Ngọc Linh	11/10/1999	Nữ	Tây	Phòng 301	
150	C4MB150	Hà Phương Linh	01/11/1999	Nữ	Thái	Phòng 301	
151	C4MB151	Hoàng Diệu Linh	29/1/2003	Nữ	Bồ Y	Phòng 301	
152	C4MB152	Hoàng Khánh Linh	12/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
153	C4MB153	Hoàng Khánh Linh	01/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C4MB154	Hoàng Thùy Linh	12/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
155	C4MB155	Hoàng Việt Linh	20/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
156	C4MB156	Lê Duy Linh	27/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
157	C4MB157	Lê Hà Linh	12/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
158	C4MB158	Lê Khánh Linh	12/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
159	C4MB159	Lê Ngọc Phương Linh	1/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
160	C4MB160	Lô Khánh Linh	03/10/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
161	C4MB161	Lô Thị Linh	23/8/2003	Nữ	Thái	Phòng 301	
162	C4MB162	Lộ Yến Linh	25/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
163	C4MB163	Lương Diệu Linh	9/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
164	C4MB164	Lương Thùy Linh	24/8/1998	Nữ	Nùng	Phòng 301	
165	C4MB165	Lưu Thị Huệ Linh	14/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
166	C4MB166	Mông Trà Linh	06/01/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
167	C4MB167	Ngô Mai Linh	16/10/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C4MB168	Ngô Thị Mỹ Linh	12/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
169	C4MB169	Nguyễn Diệu Linh	02/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
170	C4MB170	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	22/6/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
171	C4MB171	Nguyễn Hà Linh	09/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
172	C4MB172	Nguyễn Hà Linh	30/11/2002	Nữ	Tây	Phòng 301	
173	C4MB173	Nguyễn Hoàng Linh	24/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
174	C4MB174	Nguyễn Khánh Linh	21/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C4MB175	Nguyễn Khánh Linh	24/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
176	C4MB176	Nguyễn Khánh Linh	02/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
177	C4MB177	Nguyễn Khánh Linh	11/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
178	C4MB178	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	26/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
179	C4MB179	Nguyễn Phương Linh	21/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
180	C4MB180	Nguyễn Phương Linh	16/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
181	C4MB181	Nguyễn Phương Linh	31/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
182	C4MB182	Nguyễn Phương Linh	15/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
183	C4MB183	Nguyễn Tùng Linh	06/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
184	C4MB184	Nguyễn Thị Hoài Linh	14/8/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
185	C4MB185	Nguyễn Thị Linh	26/5/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
186	C4MB186	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
187	C4MB187	Nguyễn Thị Ngọc Linh	8/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
188	C4MB188	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	4/6/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
189	C4MB189	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	19/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
190	C4MB190	Nguyễn Thùy Linh	11/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C4MB191	Nguyễn Thùy Linh	26/9/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
192	C4MB192	Nguyễn Thùy Linh	19/2/1997	Nữ	Mường	Phòng 301	
193	C4MB193	Nguyễn Trần Ái Linh	07/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
194	C4MB194	Nguyễn Trần Diệu Linh	09/06/1994	Nữ	Cao lan	Phòng 301	

hà

104



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 5 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi chiều: 15h00-16h00

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C5MB001	Nguyễn Văn Linh	22/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
2	C5MB002	Phạm Ái Linh	23/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
3	C5MB003	Phạm Thị Thùy Linh	08/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
4	C5MB004	Phan Bảo Linh	28/09/2003	Nam	Thái	Phòng 201	
5	C5MB005	Phan Khánh Linh	09/01/2002	Nữ	Dao	Phòng 201	
6	C5MB006	Phan Ngọc Linh	27/01/2002	Nữ	Dao	Phòng 201	
7	C5MB007	Thang Yến Linh	03/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
8	C5MB008	Trần Diệu Linh	21/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
9	C5MB009	Trần Diệu Linh	18/12/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
10	C5MB010	Trần Hồng Linh	18/11/2001	Nữ	Tày	Phòng 201	
11	C5MB011	Trần Khánh Linh	27/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C5MB012	Trần Mai Linh	22/06/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
13	C5MB013	Trần Mai Linh	08/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
14	C5MB014	Trần Nữ Khánh Linh	27/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
15	C5MB015	Trần Thị Linh	22/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
16	C5MB016	Trịnh Huyền Linh	04/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C5MB017	Võ Hà Linh	02/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
18	C5MB018	Vũ Hà Linh	18/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
19	C5MB019	Vũ Hải Linh	16/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
20	C5MB020	Vũ Khánh Linh	18/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
21	C5MB021	Vũ Khánh Linh	25/09/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
22	C5MB022	Vũ Thị Ngọc Linh	30/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
23	C5MB023	Vũ Thùy Linh	25/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
24	C5MB024	Đỗ Mai Loan	11/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C5MB025	Lê Thị Loan	15/06/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C5MB026	Linh Thị Loan	09/07/1997	Nữ	Nùng	Phòng 201	
27	C5MB027	Nguyễn Phương Loan	27/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
28	C5MB028	Nguyễn Thị Loan	22/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
29	C5MB029	Trần Thị Mai Loan	19/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
30	C5MB030	Võ Thị Bích Loan	17/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
31	C5MB031	Lê Hải Long	09/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
32	C5MB032	Lê Minh Long	25/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
33	C5MB033	Lò Hải Long	15/08/2000	Nam	Thái	Phòng 201	
34	C5MB034	Lý Khắc Hoàng Long	02/05/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
35	C5MB035	Lý Xuân Long	10/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
36	C5MB036	Nguyễn Hải Long	13/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
37	C5MB037	Nguyễn Thanh Long	25/05/1999	Nam	Mường	Phòng 201	
38	C5MB038	Phạm Gia Long	07/05/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
39	C5MB039	Phạm Thành Long	15/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
40	C5MB040	Trần Hải Long	20/06/2002	Nam	Tày	Phòng 201	
41	C5MB041	Trần Thị Song Long	15/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C5MB042	Vũ Hoàng Long	12/07/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
43	C5MB043	Mai Phước Lộc	04/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
44	C5MB044	Nguyễn Bảo Lộc	19/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
45	C5MB045	Nguyễn Quang Lộc	01/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
46	C5MB046	Nguyễn Thanh Lộc	30/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
47	C5MB047	Trần Khắc Lộc	20/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
48	C5MB048	Đỗ Lâm Bảo Luân	17/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
49	C5MB049	Lương Thị Thu Luyện	29/01/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
50	C5MB050	Phạm Thị Luyện	09/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
51	C5MB051	Triệu Thị Luyện	11/01/2003	Nữ	Nùng	Phòng 201	
52	C5MB052	Bùi Khánh Ly	15/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C5MB053	Bùi Khánh Ly	25/01/2001	Nữ	Mường	Phòng 201	
54	C5MB054	Chu Thị Ly	01/01/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
55	C5MB055	Đào Hải Ly	07/09/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
56	C5MB056	Đỗ Gia Ly	22/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
57	C5MB057	Đồng Khánh Ly	27/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
58	C5MB058	Hà Thị Mai Ly	28/12/2001	Nữ	Thái	Phòng 201	
59	C5MB059	Lâm Thị Cẩm Ly	02/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
60	C5MB060	Lương Thị Cẩm Ly	30/05/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
61	C5MB061	Nông Thị Hương Ly	05/10/2000	Nữ	Nùng	Phòng 201	
62	C5MB062	Nguyễn Ngọc Ly	09/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
63	C5MB063	Nguyễn Thị Cẩm Ly	19/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
64	C5MB064	Phạm Thị Khánh Ly	23/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
65	C5MB065	Phan Thị Ly	25/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
66	C5MB066	Vy Thị Hương Ly	24/09/2000	Nữ	Nùng	Phòng 201	
67	C5MB067	Bùi Thị Lý	20/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C5MB068	Dương Thị Mai	17/04/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
69	C5MB069	Dương Thị Mai	10/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C5MB070	Hoàng Thị Mai	11/03/1997	Nữ	Tày	Phòng 201	
71	C5MB071	Lê Thị Tuyết Mai	28/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
72	C5MB072	Nguyễn Hiền Mai	11/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
73	C5MB073	Nguyễn Ngọc Mai	22/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
74	C5MB074	Nguyễn Phương Mai	08/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
75	C5MB075	Nguyễn Quỳnh Mai	22/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
76	C5MB076	Nguyễn Thanh Mai	19/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C5MB077	Nguyễn Thị Hương Mai	02/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
78	C5MB078	Nguyễn Thị Mai	08/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
79	C5MB079	Nguyễn Thị Tuyết Mai	25/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
80	C5MB080	Phạm Thị Quỳnh Mai	16/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
81	C5MB081	Trần Xuân Mai	31/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
82	C5MB082	Đoàn Đức Mạnh	23/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
83	C5MB083	Hoàng Văn Mạnh	04/11/2003	Nam	TÂY	Phòng 201	
84	C5MB084	Lâm Đức Mạnh	09/09/1997	Nam	Kinh	Phòng 201	
85	C5MB085	Nguyễn Tiến Mạnh	05/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
86	C5MB086	Phạm Doãn Mạnh	05/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
87	C5MB087	Trần Đức Mạnh	01/12/1993	Nam	Tây	Phòng 201	
88	C5MB088	Trần Đức Mạnh	29/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
89	C5MB089	Vi Đức Mạnh	21/02/2003	Nam	Tây	Phòng 201	
90	C5MB090	Hà Tiểu Mẫn	09/01/2002	Nữ	Nùng	Phòng 201	
91	C5MB091	Đặng Mùi Mấy	20/05/1999	Nữ	Dao	Phòng 201	
92	C5MB092	Nguyễn Thị Mến	15/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
93	C5MB093	Đỗ Hương Trà Mĩ	06/09/2000	Nữ	Sán Diu	Phòng 201	
94	C5MB094	Đào Thị Mĩ Mĩ	17/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
95	C5MB095	Bùi Hoàng Minh	26/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
96	C5MB096	Bùi Thùy Minh	21/10/2001	Nữ	Mường	Phòng 201	
97	C5MB097	Bùi Trần Bảo Minh	03/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
98	C5MB098	Cao Thị Ngọc Minh	03/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
99	C5MB099	Hoàng Anh Minh	29/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
100	C5MB100	Hoàng Tuấn Minh	16/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
101	C5MB101	Hoàng Thị Minh	13/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
102	C5MB102	Kiểu Nhật Minh	04/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
103	C5MB103	Lại Vũ Minh	01/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
104	C5MB104	Lê Viết Minh	17/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
105	C5MB105	Nguyễn Anh Minh	01/02/2003	Nữ	Dao	Phòng 301	
106	C5MB106	Nguyễn Hồng Minh	09/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
107	C5MB107	Nguyễn Ngọc Minh	27/09/2000	Nữ	Tây	Phòng 301	
108	C5MB108	Nguyễn Ngọc Minh	23/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
109	C5MB109	Nguyễn Nhật Minh	20/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
110	C5MB110	Nguyễn Nhật Minh	12/11/1997	Nam	Kinh	Phòng 301	
111	C5MB111	Nguyễn Tiến Minh	29/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
112	C5MB112	Nguyễn Tuấn Minh	14/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
113	C5MB113	Nguyễn Văn Minh	18/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C5MB114	Nguyễn Xuân Hoàng Minh	28/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
115	C5MB115	Phạm Chu Nhật Minh	30/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
116	C5MB116	Phạm Đức Nhật Minh	14/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
117	C5MB117	Phạm Ngọc Minh	23/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
118	C5MB118	Phạm Tuấn Minh	21/07/1998	Nam	Kinh	Phòng 301	
119	C5MB119	Phạm Thành Minh	17/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
120	C5MB120	Trần Hà Minh	20/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
121	C5MB121	Trần Hoàng Minh	14/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
122	C5MB122	Vũ Lê Anh Minh	06/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
123	C5MB123	Vũ Ngọc Minh	27/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
124	C5MB124	Tô Thị Mơ	22/09/2002	Nữ	Sán Diu	Phòng 301	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
125	C5MB125	Nông Thị Mừng	24/02/2002	Nữ	Nùng	Phòng 301	
126	C5MB126	Cao Thị Trà My	12/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
127	C5MB127	Dương Thị Huyền My	04/10/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
128	C5MB128	Đặng Phan Huyền My	13/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
129	C5MB129	Lại Lê Quỳnh My	27/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
130	C5MB130	Lê Thị Hà My	01/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
131	C5MB131	Nghiêm Thị Hà My	22/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
132	C5MB132	Ngô Thị Trà My	11/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
133	C5MB133	Nguyễn Huyền My	04/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
134	C5MB134	Phạm Trà My	20/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
135	C5MB135	Trần Hà My	16/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
136	C5MB136	Vũ Trà My	22/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
137	C5MB137	Vàng Thị A Chi Na	23/04/2003	Nữ	Mông	Phòng 301	
138	C5MB138	Bùi Hoàng Nam	27/08/2003	Nam	Dao	Phòng 301	
139	C5MB139	Đoàn Đức Nam	11/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
140	C5MB140	Hoàng Hải Nam	16/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
141	C5MB141	Hoàng Việt Nam	12/01/2002	Nam	Tày	Phòng 301	
142	C5MB142	Lô Thị Nam	01/12/2001	Nữ	Thái	Phòng 301	
143	C5MB143	Nguyễn Hải Nam	06/09/2000	Nam	Tày	Phòng 301	
144	C5MB144	Nguyễn Hải Nam	24/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
145	C5MB145	Phan Nhật Nam	18/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
146	C5MB146	Trần Đình Hải Nam	03/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
147	C5MB147	Vũ Ngọc Nam	29/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
148	C5MB148	Đặng Vũ Hà Ni	16/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
149	C5MB149	Nguyễn Việt Ninh	18/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
150	C5MB150	Nguyễn Thị Nụ	01/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
151	C5MB151	Đặng Thị Mỹ Nương	28/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
152	C5MB152	Hà Thị Thu Nga	09/07/2003	Nữ	Mường	Phòng 301	
153	C5MB153	Lưu Thị Thanh Nga	08/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C5MB154	Nguyễn Hằng Nga	28/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
155	C5MB155	Vi Thị Thủy Nga	11/11/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
156	C5MB156	Vũ Quỳnh Nga	27/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
157	C5MB157	Vũ Thị Nga	19/07/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
158	C5MB158	Vũ Thị Thuý Nga	15/09/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
159	C5MB159	Đào Thị Ngà	10/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
160	C5MB160	Dương Kim Ngân	07/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
161	C5MB161	Đặng Thanh Ngân	28/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
162	C5MB162	Hoàng Thanh Ngân	22/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
163	C5MB163	Hoàng Thị Ngân	03/07/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
164	C5MB164	Mã Kiều Ngân	25/12/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
165	C5MB165	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
166	C5MB166	Nguyễn Thị Ngân	08/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
167	C5MB167	Nguyễn Thị Thuý Ngân	02/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C5MB168	Phạm Thị Thùy Ngân	30/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
169	C5MB169	Phạm Thu Ngân	20/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
170	C5MB170	Quảng Thị Ngân	15/07/1997	Nữ	Thái	Phòng 301	
171	C5MB171	Trần Thị Hiếu Ngân	16/06/2003	Nữ	Sán chí	Phòng 301	
172	C5MB172	Nguyễn Duy Hữu Nghĩa	03/04/1994	Nam	Kinh	Phòng 301	
173	C5MB173	Nguyễn Đức Nghĩa	25/03/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
174	C5MB174	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	02/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C5MB175	Trần Xuân Nghĩa	26/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
176	C5MB176	Vũ Trung Nghĩa	28/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
177	C5MB177	Lò Thị Nghiệp	13/05/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
178	C5MB178	Lê Duy Ngộ	06/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
179	C5MB179	Bùi Hoàn Hải Ngọc	11/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
180	C5MB180	Bùi Minh Ngọc	29/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
181	C5MB181	Dương Thị Ngọc	22/09/2000	Nữ	Sán Diu	Phòng 301	
182	C5MB182	Đào Bảo Ngọc	09/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
183	C5MB183	Đinh Thị Bảo Ngọc	12/12/2001	Nữ	Tày	Phòng 301	
184	C5MB184	Hà Thị Thúy Ngọc	01/06/2002	Nữ	Thái	Phòng 301	
185	C5MB185	Lâm Tú Ngọc	30/06/2001	Nữ	Nùng	Phòng 301	
186	C5MB186	Lê Bảo Ngọc	16/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
187	C5MB187	Lê Bảo Ngọc	19/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
188	C5MB188	Lê Nguyễn Ánh Ngọc	26/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
189	C5MB189	Lương Chu Bảo Ngọc	15/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
190	C5MB190	Mai Bích Ngọc	03/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C5MB191	Nghiêm Minh Ngọc	18/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
192	C5MB192	Ngô Hồng Ngọc	17/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	






TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TDCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 6 - Ngày thi: Thứ Bảy 08/11/2025 - Buổi chiều: 16h30-17h30

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C6MB001	Ngô Minh Ngọc	14/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
2	C6MB002	Nguyễn Bích Ngọc	28/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
3	C6MB003	Nguyễn Hồng Ngọc	13/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
4	C6MB004	Nguyễn Hồng Ngọc	03/02/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
5	C6MB005	Nguyễn Khánh Ngọc	15/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
6	C6MB006	Nguyễn Linh Ngọc	06/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
7	C6MB007	Nguyễn Minh Ngọc	15/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
8	C6MB008	Nguyễn Phan Thuý Ngọc	20/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
9	C6MB009	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/05/1990	Nữ	Kinh	Phòng 201	
10	C6MB010	Phạm Gia Bảo Ngọc	30/01/2003	Nữ	Nùng	Phòng 201	
11	C6MB011	Phạm Minh Ngọc	12/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C6MB012	Trần Minh Ngọc	17/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
13	C6MB013	Trần Xuân Ngọc	12/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
14	C6MB014	Trương Thị Bảo Ngọc	23/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
15	C6MB015	Võ Thị Hồng Ngọc	01/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
16	C6MB016	Vũ Bảo Ngọc	18/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C6MB017	Dương Đức Nguyên	09/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
18	C6MB018	Giàng Thị Nguyên	09/07/1997	Nữ	Giáy	Phòng 201	
19	C6MB019	Hà Thị Thảo Nguyên	27/01/1999	Nữ	Tày	Phòng 201	
20	C6MB020	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	01/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
21	C6MB021	Trần Ích Nguyên	27/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
22	C6MB022	Vũ Nguyễn Trọng Nguyên	08/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
23	C6MB023	Long Thu Nguyệt	19/10/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
24	C6MB024	Lý Thị Thu Nguyệt	23/09/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
25	C6MB025	Nguyễn Thị Nguyệt	08/12/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
26	C6MB026	Trần Khởi Nguyệt	13/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
27	C6MB027	Nguyễn Thị Nhân	08/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
28	C6MB028	Trần Thanh Nhân	28/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
29	C6MB029	Nguyễn Thị Nhân	27/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
30	C6MB030	Huỳnh Đức Nhân	03/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
31	C6MB031	Hoàng Minh Nhật	01/03/2002	Nam	Nùng	Phòng 201	
32	C6MB032	Nguyễn Hữu Nhật	27/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
33	C6MB033	Trần Thu Nhật	04/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
34	C6MB034	Chu Yến Nhi	08/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
35	C6MB035	Hà Yến Nhi	25/12/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
36	C6MB036	Lê Ngọc Bảo Nhi	06/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
37	C6MB037	Lê Thị Bảo Nhi	24/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
38	C6MB038	Lê Thị Lan Nhi	16/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
39	C6MB039	Lê Thị Trang Nhi	06/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
40	C6MB040	Ngô Thị Nam Nhi	28/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
41	C6MB041	Nguyễn Thảo Nhi	12/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C6MB042	Nguyễn Thị Nhi	07/10/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
43	C6MB043	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/12/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
44	C6MB044	Nguyễn Yến Nhi	18/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
45	C6MB045	Phạm Thái Uyên Nhi	08/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
46	C6MB046	Phạm Yến Nhi	05/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
47	C6MB047	Trịnh Thị Yến Nhi	30/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
48	C6MB048	Nguyễn Trúc Nhiên	23/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
49	C6MB049	Bạch Thị Nhung	05/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
50	C6MB050	Bế Thị Hồng Nhung	22/12/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
51	C6MB051	Bùi Hồng Nhung	12/12/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
52	C6MB052	Bùi Thị Tuyết Nhung	18/12/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C6MB053	Dương Thị Nhung	25/12/1999	Nữ	Tày	Phòng 201	
54	C6MB054	Đặng Thị Nhung	28/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
55	C6MB055	Đoàn Trang Nhung	29/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
56	C6MB056	Đỗ Hồng Nhung	27/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
57	C6MB057	Lò Thị Trang Nhung	24/11/2003	Nữ	Thái	Phòng 201	
58	C6MB058	Mùa Thị Nhung	10/09/1999	Nữ	Mông	Phòng 201	
59	C6MB059	Nguyễn Hồng Nhung	23/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
60	C6MB060	Nguyễn Thị Nhung	26/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
61	C6MB061	Nguyễn Thị Nhung	13/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
62	C6MB062	Nguyễn Thị Trang Nhung	17/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
63	C6MB063	Nguyễn Trang Nhung	04/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
64	C6MB064	Trịnh Thị Nhung	30/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
65	C6MB065	Vương Hồng Nhung	28/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
66	C6MB066	Lê Phan Quỳnh Như	20/03/1998	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C6MB067	Nguyễn Thị Hà Như	14/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C6MB068	Nguyễn Chinh Vân Oanh	24/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
69	C6MB069	Nguyễn Thị Oanh	16/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C6MB070	Phạm Thị Ngọc Oanh	25/02/1998	Nữ	Kinh	Phòng 201	
71	C6MB071	Vàng Thị Pênh	04/08/2001	Nữ	Lự	Phòng 201	
72	C6MB072	Nguyễn Khoa Pháp	08/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
73	C6MB073	Mai Nguyên Phát	10/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
74	C6MB074	Cà Thị Phần	04/03/1998	Nữ	Thái	Phòng 201	
75	C6MB075	Đoàn Tuấn Phong	22/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
76	C6MB076	Nguyễn Lê Phong	10/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
77	C6MB077	Lý Thị Phòng	03/09/2000	Nữ	Dao	Phòng 201	
78	C6MB078	Trần Đình Phú	03/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
79	C6MB079	Mai Công Phúc	03/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
80	C6MB080	Ngô Thị Thanh Phúc	01/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
81	C6MB081	Nguyễn Ánh Phúc	15/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
82	C6MB082	Nguyễn Minh Phúc	18/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
83	C6MB083	Nguyễn Thị Phúc	24/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
84	C6MB084	Bùi Đông Nguyên Phương	21/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
85	C6MB085	Đặng Thị Tú Phương	04/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
86	C6MB086	Đỗ Nguyên Phương	08/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
87	C6MB087	Đỗ Thế Phương	28/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
88	C6MB088	Hoàng Quỳnh Phương	15/09/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
89	C6MB089	Lê Thị Phương	01/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
90	C6MB090	Lê Thị Thu Phương	28/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
91	C6MB091	Lưu Thu Phương	06/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
92	C6MB092	Nông Nguyễn Nam Phương	29/06/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
93	C6MB093	Nguyễn Đan Phương	17/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
94	C6MB094	Nguyễn Hà Phương	12/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
95	C6MB095	Nguyễn Lan Phương	04/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
96	C6MB096	Nguyễn Lê Anh Phương	25/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
97	C6MB097	Nguyễn Lê Minh Phương	25/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
98	C6MB098	Nguyễn Minh Phương	25/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
99	C6MB099	Nguyễn Bích Phương	25/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
100	C6MB100	Nguyễn Thị Linh Phương	28/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C6MB101	Nguyễn Thị Nhã Phương	15/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
102	C6MB102	Phạm Hà Phương	19/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
103	C6MB103	Phạm Thị Phương	23/10/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
104	C6MB104	Phan Thanh Phương	27/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
105	C6MB105	Phan Thị Minh Phương	04/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
106	C6MB106	Phùng Mai Phương	13/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
107	C6MB107	Tạ Hà Minh Phương	04/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
108	C6MB108	Trần Lan Phương	17/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
109	C6MB109	Trần Thị Lan Phương	24/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
110	C6MB110	Trần Thị Quỳnh Phương	25/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
111	C6MB111	Võ Thị Thu Phương	14/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
112	C6MB112	Vũ Ngọc Mai Phương	16/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
113	C6MB113	Vũ Thị Phương	19/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
114	C6MB114	Đoàn Nguyễn Châu Phương	15/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
115	C6MB115	Hồ Thị Thanh Phương	29/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
116	C6MB116	Kiều Thị Phương	07/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
117	C6MB117	Ma Thị Bích Phương	08/03/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
118	C6MB118	Nguyễn Ngọc Phương	28/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
119	C6MB119	Trần Thị Phương	30/06/2002	Nữ	Sán Diu	Phòng 301	
120	C6MB120	Triệu Hà Bích Phương	08/06/2002	Nữ	Nùng	Phòng 301	
121	C6MB121	Đàm Minh Quang	24/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	

Đã kiểm tra

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
122	C6MB122	Nguyễn Hữu Quang	22/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
123	C6MB123	Nguyễn Nhật Quang	16/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
124	C6MB124	Nguyễn Nhật Quang	07/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
125	C6MB125	Nguyễn Văn Quang	11/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
126	C6MB126	Trần Minh Quang	17/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
127	C6MB127	Nguyễn Minh Đàm Quân	09/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
128	C6MB128	Nguyễn Minh Quân	22/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
129	C6MB129	Phạm Hồng Quân	01/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
130	C6MB130	Phạm Văn Quân	15/04/2002	Nam	Mường	Phòng 301	
131	C6MB131	Lò Văn Quốc	28/06/2002	Nam	thái	Phòng 301	
132	C6MB132	Lê Xuân Quý	15/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
133	C6MB133	Phùng Viêt Quý	27/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
134	C6MB134	Trương Văn Quý	18/11/1998	Nam	Kinh	Phòng 301	
135	C6MB135	Dương Thị Thuý Quyền	11/07/1995	Nữ	tày	Phòng 301	
136	C6MB136	Đinh Thị Hồng Quyền	29/10/2001	Nữ	Mường	Phòng 301	
137	C6MB137	Đỗ Châu Thảo Quyền	18/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
138	C6MB138	Lý Thị Quyền	27/12/1996	Nữ	Nùng	Phòng 301	
139	C6MB139	Tôn Nữ Thục Quyền	30/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
140	C6MB140	Nguyễn Phú Quyền	31/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
141	C6MB141	Nguyễn Tuấn Quyết	11/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
142	C6MB142	Bùi Trần Diễm Quỳnh	26/08/1997	Nữ	Mường	Phòng 301	
143	C6MB143	Chu Thúy Quỳnh	05/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
144	C6MB144	Dương Thị Diễm Quỳnh	08/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
145	C6MB145	Đào Như Quỳnh	30/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
146	C6MB146	Đào Phương Quỳnh	10/07/2003	Nữ	Tày	Phòng 301	
147	C6MB147	Đặng Thúy Quỳnh	08/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
148	C6MB148	Đoàn Như Quỳnh	07/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
149	C6MB149	Đỗ Thu Quỳnh	12/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
150	C6MB150	Hà Như Quỳnh	03/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
151	C6MB151	Khuất Thị Quỳnh	04/09/1994	Nữ	Kinh	Phòng 301	
152	C6MB152	Lã Như Quỳnh	08/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
153	C6MB153	Lê Bích Quỳnh	30/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C6MB154	Lê Tạ Bảo Quỳnh	03/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
155	C6MB155	Lê Thị Như Quỳnh	01/05/1994	Nữ	Kinh	Phòng 301	
156	C6MB156	Nguyễn Như Quỳnh	03/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
157	C6MB157	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	27/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
158	C6MB158	Nguyễn Thị Như Quỳnh	26/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
159	C6MB159	Nguyễn Thị Quỳnh	09/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
160	C6MB160	Nguyễn Thuý Quỳnh	25/07/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
161	C6MB161	Nguyễn Thúy Quỳnh	11/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
162	C6MB162	Nhâm Trúc Quỳnh	12/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
163	C6MB163	Phạm Thị Như Quỳnh	27/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
164	C6MB164	Tô Thị Quỳnh	08/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
165	C6MB165	Tổng Như Quỳnh	14/04/2003	Nữ	Sán Diu	Phòng 301	
166	C6MB166	Thắm Thư Quỳnh	21/01/1997	Nữ	Ngái	Phòng 301	
167	C6MB167	Trần Thị Thúy Quỳnh	19/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C6MB168	Trần Văn Quỳnh	16/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
169	C6MB169	Trần Xuân Quỳnh	27/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
170	C6MB170	Trịnh Thu Quỳnh	16/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
171	C6MB171	Vàng Thị Quỳnh	16/08/2001	Nữ	Tày	Phòng 301	
172	C6MB172	Vì Thu Quỳnh	09/11/2000	Nữ	Thái	Phòng 301	
173	C6MB173	Võ Thị Thục Quỳnh	17/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
174	C6MB174	Vũ Thị Như Quỳnh	27/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C6MB175	Chu Thị Riên	12/06/2000	Nữ	Lô Lô	Phòng 301	
176	C6MB176	Diệp Trọng Sang	12/04/1999	Nam	Sán Diu	Phòng 301	
177	C6MB177	Dương Ngọc Sang	14/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
178	C6MB178	Lê Anh Sang	17/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
179	C6MB179	Nguyễn Nhân Sâm	20/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
180	C6MB180	Ngô Văn Sinh	07/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
181	C6MB181	Hoàng Thị Soan	19/06/1998	Nữ	Nùng	Phòng 301	
182	C6MB182	Bùi Kim Sơn	27/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
183	C6MB183	Đặng Thái Sơn	28/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
184	C6MB184	Giảng Trung Sơn	22/07/2003	Nam	Mông	Phòng 301	
185	C6MB185	Hoàng Hồng Sơn	25/02/2001	Nam	Tày	Phòng 301	
186	C6MB186	Lê Thanh Sơn	16/08/2002	Nam	Mường	Phòng 301	
187	C6MB187	Nguyễn Thanh Sơn	21/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
188	C6MB188	Phạm Hồng Sơn	16/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
189	C6MB189	Phạm Ngọc Sơn	23/10/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
190	C6MB190	Phạm Tuấn Sơn	23/09/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
191	C6MB191	Trịnh Ngọc Sơn	20/09/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
192	C6MB192	Đinh Văn Suối	12/01/2003	Nam	H'rê	Phòng 301	
193	C6MB193	Trần Văn Sừ	01/05/1996	Nam	Sán Chay	Phòng 301	

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TDCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 7 - Ngày thi: Chủ nhật 09/11/2025 - Buổi sáng 7h30-8h30

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C7MB001	Lê Xuân Sỹ	07/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
2	C7MB002	Nguyễn Phú Sỹ	24/10/1999	Nam	Kinh	Phòng 201	
3	C7MB003	Hoàng Văn Tài	06/09/2003	Nam	Tây	Phòng 201	
4	C7MB004	Nguyễn Anh Tài	3/1/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
5	C7MB005	Bùi Tuệ Tâm	21/12/2003	Nữ	Thái	Phòng 201	
6	C7MB006	Đặng Đức Tâm	03/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
7	C7MB007	Đỗ Thị Thanh Tâm	28/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
8	C7MB008	Hoàng Minh Tâm	14/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
9	C7MB009	Lê Minh Tâm	5/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
10	C7MB010	Lê Thị Tâm	11/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
11	C7MB011	Lộc Thị Thanh Tâm	1/11/1999	Nữ	Tây	Phòng 201	
12	C7MB012	Lưu Thị Tâm	19/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
13	C7MB013	Ma Ngọc Tâm	12/12/2002	Nam	Tây	Phòng 201	
14	C7MB014	Nguyễn Thị Minh Tâm	23/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
15	C7MB015	Nguyễn Thị Tâm	6/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
16	C7MB016	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C7MB017	Trần Nguyên Tâm	4/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
18	C7MB018	Trần Thị Minh Tâm	30/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
19	C7MB019	Trịnh Phúc Thiện Tâm	25/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
20	C7MB020	Phan Văn Tấn	13/1/2001	Nam	Nùng	Phòng 201	
21	C7MB021	Trương Trọng Tấn	1/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
22	C7MB022	Thào Thị Tấu	19/3/2001	Nữ	Hmông	Phòng 201	
23	C7MB023	Bùi Thị Thủy Tiên	15/2/2002	Nữ	Mường	Phòng 201	
24	C7MB024	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	20/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C7MB025	Nguyễn Thủy Tiên	07/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
26	C7MB026	Trần Nguyễn Thủy Tiên	29/11/2003	Nữ	Thổ	Phòng 201	
27	C7MB027	Hà Ngọc Tiên	10/08/2001	Nam	Mường	Phòng 201	
28	C7MB028	Nguyễn Nam Tiên	19/5/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
29	C7MB029	Tông Văn Tiên	10/3/1998	Nam	Thái	Phòng 201	
30	C7MB030	Trần Quốc Tinh	2/9/2003	Nam	Nùng	Phòng 201	
31	C7MB031	Lò Thị Toà	3/3/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
32	C7MB032	Nguyễn Minh Toàn	22/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
33	C7MB033	Vy Đức Toàn	10/11/2000	Nam	Nùng	Phòng 201	
34	C7MB034	Nguyễn Duy Toàn	22/4/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
35	C7MB035	An Thanh Tú	31/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
36	C7MB036	Cao Thanh Tú	05/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
37	C7MB037	Mai Cẩm Tú	12/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
38	C7MB038	Nguyễn Anh Tú	27/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
39	C7MB039	Nguyễn Anh Tú	07/02/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
40	C7MB040	Nguyễn Duy Tú	25/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
41	C7MB041	Nguyễn Tài Tú	05/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
42	C7MB042	Phan Anh Tú	11/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
43	C7MB043	Đỗ Văn Tuấn	25/7/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
44	C7MB044	Hoàng Anh Tuấn	08/09/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
45	C7MB045	Đào Anh Tuấn	24/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
46	C7MB046	Đặng Minh Tuấn	2/12/2003	Nam	Mường	Phòng 201	
47	C7MB047	Đinh Văn Tuấn	10/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
48	C7MB048	Hoàng Anh Tuấn	30/3/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
49	C7MB049	Hoàng Anh Tuấn	13/2/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
50	C7MB050	Hoàng Lê Anh Tuấn	06/12/1999	Nam	Thổ	Phòng 201	
51	C7MB051	Lê Anh Tuấn	24/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
52	C7MB052	Nguyễn Mạnh Tuấn	04/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
53	C7MB053	Nguyễn Xuân Tuế	04/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 201	
54	C7MB054	Đan Hoàng Tùng	26/2/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
55	C7MB055	Đinh Ngọc Tùng	19/2/2001	Nam	Tày	Phòng 201	
56	C7MB056	Đỗ Ngọc Tùng	10/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
57	C7MB057	Đỗ Thanh Tùng	14/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
58	C7MB058	Lê Khánh Tùng	29/11/2002	Nam	Nùng	Phòng 201	
59	C7MB059	Nguyễn Công Tùng	24/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
60	C7MB060	Nguyễn Hải Tùng	13/5/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
61	C7MB061	Nguyễn Văn Tùng	12/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
62	C7MB062	Trần Quang Tùng	15/10/2002	Nam	Thái	Phòng 201	
63	C7MB063	Lâm Ngọc Tuyền	3/11/2003	Nữ	Hoa	Phòng 201	
64	C7MB064	Ngô Thị Tuyền	16/9/1998	Nữ	Nùng	Phòng 201	
65	C7MB065	Nguyễn Ngọc Tuyền	11/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
66	C7MB066	Nguyễn Thanh Tuyết	10/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C7MB067	Trịnh Thị Ánh Tuyết	17/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C7MB068	Vũ Thị Tuyết	17/5/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
69	C7MB069	Nông Viết Tường	27/12/2001	Nam	Tày	Phòng 201	
70	C7MB070	Bùi Sỹ Thái	31/3/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
71	C7MB071	Đỗ Đức Thái	13/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
72	C7MB072	Đỗ Quang Thái	24/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
73	C7MB073	Nguyễn Thị Hồng Thái	01/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
74	C7MB074	Vũ Khả Hoàng Thái	28/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
75	C7MB075	Bùi Thị Thanh	07/11/2000	Nữ	Mường	Phòng 201	
76	C7MB076	Đặng Thị Diệu Thanh	16/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C7MB077	Hoàng Văn Thanh	23/11/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
78	C7MB078	Kiểu Thị Phương Thanh	24/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
79	C7MB079	Mai Thị Phương Thanh	24/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
80	C7MB080	Nguyễn Kiều Thanh Thánh	05/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
81	C7MB081	Bùi Long Thành	1/10/1998	Nam	Kinh	Phòng 201	
82	C7MB082	Đỗ Bá Thành	18/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
83	C7MB083	Khánh A Thành	26/1/2003	Nam	Mông	Phòng 201	
84	C7MB084	Lương Trung Thành	1/1/1996	Nam	Thái	Phòng 201	
85	C7MB085	Nguyễn Bá Thành	25/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
86	C7MB086	Nguyễn Bắc Thành	30/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
87	C7MB087	Nguyễn Duy Thành	11/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
88	C7MB088	Nguyễn Đắc Thành	28/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
89	C7MB089	Nguyễn Hiệp Thành	12/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
90	C7MB090	Nguyễn Huy Thành	3/7/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
91	C7MB091	Nguyễn Hữu Tuấn Thành	16/2/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
92	C7MB092	Nguyễn Phúc Thành	5/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
93	C7MB093	Trần Trọng Thành	15/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
94	C7MB094	Trần Phú Thạnh	15/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 201	
95	C7MB095	Cao Phương Thảo	21/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
96	C7MB096	Đặng Thị Ngọc Thảo	24/2/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
97	C7MB097	Đoàn Thị Huyền Thảo	18/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
98	C7MB098	Hoàng Thị Thảo	10/06/1993	Nữ	Kinh	Phòng 301	
99	C7MB099	Khuất Phương Thảo	19/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
100	C7MB100	Lê Phương Thảo	9/4/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C7MB101	Lê Phương Thảo	15/6/2003	Nữ	Hmông	Phòng 301	
102	C7MB102	Lê Phương Thảo	29/9/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
103	C7MB103	Lục Phương Thảo	9/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
104	C7MB104	Lương Phương Thảo	30/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
105	C7MB105	Lương Thị Thanh Thảo	3/2/2003	Nữ	Thái	Phòng 301	
106	C7MB106	Ngô Diệu Phương Thảo	18/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
107	C7MB107	Ngô Thị Phương Thảo	19/4/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
108	C7MB108	Nguyễn Bình Thảo	18/1/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
109	C7MB109	Nguyễn Cao Thảo	20/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
110	C7MB110	Nguyễn Hà Hiền Thảo	29/10/1996	Nữ	Kinh	Phòng 301	
111	C7MB111	Nguyễn Hiền Thảo	03/05/2003	Nữ	Mông	Phòng 301	
112	C7MB112	Nguyễn Hoàng Thu Thảo	20/6/2002	Nữ	Nùng	Phòng 301	
113	C7MB113	Nguyễn Phương Thảo	08/11/2002	Nữ	Mường	Phòng 301	
114	C7MB114	Nguyễn Phương Thảo	9/7/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
115	C7MB115	Nguyễn Phương Thảo	27/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
116	C7MB116	Nguyễn Phương Thảo	10/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
117	C7MB117	Nguyễn Phương Thảo	02/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
118	C7MB118	Nguyễn Phương Thảo	28/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
119	C7MB119	Nguyễn Phương Thảo	18/6/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
120	C7MB120	Nguyễn Phương Thảo	02/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C7MB121	Nguyễn Phương Thảo	14/9/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
122	C7MB122	Nguyễn Thị Hương Thảo	08/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
123	C7MB123	Nguyễn Thị Lâm Thảo	30/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
124	C7MB124	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
125	C7MB125	Nguyễn Thị Phương Thảo	9/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
126	C7MB126	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
127	C7MB127	Nguyễn Thị Thanh Thảo	04/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
128	C7MB128	Nguyễn Thị Thu Thảo	1/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
129	C7MB129	Nguyễn Thu Thảo	05/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
130	C7MB130	Nguyễn Thu Thảo	15/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
131	C7MB131	Phạm Liên Thảo	02/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
132	C7MB132	Phạm Mai Thiên Thảo	13/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
133	C7MB133	Tạ Như Thảo	6/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
134	C7MB134	Trần Thanh Thảo	26/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
135	C7MB135	Trần Thị Phương Thảo	02/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
136	C7MB136	Trần Thị Thảo	10/02/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
137	C7MB137	Trần Thị Thảo	29/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
138	C7MB138	Trịnh Phương Thảo	7/5/1996	Nữ	Kinh	Phòng 301	
139	C7MB139	Võ Thị Thu Thảo	8/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
140	C7MB140	Vũ Phương Thảo	10/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
141	C7MB141	Vũ Thu Thảo	11/3/2002	Nữ	Tày	Phòng 301	
142	C7MB142	Vương Thị Phương Thảo	12/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
143	C7MB143	Lê Hồng Thắm	06/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
144	C7MB144	Lương Thị Phương Thắm	12/07/2003	Nữ	Thái	Phòng 301	
145	C7MB145	Bùi Thế Thắng	20/8/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
146	C7MB146	Hồ Thắng	20/1/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
147	C7MB147	Lê Kim Thắng	24/6/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
148	C7MB148	Nguyễn Đức Thắng	14/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
149	C7MB149	Nguyễn Hữu Thắng	20/3/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
150	C7MB150	Nguyễn Văn Thắng	04/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
151	C7MB151	Nguyễn Đăng Thi	21/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
152	C7MB152	Trương Anh Thi	24/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
153	C7MB153	Phan Thị Thiện	13/3/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
154	C7MB154	Đặng Ngọc Thịnh	06/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
155	C7MB155	Nguyễn Trường Thịnh	25/12/2002	Nam	Mường	Phòng 301	
156	C7MB156	Nguyễn Vi Thịnh	8/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
157	C7MB157	Lộc Văn Thông	3/9/1993	Nam	tày	Phòng 301	
158	C7MB158	Tào Viễn Thông	21/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
159	C7MB159	Trương Trung Thông	16/4/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
160	C7MB160	Hà Anh Thơ	05/07/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
161	C7MB161	Hoàng Thị Thơ	8/8/2000	Nữ	Nùng	Phòng 301	
162	C7MB162	Phạm Anh Thơ	16/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
163	C7MB163	Nguyễn Diệu Thời	23/6/1998	Nữ	Tày	Phòng 301	
164	C7MB164	Cao Thị Hoài Thu	8/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
165	C7MB165	Lưu Thị Thu	1/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
166	C7MB166	Nguyễn Ngọc Thu	10/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
167	C7MB167	Nguyễn Thị Hoài Thu	10/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C7MB168	Trần Lệ Thu	5/9/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
169	C7MB169	Phạm Như Thuận	25/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
170	C7MB170	Hà Anh Thuận	29/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
171	C7MB171	Lê Huy Thuận	8/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
172	C7MB172	Nguyễn Văn Thuận	12/4/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
173	C7MB173	Vương Toàn Thuận	31/1/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
174	C7MB174	Hồ Phương Thủy	12/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C7MB175	Dương Minh Thủy	18/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
176	C7MB176	Hoàng Minh Thủy	18/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
177	C7MB177	Hùn Vi Đan Thủy	14/3/2003	Nữ	Thái	Phòng 301	
178	C7MB178	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
179	C7MB179	Đặng Thị Thủy	20/6/1998	Nữ	Sán Chí	Phòng 301	
180	C7MB180	Hoàng Thị Bích Thủy	23/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
181	C7MB181	Lữ Đình Thu Thủy	16/4/1994	Nữ	Thái	Phòng 301	
182	C7MB182	Nguyễn Thị Thu Thủy	5/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
183	C7MB183	Trần Thị Thu Thủy	5/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	

fau

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
184	C7MB184	Nguyễn Thị Thúy	15/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
185	C7MB185	Trịnh Diễm Thúy	28/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
186	C7MB186	Đàm Thị Thuyền	1/12/2000	Nữ	Tây	Phòng 301	
187	C7MB187	Chữ Vũ Anh Thư	19/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
188	C7MB188	Hoàng Thị Minh Thư	28/6/2001	Nữ	Tây	Phòng 301	
189	C7MB189	Lê Anh Thư	04/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
190	C7MB190	Lê Thị Lan Thư	15/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C7MB191	Lê Thị Thư	01/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
192	C7MB192	Lường Văn Thư	7/10/2003	Nam	Thái	Phòng 301	




TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

Địa điểm dự thi: Học viện An ninh nhân dân

Thời gian dự thi: Ca thi số 8 - Ngày thi: Chủ nhật 09/11/2025 - Buổi sáng 9h00-10h00

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	C8MB001	Nguyễn Minh Thư	21/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
2	C8MB002	Nguyễn Minh Thư	28/8/2003	Nữ	Mông	Phòng 201	
3	C8MB003	Nguyễn Minh Thư	12/8/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
4	C8MB004	Nguyễn Ngọc Thư	21/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
5	C8MB005	Nguyễn Phúc Thư	15/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
6	C8MB006	Nguyễn Thị Minh Thư	6/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
7	C8MB007	Nguyễn Thị Ngọc Thư	22/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
8	C8MB008	Phạm Kim Thư	15/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
9	C8MB009	Phan Thị Anh Thư	24/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
10	C8MB010	Bùi Thị Hoài Thương	02/03/2003	Nữ	Mường	Phòng 201	
11	C8MB011	Lê Thị Thương	02/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
12	C8MB012	Nguyễn Thị Hạ Thương	20/9/1998	Nữ	Kinh	Phòng 201	
13	C8MB013	Nguyễn Thị Hồng Thương	15/1/1997	Nữ	Kinh	Phòng 201	
14	C8MB014	Phan Thị Hoài Thương	27/9/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
15	C8MB015	Trần Thị Hoài Thương	09/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
16	C8MB016	Trần Thị Hoài Thương	21/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
17	C8MB017	Văn Khánh Thương	20/8/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
18	C8MB018	Lê Hương Trà	12/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
19	C8MB019	Ngô Thị Thu Trà	02/07/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
20	C8MB020	Nguyễn Thị Thanh Trà	9/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
21	C8MB021	Nguyễn Thị Thu Trà	9/10/2003	Nữ	Tày	Phòng 201	
22	C8MB022	Bùi Thị Kiều Trang	8/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
23	C8MB023	Bùi Thị Minh Trang	05/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
24	C8MB024	Bùi Thu Trang	12/9/1995	Nữ	Kinh	Phòng 201	
25	C8MB025	Bùi Thùy Trang	26/6/2003	Nữ	Mường	Phòng 201	
26	C8MB026	Dương Quỳnh Trang	22/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
27	C8MB027	Đàm Thị Thủy Trang	24/10/2000	Nữ	Tày	Phòng 201	
28	C8MB028	Đào Thu Trang	11/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
29	C8MB029	Đặng Thị Diễm Trang	24/6/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
30	C8MB030	Đinh Thị Thủy Trang	3/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
31	C8MB031	Đồng Thu Trang	28/1/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
32	C8MB032	Hoàng Thị Quỳnh Trang	23/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
33	C8MB033	Hoàng Thị Trang	20/7/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
34	C8MB034	Hoàng Thu Trang	9/10/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
35	C8MB035	Hồ Thị Trang	18/10/1999	Nữ	Văn Kiều	Phòng 201	
36	C8MB036	Lâm Quỳnh Trang	30/4/2002	Nữ	Nùng	Phòng 201	
37	C8MB037	Lê Hà Trang	18/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
38	C8MB038	Lê Huyền Trang	15/5/2003	Nữ	Nùng	Phòng 201	
39	C8MB039	Lê Linh Trang	30/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
40	C8MB040	Lê Minh Trang	25/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
41	C8MB041	Lê Quỳnh Trang	19/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
42	C8MB042	Lê Thị Thu Trang	10/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
43	C8MB043	Lò Nguyễn Huyền Trang	11/08/2002	Nữ	Thái	Phòng 201	
44	C8MB044	Lò Thị Trang	23/3/2003	Nữ	Thái	Phòng 201	
45	C8MB045	Lương Mai Trang	25/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
46	C8MB046	Ma Thị Kiều Trang	5/4/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
47	C8MB047	Mai Dạ Trang	31/5/2003	Nữ	Mông	Phòng 201	
48	C8MB048	Ngô Thuý Trang	30/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
49	C8MB049	Nguyễn Hà Trang	16/11/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
50	C8MB050	Nguyễn Hà Trang	6/3/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
51	C8MB051	Nguyễn Linh Trang	26/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
52	C8MB052	Nguyễn Thị Hà Trang	13/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
53	C8MB053	Nguyễn Thị Huyền Trang	6/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
54	C8MB054	Nguyễn Thị Huyền Trang	9/1/1996	Nữ	Kinh	Phòng 201	
55	C8MB055	Nguyễn Thị Linh Trang	24/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
56	C8MB056	Nguyễn Thị Tân Trang	22/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
57	C8MB057	Nguyễn Thị Thu Trang	27/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
58	C8MB058	Nguyễn Thị Trang	29/8/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
59	C8MB059	Nguyễn Thu Trang	27/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
60	C8MB060	Nguyễn Thùy Trang	03/05/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
61	C8MB061	Nguyễn Thùy Trang	29/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
62	C8MB062	Nguyễn Vũ Thùy Trang	19/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
63	C8MB063	Nhâm Thị Huyền Trang	3/5/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
64	C8MB064	Ô Thị Thùy Trang	4/9/1995	Nữ	Tày	Phòng 201	
65	C8MB065	Phạm Quỳnh Trang	26/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
66	C8MB066	Phạm Quỳnh Trang	23/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
67	C8MB067	Phạm Quỳnh Trang	18/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
68	C8MB068	Phạm Thị Thùy Trang	5/5/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
69	C8MB069	Phạm Thu Trang	23/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
70	C8MB070	Phan Thị Mai Trang	17/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
71	C8MB071	Phan Thu Trang	02/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
72	C8MB072	Phan Thu Trang	13/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
73	C8MB073	Phí Thu Trang	27/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
74	C8MB074	Tạ Thu Trang	24/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
75	C8MB075	Trần Thị Quỳnh Trang	30/8/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
76	C8MB076	Trần Thị Thu Trang	24/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
77	C8MB077	Trần Thị Trang	12/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
78	C8MB078	Trần Thùy Trang	12/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
79	C8MB079	Trịnh Thị Kiều Trang	22/6/2001	Nữ	Mường	Phòng 201	
80	C8MB080	Trương Minh Trang	24/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
81	C8MB081	Trương Phan Bảo Trang	8/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
82	C8MB082	Trương Thị Hà Trang	07/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	
83	C8MB083	Vi Thị Huyền Trang	26/8/2002	Nữ	Tày	Phòng 201	
84	C8MB084	Vũ Thị Hà Trang	16/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
85	C8MB085	Đào Kim Thảo Trâm	12/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
86	C8MB086	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/07/1999	Nữ	Tày	Phòng 201	
87	C8MB087	Phạm Ngọc Trâm	8/12/1998	Nữ	Tày	Phòng 201	
88	C8MB088	Đặng Thị Mỹ Trăn	08/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
89	C8MB089	Hồ Thị Huyền Trăn	11/6/2001	Nữ	Kinh	Phòng 201	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
90	C8MB090	Nguyễn Trần Tố Trán	1/1/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
91	C8MB091	Trần Đình Trí	04/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 201	
92	C8MB092	Trần Mai Đức Triều	3/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 201	
93	C8MB093	Đặng Phạm Kiều Trinh	22/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 201	
94	C8MB094	Đỗ Thị Ngọc Trinh	1/1/2002	Nữ	Kinh	Phòng 201	
95	C8MB095	Mai Thị Ngọc Trinh	29/5/1999	Nữ	Kinh	Phòng 201	
96	C8MB096	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	05/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 201	
97	C8MB097	Nguyễn Thị Thủy Trinh	20/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
98	C8MB098	Phạm Việt Trinh	29/8/1997	Nữ	Kinh	Phòng 301	
99	C8MB099	Triệu Thị Huyền Trinh	27/1/2001	Nữ	Nùng	Phòng 301	
100	C8MB100	Vũ Thị Việt Trinh	08/09/1994	Nữ	Kinh	Phòng 301	
101	C8MB101	Đặng Đình Trọng	06/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
102	C8MB102	Nguyễn Phú Trọng	15/7/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
103	C8MB103	Giảng Triệu Trúc	18/10/2003	Nữ	Mông	Phòng 301	
104	C8MB104	Hoàng Thị Anh Trúc	7/10/1999	Nữ	Thổ	Phòng 301	
105	C8MB105	Phạm Thanh Trúc	12/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
106	C8MB106	Bùi Quốc Trung	14/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 301	
107	C8MB107	Nguyễn Đức Trung	27/9/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
108	C8MB108	Nguyễn Quang Trung	11/9/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
109	C8MB109	Nguyễn Quốc Trung	20/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
110	C8MB110	Nguyễn Việt Trung	06/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
111	C8MB111	Trần Đức Trung	11/06/2000	Nam	Kinh	Phòng 301	
112	C8MB112	Hoàng Khắc Trường	26/6/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
113	C8MB113	Hoàng Minh Trường	2/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
114	C8MB114	Hoàng Văn Trường	26/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
115	C8MB115	Lê Bá Trường	6/6/1997	Nam	Kinh	Phòng 301	
116	C8MB116	Nguyễn Trọng Nam Trường	17/4/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
117	C8MB117	Hàn Thị Ngọc Uyên	3/7/1998	Nữ	Tày	Phòng 301	
118	C8MB118	Hoàng Thị Uyên	21/6/1996	Nữ	Nùng	Phòng 301	
119	C8MB119	Lâm Thị Tú Uyên	11/04/1999	Nữ	Nùng	Phòng 301	
120	C8MB120	Ngô Thị Thu Uyên	22/9/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
121	C8MB121	Nguyễn Tú Uyên	27/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
122	C8MB122	Nguyễn Thị Tổ Uyên	26/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
123	C8MB123	Nguyễn Thị Uyên	28/11/2001	Nữ	Sán Chi	Phòng 301	
124	C8MB124	Phạm Thị Tú Uyên	24/8/1999	Nữ	Kinh	Phòng 301	
125	C8MB125	Trần Thị Thu Uyên	2/5/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
126	C8MB126	Bùi Việt Văn	6/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
127	C8MB127	Lê Tiến Văn	22/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
128	C8MB128	Võ Đức Văn	22/2/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
129	C8MB129	Vũ Đình Văn	16/7/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
130	C8MB130	Dương Khánh Văn	5/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
131	C8MB131	Hoàng Thị Khánh Văn	21/2/1998	Nữ	Kinh	Phòng 301	
132	C8MB132	Hoàng Thị Văn	19/2/1997	Nữ	Tày	Phòng 301	
133	C8MB133	Lê Thùy Văn	01/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
134	C8MB134	Nông Thị Khánh Văn	19/10/2003	Nữ	Nùng	Phòng 301	
135	C8MB135	Ngô Thị Thùy Văn	20/9/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
136	C8MB136	Nguyễn Cẩm Văn	20/7/1999	Nữ	Tày	Phòng 301	
137	C8MB137	Nguyễn Thảo Văn	10/10/2000	Nữ	Tày	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
138	C8MB138	Nguyễn Thị Hải Vân	17/7/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
139	C8MB139	Nguyễn Thị Hồng Vân	23/1/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
140	C8MB140	Nguyễn Thị Thảo Vân	10/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
141	C8MB141	Trần Thị Thảo Vân	15/5/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
142	C8MB142	Trịnh Thùy Vân	19/5/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
143	C8MB143	Vũ Thuý Vân	22/6/2000	Nữ	Cao Lan	Phòng 301	
144	C8MB144	Nguyễn Thị Vi	13/6/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
145	C8MB145	Triệu Thị Thanh Viễn	6/9/1997	Nữ	Dao	Phòng 301	
146	C8MB146	Lê Quốc Việt	15/3/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
147	C8MB147	Nguyễn Hoàng Việt	31/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
148	C8MB148	Nguyễn Thế Việt	25/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
149	C8MB149	Phạm Hùng Việt	14/3/2003	Nam	Tây	Phòng 301	
150	C8MB150	Vũ Hoàng Việt	27/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
151	C8MB151	Chu Lộc Việt	25/12/2001	Nam	Nùng	Phòng 301	
152	C8MB152	Đặng Lê Vinh	13/9/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
153	C8MB153	Trần Đình Vinh	16/6/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
154	C8MB154	Lưu Huy Vũ	01/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
155	C8MB155	Ngô Huy Vũ	10/4/1999	Nam	kinh	Phòng 301	
156	C8MB156	Nguyễn Bá Vũ	21/8/1995	Nam	Kinh	Phòng 301	
157	C8MB157	Nguyễn Long Vũ	23/4/2002	Nam	Kinh	Phòng 301	
158	C8MB158	Nguyễn Thị Anh Vũ	26/1/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
159	C8MB159	Phạm Lê Kim Vũ	7/8/2003	Nữ	Tây	Phòng 301	
160	C8MB160	Trần Anh Vũ	22/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 301	
161	C8MB161	Trần Long Vũ	04/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
162	C8MB162	Đàm Thị Vui	15/2/1995	Nữ	Tây	Phòng 301	
163	C8MB163	Biện Tiểu Vy	19/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
164	C8MB164	Dương Nhật Vy	09/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
165	C8MB165	Đặng Lê Hạ Vy	24/3/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
166	C8MB166	Đỗ Hà Vy	1/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
167	C8MB167	Lê Thảo Vy	11/8/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
168	C8MB168	Lương Nguyễn Tường Vy	29/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
169	C8MB169	Nguyễn Hà Vy	12/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
170	C8MB170	Nguyễn Hải Vy	27/7/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
171	C8MB171	Võ Thị Diệu Vy	5/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
172	C8MB172	Võ Đức Vỹ	31/5/2003	Nam	Kinh	Phòng 301	
173	C8MB173	Hồ Thị Xoan	05/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
174	C8MB174	Hoàng Thị Quý Xuân	25/2/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
175	C8MB175	Lê Thị Kim Xuân	4/12/1995	Nữ	Kinh	Phòng 301	
176	C8MB176	Nghiêm Thị Thanh Xuân	27/2/2002	Nữ	Kinh	Phòng 301	
177	C8MB177	Nguyễn Thanh Xuân	08/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
178	C8MB178	Trương Thị Xuân	06/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
179	C8MB179	Đinh Thị Xuyên	12/8/2001	Nữ	BaNa	Phòng 301	
180	C8MB180	Lã Kim Xuyên	04/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 301	
181	C8MB181	Hoàng Như Ý	19/7/2002	Nữ	Tây	Phòng 301	
182	C8MB182	Hoàng Thị Yêm	25/2/2001	Nữ	Tây	Phòng 301	
183	C8MB183	Bàn Tiến Yên	01/05/2002	Nam	Dao	Phòng 301	
184	C8MB184	Hoàng Thị Yên	26/1/2000	Nữ	Nùng	Phòng 301	
185	C8MB185	Nguyễn Thị Yên	9/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
186	C8MB186	Bùi Thị Hải Yến	7/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
187	C8MB187	Đinh Thị Hải Yến	19/3/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
188	C8MB188	Đỗ Nguyễn Hải Yến	6/7/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	
189	C8MB189	Khoảng Thị Yến	2/10/2000	Nữ	Thái	Phòng 301	
190	C8MB190	Nguyễn Thị Yến	8/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 301	
191	C8MB191	Phạm Hoàng Yến	17/9/1996	Nữ	Tày	Phòng 301	
192	C8MB192	Phùng Hải Yến	29/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 301	

Hải

192

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TDCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 01 - Ngày thi: Thứ Bảy, 08/11/2025 - Buổi sáng: 7h30-8h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	CVMN0001	Hoàng Ngọc Anh	07/06/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
2	CVMN0002	Trương Hữu Bắc Đẩu	16/03/1993	Nam	Kinh	Phòng 1	
3	CVMN0003	Hoàng Ngọc Dũng	15/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
4	CVMN0004	Nguyễn Đình Anh Hào	01/06/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
5	CVMN0005	Phan Ngọc Khải	30/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
6	CVMN0006	Võ Minh Khang	04/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
7	CVMN0007	Nguyễn Tuấn Lâm	15/12/1985	Nam	Kinh	Phòng 1	
8	CVMN0008	Tô Minh Luân	19/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
9	CVMN0009	Lê Thanh Nam	02/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
10	CVMN0010	Trần Lương Thanh Nghị	24/11/1984	Nam	Kinh	Phòng 1	
11	CVMN0011	Huỳnh Thanh Nhã	30/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
12	CVMN0012	Từ Quang Nhật	25/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
13	CVMN0013	Trần Vỹ Sang	28/02/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
14	CVMN0014	Hà Văn Thắng	12/06/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
15	CVMN0015	Lê Thị Minh Thư	23/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	CVMN0016	Nguyễn Ngọc Trân	26/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
17	CVMN0017	Nguyễn Minh Trí	10/02/1991	Nam	Kinh	Phòng 1	
18	CVMN0018	Trần Thị Huệ Trinh	21/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	CVMN0019	Nguyễn Bá Tùng	24/03/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN0001	Nguyễn Thị Diệu Ái	26/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN0002	Đặng Tấn Quốc An	28/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN0003	Lê Thị Kiều An	23/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN0004	Nguyễn Dương Thuý An	12/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
24	TKMN0005	Võ Thanh An	22/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
25	TKMN0006	Nguyễn Hữu Thiên An	03/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN0007	Võ Thiện An	17/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN0008	Võ Trần Hoài An	07/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN0009	Nguyễn Thị Hồng An	30/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN0010	Đặng Thái An	12/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN0011	Thái Vương An	19/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN0012	Trần Lê Thúy An	25/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN0013	Lê Bình An	09/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN0014	Phan Đình An	20/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
34	TKMN0015	Nguyễn Thị Thúy An	28/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN0016	Võ Thái An	04/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN0017	Trang Thu An	06/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN0018	Bùi Nguyễn Hoàng Ân	19/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN0019	Bùi Nguyễn Hoài Ân	25/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN0020	Trần Hữu Ân	21/03/1989	Nam	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN0021	Nguyễn Hữu Hồng Ân	24/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN0022	Lý Ngọc Anh	16/07/2003	Nữ	KHMER	Phòng 2	
42	TKMN0023	Phan Thị Hoàng Anh	17/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN0024	Chế Thị Phương Anh	20/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
44	TKMN0025	Nguyễn Trâm Anh	11/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN0026	Ngô Kỳ Anh	22/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN0027	Nguyễn Huỳnh Văn Anh	02/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN0028	Đỗ Thị Lan Anh	14/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN0029	Lê Thị Minh Anh	07/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN0030	Nguyễn Phạm Hoàng Anh	09/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN0031	Tạ Minh Anh	11/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN0032	Nguyễn Văn Anh	13/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN0033	Nguyễn Thị Thục Anh	13/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
53	TKMN0034	Nguyễn Phương Anh	21/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN0035	Đỗ Thị Minh Anh	08/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
55	TKMN0036	Bùi Thị Kim Anh	31/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
56	TKMN0037	Lâm Phương Anh	27/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN0038	Đỗ Nguyễn Nam Anh	05/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN0039	Phạm Nhật Bảo Anh	03/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN0040	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN0041	Phạm Lê Quế Anh	08/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN0042	Thắm Ngọc Anh	11/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN0043	Nguyễn Thị Trúc Anh	26/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN0044	Hà Trần Minh Anh	06/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN0045	Hoàng Thị Phương Anh	04/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN0046	Vũ Lê Phương Anh	01/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN0047	Trần Vũ Phương Anh	18/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
67	TKMN0048	Mai Linh Hồng Anh	12/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN0049	Phạm Hoàng Lan Anh	21/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN0050	Đỗ Thị Lan Anh	02/04/1998	Nữ	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN0051	Lê Trúc Anh	17/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN0052	Đỗ Quỳnh Anh	12/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN0053	Phan Thị Quốc Anh	26/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN0054	Nguyễn Duy Anh	21/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN0055	Nguyễn Lương Văn Anh	06/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN0056	Tạ Thị Ngọc Anh	02/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN0057	Phạm Nguyệt Anh	09/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN0058	Nguyễn Thị Hồng Anh	04/05/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN0059	Hà Thị Kim Anh	27/07/1997	Nữ	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN0060	Phạm Phương Anh	21/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
80	TKMN0061	Trần Phương Diệu Anh	14/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN0062	Nguyễn Tuấn Anh	15/11/1998	Nam	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
82	TKMN0063	Phạm Quốc Anh	06/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN0064	Nguyễn Thục Vân Anh	10/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN0065	Kiều Nguyễn Hà Anh	04/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
85	TKMN0066	Hồ Vũ Quỳnh Anh	03/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN0067	Huỳnh Ngọc Tú Anh	31/05/1998	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN0068	Đinh Thị Hà Anh	11/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN0069	Nguyễn Trần Tuấn Anh	29/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
89	TKMN0070	Trần Thị Lan Anh	23/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN0071	Huỳnh Ngọc Phương Anh	17/08/1995	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN0072	Bùi Trúc Anh	08/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN0073	Nguyễn Thị Thanh Anh	13/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN0074	Lê Hoàng Hải Anh	09/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN0075	Nguyễn Tuấn Anh	27/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
95	TKMN0076	Hà Thị Minh Anh	09/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN0077	Nguyễn Thị Trúc Anh	21/02/1995	Nữ	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN0078	Tổng Ngọc Anh	07/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN0079	Lê Duy Anh	16/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN0080	Nguyễn Ngọc Mai Anh	08/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN0081	Phạm Ngọc Minh Anh	28/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN0082	Cao Đoàn Ngọc Ánh	18/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN0083	Trần Ngọc Ánh	16/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN0084	Lê Thị Ngọc Ánh	04/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN0085	Lê Thị Ngọc Ánh	21/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN0086	Lê Thị Trang Âu	01/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN0087	Phạm Thị Khánh Băng	06/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN0088	Dư Ngọc Khánh Băng	30/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN0089	Trần Thanh Bảo	10/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN0090	Nguyễn Kim Bảo	18/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN0091	Đoàn Quốc Bảo	27/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
111	TKMN0092	Trần Quốc Bảo	27/05/1999	Nam	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN0093	Phan Thị Thanh Bảo	07/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN0094	Phạm Vũ Bảo	28/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN0095	Trần Hoàng Bảo	06/09/1999	Nam	Kinh	Phòng 4	
115	TKMN0096	Phan Thuý Bảo	20/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN0097	Trương Thái Bảo	29/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN0098	Nguyễn Phúc Bảo	26/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN0099	Đoàn Thị Như Bình	08/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN0100	Trần Kim Ngân Bình	10/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN0101	Mai Đặng Thái Bình	12/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN0102	Nguyễn Thị Như Bình	13/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN0103	Đỗ Xuân Bình	24/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN0104	Huỳnh Phương Bình	12/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN0105	Hồ Thị Minh Cẩm	09/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN0106	Điền Thị Cẩm	09/06/2003	Nữ	Châu Mạ	Phòng 4	
126	TKMN0107	Nguyễn Thị Bích Cẩm	20/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN0108	Bùi Ngọc Cẩm	06/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN0109	Mai Hồng Cẩm	18/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN0110	Vô Văn Cần	01/05/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN0111	Huỳnh Dương Mai Châm	26/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
131	TKMN0112	Vô Bảo Chân	20/04/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN0113	Trương Hoàng Chánh	07/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN0114	Phan Tô Ngọc Châu	21/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN0115	Phan Hoàng Bảo Châu	25/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN0116	Đoàn Thảo Châu	23/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN0117	Ngô Thị Bảo Châu	19/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN0118	Nguyễn Lâm Minh Châu	15/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN0119	Vô Lê Bảo Châu	06/09/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN0120	Nguyễn Minh Châu	22/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
140	TKMN0121	Võ Thị Bích Chi	07/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN0122	Nguyễn Trần Khánh Chi	29/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN0123	Nguyễn Ngọc Tổ Chi	06/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN0124	Nguyễn Phạm Hà Chi	19/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN0125	Lê Đoàn Khánh Chi	22/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
145	TKMN0126	Trịnh Lý Kim Chi	24/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN0127	Nguyễn Mỹ Chi	07/12/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN0128	Lê Ngọc Thảo Chi	01/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN0129	Vũ Ngọc Quỳnh Chi	25/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN0130	Nguyễn Lê Thành Chinh	04/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN0131	Bùi Lê Chính	16/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN0132	Huỳnh Văn Chơn	03/11/1996	Nam	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN0133	Nguyễn Vũ Minh Chúc	21/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN0134	Mai Xuân Chương	21/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN0135	Nguyễn Văn Chương	07/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN0136	Phạm Thành Công	09/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN0137	Phạm Văn Công	20/08/1994	Nam	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN0138	Đoàn Thị Chí Công	09/01/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN0139	Mai Văn Công	20/04/1995	Nam	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN0140	Hoàng Kim Công	23/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN0141	Nguyễn Thành Công	16/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN0142	Lê Tấn Công	02/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN0143	Phan Văn Cương	18/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN0144	Nguyễn Văn Cường	18/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN0145	Lê Mạnh Cường	26/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN0146	Đặng Hưng Cường	02/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN0147	Nguyễn Vũ Cường	27/09/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN0148	Nguyễn Quốc Cường	10/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN0149	Nguyễn Chí Cường	16/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
169	TKMN0150	Dương Chí Cường	20/12/1996	Nam	Kinh	Phòng 5	
170	TKMN0151	Hoàng Trần Vũ Dạ	22/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN0152	Phạm Nguyễn Anh Đài	14/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN0153	Lê Nguyễn Anh Đại	18/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN0154	Nguyễn Trần Linh Đan	26/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN0155	Nguyễn Minh Đăng	26/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
175	TKMN0156	Hà Văn Hải Đăng	23/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN0157	Lê Trần Hải Đăng	26/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN0158	Đỗ Khoa Đăng	08/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN0159	Nguyễn Huỳnh Tú Đăng	18/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN0160	Nguyễn Văn Danh	04/11/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN0161	Lê Trần Mỹ Danh	07/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN0162	Trần Thị Trúc Đào	25/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN0163	Nguyễn Xuân Đào	06/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN0164	Võ Anh Đào	31/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN0165	Trần Vĩnh Đạt	28/06/2003	Nam	Hoa	Phòng 5	
185	TKMN0166	Ngô Tiến Đạt	09/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN0167	Phạm Thành Đạt	12/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN0168	Châu Quang Đạt	01/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN0169	Cao Tiến Đạt	12/02/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN0170	Nguyễn Mạnh Đạt	06/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN0171	Nguyễn Tiến Đạt	25/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN0172	Đoàn Thị Quỳnh Diễm	19/09/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN0173	Trần Thị Phú Diễm	31/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN0174	Nguyễn Thị Xuân Diễm	17/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN0175	Đặng Ngọc Huỳnh Diễm	20/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN0176	Lương Ngọc Diễm	13/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN0177	Phạm Thị Diễm	19/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN0178	Võ Hồng Ngọc Diễm	05/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
198	TKMN0179	Lê Thị Kiều Diễm	21/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN0180	Nguyễn Thị Kiều Diễm	24/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN0181	Bùi Thị Oanh Diễm	01/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN0182	Huỳnh Ngọc Diễm	25/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN0183	Trần Thị Phương Diễm	04/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
203	TKMN0184	Nguyễn Thị Thúy Diễm	16/09/2002	Nữ	Khơ me	Phòng 5	
204	TKMN0185	Lê Thị Hoài Diễm	19/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
205	TKMN0186	Đặng Thị Diệp	10/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
206	TKMN0187	Trần Lê Hoàng Diệp	02/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN0188	Võ Thị Thanh Diệp	21/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN0189	Nguyễn Thị Xuân Diệu	17/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN0190	Đinh Thị Huyền Diệu	14/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN0191	Phan Thiều Ánh Diệu	28/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN0192	Nguyễn Trần Xuân Diệu	14/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
212	TKMN0193	Đặng Nguyễn Ngọc Đình	24/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
213	TKMN0194	Phan Thị Khánh Đoan	22/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
214	TKMN0195	Nguyễn Phan Châu Đoan	21/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

Kan



**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 02 - Ngày thi: Thứ Bảy, 08/11/2025 - Buổi sáng: 9h30-10h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN0196	Nguyễn Khánh Đoan	27/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN0197	Nguyễn Thị Châu Đoan	26/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
3	TKMN0198	Nguyễn Minh Đoan	05/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN0199	Vũ Lâm Đông Đông	12/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
5	TKMN0200	Nguyễn Bá Đông	18/02/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN0201	Phạm Trung Đồng	12/04/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN0202	Phạm Hồng Đức	18/12/1998	Nam	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN0203	Lưu Quang Đức	21/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN0204	Nguyễn Thị Minh Đức	15/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN0205	Nguyễn Hồ Công Đức	19/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN0206	Ngô Trương Minh Đức	17/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN0207	Trương Phú Đức	06/09/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN0208	Lê Ngọc Dung	29/03/1995	Nữ	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN0209	Phan Thị Thủy Dung	12/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN0210	Trần Thị Mỹ Dung	25/04/1996	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN0211	Hoàng Thị Thủy Dung	03/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN0212	Nguyễn Thị Thủy Dung	15/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN0213	Nguyễn Phương Dung	30/03/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN0214	Đinh Gia Tuấn Dũng	15/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN0215	Nguyễn An Tiến Dũng	05/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN0216	Lê Đăng Tuấn Dũng	06/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN0217	Phạm Văn Dũng	23/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN0218	Lương Thị Bạch Dương	27/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
24	TKMN0219	Hồ Huỳnh Thủy Dương	12/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
25	TKMN0220	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	03/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN0221	Trần Hoàng Dương	03/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN0222	Nguyễn Hải Dương	25/11/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN0223	Nguyễn Minh Dương	31/05/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN0224	Võ Văn Quốc Dương	07/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN0225	Nguyễn Minh Thùy Dương	08/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN0226	Nguyễn Cao Dương	13/10/1997	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN0227	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN0228	Lê Phạm Thủy Dương	03/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
34	TKMN0229	Mai Bảo Duy	02/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN0230	Nguyễn Văn Duy	24/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN0231	Nguyễn Đức Duy	22/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN0232	Đàn Trần Bảo Duy	13/04/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN0233	Phan Minh Duy	21/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN0234	Nguyễn Thanh Duy	14/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN0235	Nguyễn Hùng Duy	29/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN0236	Nguyễn Thụy Ngọc Duy	02/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN0237	Trần Khánh Duy	02/04/1999	Nam	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN0238	Vũ Phạm Xuân Duy	19/04/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
44	TKMN0239	Phan Trần Khánh Duy	08/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN0240	Phạm Minh Duy	19/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN0241	Lưu Thị Ngọc Duyên	07/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN0242	Lưu Ngọc Mỹ Duyên	07/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN0243	Trần Thị Nữ Duyên	19/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN0244	Nguyễn Mai Mỹ Duyên	14/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN0245	Nguyễn Cao Bảo Duyên	20/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN0246	Biện Thị Khánh Duyên	08/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN0247	Nguyễn Thị Kim Duyên	14/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
53	TKMN0248	Võ Hồ Mỹ Duyên	01/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN0249	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	21/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
55	TKMN0250	Trần Thị Lương Duyên	25/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
56	TKMN0251	Nguyễn Lê Mai Duyên	11/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN0252	Võ Khánh Duyên	24/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN0253	Lê Thị Hồng Gấm	13/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN0254	Phan Kiều Minh Giang	10/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN0255	Võ Thu Giang	15/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN0256	Phạm Thị Hoàng Giang	26/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN0257	Ngô Thị Kim Giang	28/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN0258	Phạm Trường Giang	13/08/1998	Nam	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN0259	Trần Hương Giang	28/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN0260	Lê Ngọc Bảo Giang	28/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN0261	Nguyễn Đoàn Thiên Giang	10/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
67	TKMN0262	Nguyễn Ngọc Trúc Giang	26/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN0263	Trần Quỳnh Giang	01/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN0264	Nguyễn Đình Nam Giang	01/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN0265	Đào Hương Giang	22/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN0266	Phan Thị Giang	26/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN0267	Hồ Thị Hương Giang	13/04/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN0268	Nguyễn Thụy Thanh Giang	15/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN0269	Lê Thị Châu Giang	05/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN0270	Hà Hương Giang	30/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN0271	Thị Cẩm Giang	11/12/2001	Nữ	Khmer	Phòng 3	
77	TKMN0272	Huỳnh Thị Hà Giang	16/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN0273	Lê Thị Giang	05/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN0274	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	11/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
80	TKMN0275	Đặng Quỳnh Giao	12/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN0276	Lê Thị Ngọc Giàu	17/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
82	TKMN0277	Ksor Gun	11/09/1999	Nam	Jrai	Phòng 3	
83	TKMN0278	Nguyễn Ngọc Hà	29/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN0279	Nguyễn Thị Thanh Hà	25/01/1990	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
85	TKMN0280	Trương Khánh Hà	27/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN0281	Nguyễn Việt Hà	11/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN0282	Đoàn Thị Hà	18/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN0283	Trần Thị Thu Hà	21/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
89	TKMN0284	Nguyễn Lê Ngọc Hà	11/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN0285	Lê Thị Thu Hà	13/10/1992	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN0286	Nguyễn Thị Hà	05/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN0287	Nguyễn Cao Linh Hà	05/09/1998	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN0288	Đặng Ngọc Hà	23/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN0289	Vy Thu Hà	11/04/1996	Nữ	Thái	Phòng 4	
95	TKMN0290	Rơ Châm Thái Hà	25/05/2002	Nữ	Gia-rai	Phòng 4	
96	TKMN0291	Bùi Thị Khánh Hà	16/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN0292	Đặng Thị Hà	20/04/1995	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN0293	Vũ Ngọc Hà	16/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN0294	Trần Ngọc Hà	03/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN0295	Nguyễn Thị Thu Hà	01/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN0296	Thái Thị Thu Hà	13/02/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN0297	Trần Huỳnh Thiên Hà	06/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN0298	Nguyễn Thị Ngân Hà	13/01/1993	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN0299	Lê Phương Hà	04/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN0300	Trần Thu Hà	07/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN0301	Nguyễn Hồng Khánh Hà	15/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN0302	Nguyễn Thị Kim Hai	03/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN0303	Lê Thị Duyên Hải	28/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN0304	Nguyễn Công Hải	07/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN0305	Hồ Văn Hải	20/10/1999	Nam	Co	Phòng 4	
111	TKMN0306	Tạ Nguyễn Gia Hân	24/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN0307	Trịnh Lê Kim Hân	26/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN0308	Trần Phùng Gia Hân	07/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN0309	Lê Thị Ngọc Hân	01/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
115	TKMN0310	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN0311	Nguyễn Hồ Mỹ Hân	28/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN0312	Đỗ Nguyên Gia Hân	15/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN0313	Nguyễn Gia Hân	14/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN0314	Phu Ban Bích Hân	27/01/2001	Nữ	Hoa	Phòng 4	
120	TKMN0315	Võ Phan Gia Hân	01/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN0316	Huỳnh Ngọc Hân	16/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN0317	Dương Bảo Hân	17/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN0318	Nguyễn Thị Minh Hân	04/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN0319	Đinh Trần Khánh Hằng	18/10/2003	Nữ	Bana	Phòng 4	
125	TKMN0320	Trần Thị Thanh Hằng	22/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN0321	Phạm Thị Thu Hằng	22/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN0322	Nguyễn Thị Hằng	08/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN0323	Phạm Thị Thanh Hằng	23/02/1994	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN0324	Nguyễn Thị Thúy Hằng	25/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN0325	Y Lê Hằng	06/02/2002	Nữ	Gié - Triêng	Phòng 4	
131	TKMN0326	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN0327	Trần Thúy Hằng	20/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN0328	Nguyễn Ngọc Minh Hằng	07/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN0329	Lê Thanh Hằng	18/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN0330	Phùng Thị Thanh Hằng	23/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN0331	Nguyễn Thị Kiêm Hằng	07/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN0332	Nguyễn Thị Kim Hằng	04/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN0333	Võ Trần Hồng Hạnh	30/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN0334	Trần Tuyết Hạnh	24/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
140	TKMN0335	Đỗ Ngọc Hạnh	04/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN0336	Phạm Thị Hồng Hạnh	18/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN0337	Trần Thị Mỹ Hạnh	16/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN0338	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	30/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN0339	Nguyễn Bùi Minh Hạnh	17/02/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
145	TKMN0340	Phạm Thị Minh Hạnh	15/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN0341	Châu Bé Hạnh	10/03/1993	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN0342	Đặng Minh Hào	08/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN0343	Nguyễn Chí Hào	01/05/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN0344	Nguyễn Minh Hậu	05/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN0345	Nguyễn Đào Phúc Hậu	26/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN0346	Nguyễn Hải Hậu	07/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN0347	Trương Thị Thu Hiền	01/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN0348	Phan Thị Hiền	18/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN0349	Trần Thị Kim Hiền	29/09/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN0350	Trần Thị Cẩm Hiền	06/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN0351	Vũ Thu Hiền	23/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN0352	Phùng Thị Diệu Hiền	29/04/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN0353	Lê Thị Thủy Hiền	12/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN0354	Trần Thị Thu Hiền	08/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN0355	Hồ Thị Hiền	20/06/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN0356	Hoàng Thủy Hiền	27/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN0357	Trần Mai Phúc Hiền	08/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN0358	Lý Ngọc Hiền	27/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN0359	Trần Nguyễn Thảo Hiền	12/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN0360	Phạm Diệu Hiền	14/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN0361	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN0362	Đỗ Thị Thu Hiền	04/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN0363	Trịnh Thanh Hiền	16/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
169	TKMN0364	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
170	TKMN0365	Đỗ Thị Hiền	18/10/1993	Nữ	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN0366	Dương Đình Hiếu	20/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN0367	Điền Phi Hiếu	28/02/2000	Nam	M'Nông	Phòng 5	
173	TKMN0368	Trần Trung Hiếu	15/09/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN0369	Trần Văn Hiếu	13/11/1996	Nam	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
175	TKMN0370	Nguyễn Đức Hiếu	20/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN0371	Lê Chí Hiếu	28/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN0372	Trần Thị Hiền Hiếu	28/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN0373	Nguyễn Kiều Thanh Hiếu	09/01/1999	Nam	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN0374	Lê Chí Hiếu	08/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN0375	Bon Krông K Hiếu	12/06/2001	Nam	Mạ	Phòng 5	
181	TKMN0376	Võ Quyền Hồ	15/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN0377	Nguyễn Tuấn Hoa	02/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN0378	Đặng Thị Cẩm Hoa	31/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN0379	Huỳnh Thị Mai Hoa	30/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
185	TKMN0380	Đoàn Thị Mỹ Hoa	08/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN0381	Nguyễn Thị Kim Hoa	22/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN0382	Lê Thị Thủy Hoa	01/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN0383	Võ Đức Hoà	07/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN0384	Hứa Văn Khánh Hoà	15/11/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN0385	Lê Thị Thủy Hòa	24/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN0386	Phạm Nguyễn Mỹ Hòa	28/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN0387	Lê Thị Hải Hòa	04/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN0388	Đỗ Hữu Hòa	25/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN0389	Nguyễn Thị Phương Hoài	17/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN0390	Nhữ Quốc Huy Hoàng	11/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN0391	Lê Đức Hoàng	11/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN0392	Nguyễn Duy Hoàng	07/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN0393	Đoàn Huy Hoàng	08/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN0394	Nguyễn Lê Việt Hoàng	22/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN0395	Đỗ Bùi Huy Hoàng	16/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN0396	Đỗ Nguyễn Hoàng	01/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN0397	Trần Văn Hoàng	01/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
203	TKMN0398	Lê Thái Hoàng	17/08/1999	Nam	Kinh	Phòng 5	
204	TKMN0399	Lê Văn Hoàng	23/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
205	TKMN0400	Trần Hưng Hoàng	03/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
206	TKMN0401	Lã Hữu Huy Hoàng	25/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN0402	Nguyễn Thị Mỹ Hội	26/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN0403	Nguyễn Tấn Hôn	16/11/1995	Nam	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN0404	Bùi Thị Hồng	15/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN0405	Nguyễn Thị Hồng	13/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN0406	Trịnh Thị Hồng	10/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
212	TKMN0407	Lư Minh Hu	07/01/2002	Nam	Chăm	Phòng 5	
213	TKMN0408	Hồ Hồng Huân	13/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
214	TKMN0409	Lê Doãn Huân	14/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	

fan



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 03 - Ngày thi: Thứ Bảy, 08/11/2025 - Buổi chiều: 13h30-14h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN0410	Nguyễn Thị Mai Huệ	07/04/1998	Nữ	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN0411	Trần Thẩm Huệ	01/06/1998	Nữ	Kinh	Phòng 1	
3	TKMN0412	Nguyễn Phạm Minh Huệ	03/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN0413	Long Thị Huệ	02/07/1996	Nữ	Nùng	Phòng 1	
5	TKMN0414	Nguyễn Thị Huệ	25/05/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN0415	Lê Quang Hùng	19/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN0416	Đặng Công Hùng	12/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN0417	Vũ Nguyễn Mạnh Hưng	28/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN0418	Phạm Gia Hưng	13/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN0419	Nguyễn Thành Hưng	15/07/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN0420	Phạm Đăng Việt Hưng	24/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN0421	Nguyễn Trịnh Nam Hưng	23/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN0422	Nguyễn Thị Lan Hương	02/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN0423	Đào Ngọc Xuân Hương	12/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN0424	Nguyễn Thị Lan Hương	25/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN0425	Bùi Nguyễn Quỳnh Hương	26/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN0426	Nguyễn Thị Hoài Hương	08/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN0427	Trương Ngọc Hương	27/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN0428	Phạm Thị Huỳnh Hương	16/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN0429	Hoàng Thanh Hương	17/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN0430	Nguyễn Mai Hương	12/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN0431	Vương Thị Thu Hương	19/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN0432	Nguyễn Thanh Hương	14/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
24	TKMN0433	Nguyễn Mai Hương	12/05/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
25	TKMN0434	Châu Ngọc Thanh Hương	14/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN0435	Hoàng Thị Khánh Hương	24/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN0436	Đinh Hiếu Huy	15/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN0437	Đỗ Ngọc Huy	23/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN0438	Phan Bùi Quốc Huy	11/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN0439	Đỗ Đức Huy	09/01/1998	Nam	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN0440	Huỳnh Nhật Huy	04/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN0441	Trương Đăng Huy	10/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN0442	Đặng Quốc Huy	30/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
34	TKMN0443	Huỳnh Đức Huy	19/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN0444	Ngô Hoàng Huy	22/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN0445	Bùi Nguyễn Đức Huy	29/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN0446	Cao Lương Gia Huy	31/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN0447	Lại Nhật Huy	08/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN0448	Nguyễn Minh Huy	13/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN0449	Nguyễn Đình Gia Huy	17/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN0450	Lê Thế Huy	16/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN0451	Trần Bảo Huy	03/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN0452	Võ Đình Huy	21/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
44	TKMN0453	Lê Minh Huy	26/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN0454	Lê Quang Huy	19/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN0455	Hồ Hoàng Huy	12/07/1999	Nam	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN0456	Võ Quang Huy	01/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN0457	Nguyễn Hữu Huy	18/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN0458	Trình Nguyễn Gia Huy	13/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN0459	Phan Quang Huy	26/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN0460	Phạm Thị Huyền	16/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN0461	Nguyễn Vũ Lâm Huyền	13/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
53	TKMN0462	Thái Thị Mỹ Huyền	02/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN0463	Trần Thị Thanh Huyền	22/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
55	TKMN0464	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
56	TKMN0465	Nguyễn Thị Thảo Huyền	25/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN0466	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	16/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN0467	Đặng Lê Thanh Huyền	25/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN0468	Lê Thị Ngọc Huyền	07/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN0469	Hoàng Thị Huyền	06/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN0470	Trần Thị Cẩm Huyền	02/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN0471	Lê Thị Mỹ Huyền	05/05/1998	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN0472	Trần Văn Huynh	30/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN0473	Trần Thúy Huỳnh	29/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN0474	Lê Thị Như Huỳnh	14/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN0475	Dương Ngọc Huỳnh	19/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
67	TKMN0476	Hà Gia Hỷ	25/04/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN0477	Trịnh Lương Tuấn Khải	09/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN0478	Trần Quang Khải	03/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN0479	Nguyễn Văn Hoàng Khang	01/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN0480	Nguyễn Dương Khang	29/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN0481	Lương Hoàng Khang	16/05/1995	Nam	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN0482	Nguyễn Minh Khang	05/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN0483	Danh Minh Khang	01/06/2001	Nam	Khmer	Phòng 3	
75	TKMN0484	Phan Thanh Khang	16/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN0485	Nguyễn Phước An Khang	18/06/1999	Nam	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN0486	Trịnh VI Khang	25/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN0487	Nguyễn Phú Khang	09/06/2000	Nam	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN0488	Đào Duy Khanh	11/08/1999	Nam	Kinh	Phòng 3	
80	TKMN0489	Lê Văn Bảo Khanh	09/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN0490	Võ Thị Mai Khanh	03/01/1996	Nữ	Kinh	Phòng 3	
82	TKMN0491	Bùi Duy Khanh	06/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN0492	Nguyễn Minh Khanh	02/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN0493	Mai Văn Khánh	19/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
85	TKMN0494	Đào Bá Trọng Khánh	11/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN0495	Trần Lê Khánh	04/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN0496	Phan Trương Quốc Khánh	29/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN0497	Trần Hoà Khánh	24/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
89	TKMN0498	Vũ Đình Khánh	18/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN0499	Lâm Chí Khánh	22/05/2002	Nam	Khome	Phòng 3	
91	TKMN0500	Nguyễn Mạnh Khoa	11/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN0501	Nguyễn Thị Anh Khoa	20/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN0502	Quách Đăng Khoa	01/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN0503	Trương Trần Đăng Khoa	02/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
95	TKMN0504	Nguyễn Minh Khoa	28/09/1998	Nam	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN0505	Đặng Tuấn Khoa	09/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN0506	Võ Thành Khoa	12/01/1996	Nam	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN0507	Đặng Nguyễn Anh Khoa	17/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN0508	Nguyễn Đăng Khoa	14/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN0509	Lê Minh Khôi	17/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN0510	Huỳnh Minh Khôi	03/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN0511	Vũ Minh Khuê	14/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN0512	Mai Minh Khuê	02/06/1996	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN0513	Bùi Long Khương	14/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN0514	Nguyễn Thị Hồng Khuyến	28/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN0515	Nguyễn Tân Kiên	21/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN0516	Lê Thị Hồng Kiên	14/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN0517	Vũ Văn Trung Kiên	21/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN0518	Trần Quốc Kiệt	09/11/2004	Nam	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN0519	Bùi Đình Minh Kiệt	21/11/1997	Nam	Kinh	Phòng 4	
111	TKMN0520	Lý Ngọc Kiều	10/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN0521	Trần Thị Ngọc Kiều	29/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN0522	Huỳnh Thị Như Kiều	02/11/1997	Nữ	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN0523	Lâm Thiên Kim	21/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
115	TKMN0524	Dương Thị Kim	29/07/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN0525	Nguyễn Anh Kinl	20/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN0526	Phan Điền Lạc	06/07/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN0527	Trương Ngọc Lam	22/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN0528	Trần Thụy Hồng Lam	25/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN0529	Trịnh Thị Thanh Lam	20/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN0530	Nguyễn Trần Thanh Lam	10/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN0531	Trần Thị Hải Lam	09/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN0532	Nguyễn Phạm Thảo Lam	09/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN0533	Huỳnh Thị Lâm	11/03/1997	Nữ	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN0534	Nguyễn Xuân Nhật Lâm	18/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN0535	Nguyễn Thị Hồng Lâm	03/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN0536	Hồ Tâm Thúy Lan	09/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN0537	Nguyễn Thị Xuân Lan	10/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN0538	Nguyễn Thị Ngọc Lan	06/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN0539	Đào Mai Ngọc Lan	25/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
131	TKMN0540	Lê Thị Phương Lan	10/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN0541	Đào Thị Phong Lan	24/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN0542	Nguyễn Thị Ngọc Lan	21/02/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN0543	Đặng Thị Lành	08/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN0544	Huỳnh Thị Hồng Lê	17/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN0545	Ksor H' Lê	08/11/2001	Nữ	Jrai	Phòng 5	
137	TKMN0546	Nguyễn Thị Lê	12/10/2000	Nữ	Khmer	Phòng 5	
138	TKMN0547	Trần Nhu Lê	27/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN0548	Trần Văn Lân	05/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
140	TKMN0549	Uông Thiên Lịch	01/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN0550	Nguyễn Thị Liên	10/02/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN0551	Vô Thị Thụy Liên	15/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN0552	Lê Thị Kim Liên	23/10/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN0553	Nguyễn Thị Liễu	09/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
145	TKMN0554	Đinh Thị Cát Lili	22/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN0555	Tào Thị Yến Linh	28/03/2002	Nữ	Khmer	Phòng 5	
147	TKMN0556	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	18/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN0557	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	26/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN0558	Võ Thị Thùy Linh	09/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN0559	Nguyễn Phương Gia Linh	08/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN0560	Nguyễn Minh Linh	23/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN0561	Trần Khánh Linh	11/08/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN0562	Trần Thị Linh	10/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN0563	Liêu Thị Hương Linh	09/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN0564	Đoàn Lương Mỹ Linh	30/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN0565	Bùi Thị Diệu Linh	23/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN0566	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN0567	Nguyễn Yến Linh	04/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN0568	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	01/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN0569	Phạm Thị Thảo Linh	09/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN0570	Lưu Nguyễn Khánh Linh	09/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN0571	Phan Thị Yến Linh	05/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN0572	Phạm Thị Linh	22/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN0573	Nguyễn Trần Nhật Linh	20/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN0574	Bùi Duy Linh	27/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN0575	Nguyễn Thị Mỹ Linh	02/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN0576	Lê Thị Thu Linh	12/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN0577	Phạm Thị Thục Linh	20/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
169	TKMN0578	Tăng Phương Linh	14/08/2003	Nữ	Nùng	Phòng 5	
170	TKMN0579	Hoàng Thùy Linh	08/09/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN0580	Trịnh Thị Hoài Linh	19/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN0581	Trịnh Yến Linh	09/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN0582	Nguyễn Thị Ngọc Linh	20/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN0583	Tạ Hoàng Linh	30/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
175	TKMN0584	Nguyễn Hà Diệu Linh	24/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN0585	Trần Nguyệt Linh	23/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN0586	Trương Thùy Linh	10/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN0587	Lâm Thị Yến Linh	20/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN0588	Trần Thị Thủy Linh	14/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN0589	Nguyễn Nhật Linh	27/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN0590	Trịnh Thị Khánh Linh	09/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN0591	Đinh Nguyễn Thủy Linh	28/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN0592	Nguyễn Thị Diệu Linh	24/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN0593	Nguyễn Thị Khánh Linh	23/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
185	TKMN0594	Phan Trần Nhã Linh	21/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN0595	Đặng Vũ Linh	16/12/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN0596	Lê Thị Hồng Loan	19/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN0597	Ngô Thị Loan	09/05/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN0598	Lê Nguyễn Văn Loan	13/04/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN0599	Lê Thị Loan	05/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN0600	Phan Thị Loan	13/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN0601	Lê Thị Li Loan	22/09/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN0602	Trần Thị Quỳnh Loan	29/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN0603	Nguyễn Thị Hoàng Lộc	25/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN0604	Đỗ Hoàng Long	13/12/1999	Nam	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN0605	Huỳnh Thiên Long	14/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN0606	Bùi Nguyễn Hoàng Long	09/04/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN0607	Trần Văn Long	17/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN0608	Phạm Đào Gia Long	14/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN0609	Nguyễn Văn Duy Long	18/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN0610	Hồ Lê Long	11/11/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN0611	Lê Khánh Long	15/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
203	TKMN0612	Phạm Hoàng Long	28/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
204	TKMN0613	Nguyễn Thị Hoàng Long	17/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
205	TKMN0614	Nguyễn Vũ Luân	01/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
206	TKMN0615	Mai Hữu Luận	07/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN0616	Nguyễn Thị Hiền Lương	10/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN0617	Trần Đức Lương	20/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN0618	Ngô Thị Kim Luyện	09/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN0619	Phạm Trúc Ly	05/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN0620	Phú Thị Mỹ Ly Ly	02/12/2002	Nữ	Chăm	Phòng 5	
212	TKMN0621	Nguyễn Thị Khánh Ly	10/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
213	TKMN0622	Đinh Ngọc Cẩm Ly	09/11/2002	Nữ	Mường	Phòng 5	
214	TKMN0623	Trương Nguyễn Thảo Ly	04/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

Handwritten signature



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG TĐCC TAND NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 04 - Ngày thi: Thứ Bảy, 08/11/2025 - Buổi chiều: 15h30-16h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN0624	Nguyễn Thị Diệu Ly	20/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN0625	Đỗ Hương Ly	01/12/1996	Nữ	Mường	Phòng 1	
3	TKMN0626	Nguyễn Trịnh Hải Ly	09/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN0627	Đặng Thị Hải Ly	21/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
5	TKMN0628	Nguyễn Thị Trúc Ly	15/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN0629	Nguyễn Kiều Mai	10/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN0630	Phạm Thị Thanh Mai	30/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN0631	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	25/03/1996	Nữ	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN0632	Lê Thị Thanh Mai	10/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN0633	Nguyễn Trúc Mai	25/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN0634	Trần Nguyễn Tuyết Mai	25/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN0635	Nguyễn Thị Ngọc Mai	05/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN0636	Trình Ngọc Phương Mai	24/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN0637	Trần Thị Thanh Mai	06/06/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN0638	Nguyễn Dương Phương Mai	19/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN0639	Đinh Thị Mai	25/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN0640	Lê Minh Mẫn	24/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN0641	Trần Thị Ngọc Mẫn	19/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN0642	Nguyễn Hoàng Anh Mẫn	04/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN0643	Phan Thanh Minh Mẫn	01/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN0644	Phạm Minh Mẫn	09/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN0645	Lưu Đức Mạnh	02/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN0646	Đoàn Quân Mạnh	11/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
24	TKMN0647	Nguyễn Đức Mạnh	25/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
25	TKMN0648	Khổng Tiến Mạnh	04/08/1998	Nam	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN0649	Trần Đức Mạnh	07/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN0650	Nguyễn Đình Khánh Minh	12/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN0651	Nguyễn Khoa Nhất Minh	28/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN0652	Lê Ngọc Minh	04/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN0653	Hoàng Lê Minh	15/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN0654	Huỳnh Nhật Minh	26/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN0655	Lê Tuệ Minh	25/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN0656	Đoàn Hoàng Thảo Minh	09/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
34	TKMN0657	Dương Văn Minh	10/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN0658	Nguyễn Thị Hồng Minh	03/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN0659	Phạm Đặng Ngọc Minh	27/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN0660	Huỳnh Dương Khánh Minh	22/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN0661	Nguyễn Tấn Quang Minh	19/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN0662	Nguyễn Đức Minh	24/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN0663	Nguyễn Thị Mơ	29/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN0664	Trịnh Thị Hạnh Mơ	01/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN0665	Tạ Đỗ Lý Hà My	07/08/1998	Nữ	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN0666	Hà My	05/11/1998	Nữ	Thái	Phòng 2	
44	TKMN0667	Danh Huyền My	26/10/2003	Nữ	Khmer	Phòng 2	
45	TKMN0668	Trần Thị Diễm My	11/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN0669	Ngô Thị Trà My	27/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN0670	Trần Thị Diễm My	15/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN0671	Lê Phụng My	21/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN0672	Hồ Diễm My	26/02/2002	Nữ	Khơ me	Phòng 2	
50	TKMN0673	Lê Huyền My	13/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN0674	Lê Tấn Mỹ	05/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN0675	Võ Thị Mỹ	17/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
53	TKMN0676	Trần Huỳnh Như Ái Mỹ	14/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN0677	Lê Thị Ly Na	27/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
55	TKMN0678	Võ Chi Na	26/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 2	
56	TKMN0679	Lê Thị Ni Na	25/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN0680	Nguyễn Thành Nam	18/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN0681	Nguyễn Gia Nam	15/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN0682	Đỗ Phương Nam	01/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN0683	Phan Ngọc Khánh Nam	19/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN0684	Nguyễn Phương Nam	04/02/1995	Nam	Mường	Phòng 3	
62	TKMN0685	Nguyễn Nhật Phương Nam	08/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN0686	Nguyễn Phương Nam	24/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN0687	Nguyễn Duy Nam	17/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN0688	Nguyễn Hoài Nam	20/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN0689	Tăng Huỳnh Phương Nam	06/07/1998	Nam	khmer	Phòng 3	
67	TKMN0690	Phạm Việt Nam	20/04/1998	Nam	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN0691	Nguyễn Thị Hà Nam	19/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN0692	Nguyễn Phan Kỳ Nam	09/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN0693	Nguyễn Nhật Nam	21/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN0694	Chế Hoàng Nam	11/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN0695	Dương Nguyễn Hải Nam	08/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN0696	Nguyễn Thị Thúy Nga	17/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN0697	Nguyễn Quỳnh Nga	05/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN0698	Lê Ngọc Phương Nga	29/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN0699	Trần Thị Tố Nga	13/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN0700	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	29/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN0701	Trần Thị Thanh Nga	26/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN0702	Phùng Thị Nga	14/01/1996	Nữ	Kinh	Phòng 3	
80	TKMN0703	Bùi Hoàng Ngân	29/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN0704	Huỳnh Thị Thúy Ngân	24/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
82	TKMN0705	Lê Thị Thuý Ngân	03/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN0706	Nguyễn Đào Kim Ngân	25/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN0707	Trà Phương Ngân	06/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
85	TKMN0708	Lê Đỗ Quỳnh Ngân	22/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN0709	Nguyễn Kim Ngân	15/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN0710	Bùi Thị Thanh Ngân	11/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN0711	Trần Thị Kim Ngân	11/04/2002	Nữ	Khmer	Phòng 3	
89	TKMN0712	Võ Thị Bảo Ngân	14/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN0713	Lê Ngọc Yến Ngân	19/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN0714	Nguyễn Kim Ngân	12/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN0715	Hồ Thị Bảo Ngân	02/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN0716	Phạm Thị Hải Ngân	29/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN0717	Huỳnh Thị Kim Ngân	04/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
95	TKMN0718	Lâm Võ Ngọc Ngân	01/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN0719	Nguyễn Thị Thu Ngân	21/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN0720	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN0721	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	20/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN0722	Nguyễn Thị Kim Ngân	11/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN0723	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN0724	Nguyễn Đặng Kim Ngân	03/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN0725	Thái Thạch Thảo Ngân	10/10/2000	Nữ	Khmer	Phòng 4	
103	TKMN0726	Trần Kim Ngân	08/11/2004	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN0727	Nguyễn Ngọc Ngân	19/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN0728	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN0729	Đặng Nguyễn Kim Ngân	29/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN0730	Trần Thu Ngân	27/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN0731	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	31/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN0732	Trương Thị Kim Ngân	14/03/1997	Nữ	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN0733	Phạm Nguyễn Gia Nghi	05/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
111	TKMN0734	Võ Thị Hồng Nghi	01/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN0735	Hồng Thục Nghi	05/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN0736	Trần Ngọc Minh Nghi	20/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN0737	Đoàn Khả Nghi	23/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
115	TKMN0738	Lê Ngọc Phương Nghi	27/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN0739	K' Bia Rai K' Nghi	01/10/1999	Nữ	Cơ ho	Phòng 4	
117	TKMN0740	Trương Vạn Ngọc	11/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN0741	Lê Kim Ngọc	05/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN0742	Lê Hồng Ngọc	04/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN0743	Huỳnh Thái Ngọc	31/03/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN0744	Nguyễn Linh Ngọc	11/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN0745	Trần Lê Minh Ngọc	20/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN0746	Trần Thị Kim Ngọc	24/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN0747	Huỳnh Thị Minh Ngọc	03/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN0748	Lê Nguyễn Anh Ngọc	07/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN0749	Trang Nguyễn Hồng Ngọc	14/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN0750	Đặng Thị Ngọc	22/12/1998	Nữ	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN0751	Lê Trần Bảo Ngọc	21/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN0752	Lê Thị Kim Ngọc	18/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN0753	Phạm Hồng Kim Ngọc	25/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
131	TKMN0754	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	15/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN0755	Trịnh Thị Kim Ngọc	27/04/2003	Nữ	Gié-Triêng	Phòng 5	
133	TKMN0756	Đặng Như Ngọc	08/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN0757	Trần Thị Bích Ngọc	19/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN0758	Hồ Lưu Bảo Ngọc	02/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN0759	Huỳnh Thị Bích Ngọc	20/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN0760	Đỗ Bảo Ngọc	02/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN0761	Nguyễn Mai Bích Ngọc	01/08/1993	Nữ	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN0762	Cao Bảo Ngọc	03/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
140	TKMN0763	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN0764	Nguyễn Ngọc Nguyên	02/03/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN0765	Nguyễn Thị Kim Nguyên	01/07/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN0766	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	10/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN0767	Võ Thị Thanh Nguyên	05/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
145	TKMN0768	Lê Thị Tú Nguyên	24/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN0769	Phạm Thảo Nguyên	31/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN0770	Võ Thành Nguyên	26/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN0771	Nguyễn Minh Nguyệt	27/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN0772	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN0773	Trần Thị Ánh Nguyệt	13/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN0774	Châu Thị Minh Nguyệt	15/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN0775	Lý Thị Thu Nguyệt	01/05/2003	Nữ	Tày	Phòng 5	
153	TKMN0776	Lê Ngọc Thanh Nguyệt	29/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN0777	Trần Thị Thanh Nhân	06/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN0778	Nguyễn Thị Thanh Nhân	23/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN0779	Trương Thị Ngọc Nhân	16/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN0780	Cao Minh Nhân	08/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN0781	Nguyễn Thanh Nhân	06/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN0782	Nguyễn Thị Nhân	26/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN0783	Đoàn Thanh Nhân	21/11/1994	Nam	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN0784	Lê Thành Nhân	22/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN0785	Nguyễn Thị Nhân	20/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN0786	Nguyễn Thành Nhân	03/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN0787	Nguyễn Thành Nhân	29/08/1987	Nam	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN0788	Quách Đình Nhân	10/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN0789	Lê Trung Nhân	14/05/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN0790	Hoàng Thanh Nhật	11/04/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN0791	Nguyễn Quốc Nhật	01/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
169	TKMN0792	Bạch Đình Nhật	04/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
170	TKMN0793	Vương Quốc Nhật	15/04/1996	Nam	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN0794	Phạm Lâm Thảo Nhi	13/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN0795	Tô Nữ Thục Nhi	18/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN0796	Chu Thị Tuyết Nhi	05/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN0797	Trần Nguyễn Phúc Nhi	12/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
175	TKMN0798	Nguyễn Thị Thảo Nhi	07/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN0799	Ngô Thị Yến Nhi	15/04/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN0800	Nguyễn Thị Yến Nhi	28/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN0801	Phạm Nguyễn Thị Yến Nhi	14/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN0802	Huỳnh Thị Tuyết Nhi	15/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN0803	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	10/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN0804	Nguyễn Vũ Thủy Nhi	15/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN0805	Trần Yến Nhi	10/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN0806	Nguyễn Thị Phương Nhi	23/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN0807	Hoàng Thị Tuyết Nhi	03/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
185	TKMN0808	Nguyễn Tuyết Nhi	07/04/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN0809	Lê Ý Nhi	09/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN0810	Phan Thị Yến Nhi	27/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN0811	Đặng Thị Kim Nhi	31/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN0812	Hoàng Thị Kiều Nhi	14/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN0813	La Tuyết Nhi	01/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN0814	Lê Thị Yến Nhi	20/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN0815	Nguyễn Thảo Nhi	18/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN0816	Võ Lê Uyên Nhi	05/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN0817	Trịnh Lâm An Nhi	01/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN0818	Võ Trần Bảo Nhi	14/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN0819	Võ Thị Ánh Nhi	20/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN0820	Mai Yến Nhi	04/08/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN0821	Dương Ngọc Nhi	15/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN0822	Hoàng Ngọc Yến Nhi	05/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN0823	Bùi Thị Ngọc Nhi	20/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN0824	Nguyễn Trần Thục Nhi	10/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN0825	Võ Thị Thanh Nhi	24/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
203	TKMN0826	Đinh Thoại Yến Nhi	27/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
204	TKMN0827	La Tuyết Nhi	26/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
205	TKMN0828	Trần Thị Kiều Nhi	03/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
206	TKMN0829	Đoàn Uyên Nhi	08/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN0830	Võ Thị Phương Nhi	16/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN0831	Vũ Thị Yến Nhi	08/08/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN0832	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	13/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN0833	Nguyễn Ngọc Nhi	12/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN0834	Lâm Thuý Nhi	20/09/2003	Nữ	Hoa	Phòng 5	
212	TKMN0835	Thân Thị Phương Nhi	03/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
213	TKMN0836	Phạm Nguyễn Hoàng Nhi	11/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
214	TKMN0837	Lê Nguyễn Yến Nhi	04/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

Kau



**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 05 - Ngày thi: Chủ Nhật, 09/11/2025 - Buổi sáng: 7h30-8h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN0838	Đặng Hoài Nhiệm	13/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN0839	Đỗ Lê Nhớ	07/07/1997	Nam	Kinh	Phòng 1	
3	TKMN0840	Đinh Lê Quỳnh Như	07/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN0841	Võ Thùy Như	05/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
5	TKMN0842	Nguyễn Bảo Quỳnh Như	29/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN0843	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	23/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN0844	Phạm Quỳnh Như	11/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN0845	Huỳnh Thị Hồng Như	18/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN0846	Huỳnh Tổ Như	31/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN0847	Hồ Thị Huỳnh Như	27/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN0848	Bùi Thị Ngọc Như	17/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN0849	Nguyễn Thị Cẩm Như	27/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN0850	Nguyễn Thị Huỳnh Như	22/08/1996	Nữ	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN0851	Trương Quỳnh Như	15/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN0852	Huỳnh Thảo Như	25/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN0853	Trần Thị Huỳnh Như	24/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN0854	Trần Thị Quỳnh Như	18/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN0855	Dương Trương Hoài Như	22/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN0856	Huỳnh Khánh Như	19/02/2001	Nữ	Khmer	Phòng 1	
20	TKMN0857	Trần Huỳnh Như	15/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN0858	Đặng Trần Khánh Như	09/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN0859	Trịnh Yến Như	24/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN0860	Lê Thị Tuyết Nhung	11/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
24	TKMN0861	Phạm Thị Thuý Nhung	27/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
25	TKMN0862	Trần Thị Thu Nhung	19/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
26	TKMN0863	Nguyễn Hoàng Nhung	22/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN0864	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN0865	Trần Lê Yến Nhung	27/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN0866	Nguyễn Thị Thùy Nhung	16/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN0867	Phạm Nguyễn Hồng Nhung	06/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN0868	Nguyễn Trọng Nhựt	20/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN0869	Nguyễn Thị Xuân Ny	17/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN0870	Nguyễn Khánh Ny	16/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
34	TKMN0871	Trương Ngọc Oanh	30/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN0872	Nguyễn Phương Hoàng Oanh	13/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN0873	Lê Thị Hoàng Oanh	17/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN0874	Nguyễn Thị Kim Oanh	29/01/1998	Nữ	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN0875	Nguyễn Thị Yến Oanh	04/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN0876	Nguyễn Thị Thu Oanh	06/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN0877	Vũ Thị Thùy Oanh	02/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN0878	Đặng Tín Phan	28/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN0879	Nguyễn Thành Phát	25/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN0880	Hoàng Gia Phát	03/06/2002	Nam	Hoa	Phòng 2	
44	TKMN0881	Nguyễn Tấn Phát	21/11/1995	Nam	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN0882	Dương Tôn Triều Phát	18/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN0883	Hoàng Tiến Phát	17/05/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN0884	Trần Tuyết Phi	02/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN0885	Huỳnh Tấn Phong	01/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN0886	Trương Quốc Phong	07/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN0887	Lê Chấn Phong	25/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN0888	Nguyễn Văn Phú	24/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN0889	Nguyễn Khánh Phú	09/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
53	TKMN0890	Võ Hoàng Phúc	28/07/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN0891	Lê Thị Phúc	20/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
55	TKMN0892	Nguyễn Hoàng Phúc	11/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
56	TKMN0893	Hoàng Minh Phúc	06/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN0894	Trần Phúc	14/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN0895	Đặng Minh Phúc	30/03/1998	Nam	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN0896	Trần Anh Hữu Phúc	22/05/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN0897	Nguyễn Lê Ngọc Phụng	23/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN0898	Tô Thị Kim Phụng	28/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN0899	Nguyễn Ngọc Thủy Phụng	11/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN0900	Đặng Trần Ngọc Phụng	06/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN0901	Trần Hữu Phước	24/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN0902	Nguyễn Thị Như Phương	19/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN0903	Thạch Thị Tú Phương	22/12/2003	Nữ	Khmer	Phòng 3	
67	TKMN0904	Nguyễn Ngọc Mai Phương	29/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN0905	Hoàng Thị Phương	19/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN0906	Nguyễn Thị Mai Phương	14/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN0907	Lê Thị Mỹ Phương	03/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN0908	Trần Thu Phương	03/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN0909	Nguyễn Thị Thanh Phương	30/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN0910	Lê Hà Nguyễn Phương	02/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN0911	Trần Văn Phương	02/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN0912	Vũ Hà Phương	28/09/1995	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN0913	Nguyễn Thanh Phương	04/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN0914	Phạm Ngọc Minh Phương	09/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN0915	Lê Thị Ý Phương	29/11/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN0916	Dương Văn Phương	29/08/1996	Nam	Mông	Phòng 3	
80	TKMN0917	Phùng Xuân Phương	02/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN0918	Bùi Như Phương	17/02/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
82	TKMN0919	Trần Thị Thu Phương	06/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN0920	Nguyễn Nguyễn Phương	08/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN0921	Lê Đoàn Thu Phương	02/02/1998	Nữ	Kinh	Phòng 3	
85	TKMN0922	Nguyễn Ngọc Thanh Phương	31/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
86	TKMN0923	Bùi Thị Bích Phương	02/02/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN0924	Phạm Thị Mỹ Phương	19/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN0925	Lê Minh Phương	04/08/1999	Nam	Kinh	Phòng 3	
89	TKMN0926	Đoàn Thị Phương	17/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN0927	Ngô Thị Minh Phương	14/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN0928	Lê Ngọc Phương	26/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN0929	Bùi Thị Mỹ Phương	01/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN0930	Vũ Minh Quân	09/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN0931	Nguyễn Phụng Quân	30/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
95	TKMN0932	Trương Minh Quân	18/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN0933	Lê Thanh Quang	28/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN0934	Trần Thị Mỹ Quang	21/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN0935	Nguyễn Quang	18/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN0936	Nguyễn Thị Quê	10/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN0937	Trần Văn Bửu Quốc	26/11/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN0938	Đoàn Võ Quốc	29/05/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN0939	Phạm Dương Quốc	20/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN0940	Trần Phú Quý	11/08/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN0941	Nguyễn Thị Thảo Quyên	09/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN0942	Nguyễn Ngọc Tố Quyên	03/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN0943	Võ Hồng Diễm Quyên	23/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN0944	Nguyễn Thị Quyên	15/03/1998	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN0945	Nguyễn Hoàng Quyên	26/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN0946	Huỳnh Võ Tố Quyên	24/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN0947	Nguyễn Thị Lệ Quyên	28/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
111	TKMN0948	Nguyễn Thị Thúy Quyên	05/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN0949	Hồ Thị Lệ Quyên	23/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN0950	Trịnh Đức Quyên	28/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN0951	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	02/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
115	TKMN0952	Lê Viết Nghị Quyết	05/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
116	TKMN0953	Thiếu Thị Minh Quỳnh	26/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN0954	Hà Lê Diễm Quỳnh	07/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN0955	Lê Ngọc Cẩm Quỳnh	19/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN0956	Lê Thị Thảo Quỳnh	08/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN0957	Lê Ngọc Như Quỳnh	01/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN0958	Trần Nguyễn Diễm Quỳnh	02/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN0959	Trần Thị Như Quỳnh	16/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN0960	Phùng Diễm Quỳnh	23/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN0961	Lê Nữ Trúc Quỳnh	10/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN0962	Trần Phương Quỳnh	04/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN0963	Trần Thảo Quỳnh	29/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN0964	Nguyễn Thị Như Quỳnh	14/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN0965	Phan Thúy Quỳnh	10/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN0966	Phạm Thị Thúy Quỳnh	25/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN0967	Vũ Thị Phương Sa	21/12/1995	Nữ	Kinh	Phòng 4	
131	TKMN0968	Lê Thị Kiều Sa	20/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN0969	Đinh Tôn Sách	09/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN0970	Đặng Văn Sâm	15/10/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN0971	Huỳnh Tấn Sang	03/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN0972	Phan Thị Thanh Sang	13/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN0973	Phạm Trọng Sang	20/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN0974	Nguyễn Thị Sáng	28/05/1992	Nữ	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN0975	Nguyễn Học Sĩ	14/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN0976	Cao Trần Thái Siêu	12/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
140	TKMN0977	Cần Xuân Sinh	23/08/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN0978	Nguyễn Trường Sơn	16/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN0979	Chung Bảo Sơn	01/01/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN0980	Ngô Thị Diễm Sương	22/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN0981	Trần Thị Thu Sương	06/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
145	TKMN0982	Nguyễn Thị Bích Sương	17/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
146	TKMN0983	Phạm Thị Sương	21/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN0984	Lê Ngọc Quỳnh Sương	01/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN0985	Vương Bình Suối	14/11/1996	Nam	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN0986	Trần Dũng Sỹ	30/04/1998	Nam	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN0987	Nguyễn Tấn Tài	28/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN0988	Khuong Văn Tài	28/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN0989	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN0990	Phạm Công Tâm	10/02/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN0991	Nguyễn Kim Tâm	19/12/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN0992	Nguyễn Thị Thanh Tâm	13/10/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN0993	Trương Thị Minh Tâm	09/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN0994	Trần Thị Hồng Tâm	03/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN0995	Nguyễn Thị Ngọc Tâm	08/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN0996	Nguyễn Vũ Minh Tâm	28/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN0997	Nguyễn Thanh Thanh Tâm	21/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN0998	Lê Thị Từ Tâm	23/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN0999	Huỳnh Nhật Tân	10/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN1000	Châu Giang Tân	02/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN1001	La Thành Tân	14/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN1002	Phạm Hoàng Tân	26/06/1999	Nam	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN1003	Nguyễn Việt Tân	21/11/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN1004	Nguyễn Duy Tân	23/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN1005	Nguyễn Chí Thái	25/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
169	TKMN1006	Phạm Văn Thái	17/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
170	TKMN1007	Phạm Văn Thái	23/05/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN1008	Tôn Thiện Thái	25/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN1009	Trần Thị Phương Thái	23/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN1010	Nguyễn Quang Thắng	09/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN1011	Trần Hải Thắng	16/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
175	TKMN1012	Trần Nguyễn Băng Thanh	27/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
176	TKMN1013	Nguyễn Phúc Thanh	18/04/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN1014	Đào Nguyễn Thanh Thanh	16/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN1015	Nguyễn Thị Thanh Thanh	27/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN1016	Cao Chí Thanh	30/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN1017	Nguyễn Văn Thanh	05/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN1018	Nguyễn Thị Phương Thanh	15/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN1019	Trần Thị Nguyệt Thanh	24/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN1020	Đỗ Trần Công Thành	09/11/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN1021	Lê Đình Thành	15/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
185	TKMN1022	Phạm Trần Thành	04/12/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN1023	Nguyễn Hiếu Thành	24/09/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN1024	Nguyễn Trung Thành	03/02/1997	Nam	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN1025	Nguyễn Tấn Thành	10/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN1026	Huỳnh Việt Thành	05/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN1027	Phạm Nguyễn Phương Thảo	20/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN1028	Lê Phương Thảo	17/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN1029	Hoàng Thanh Thảo	28/05/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN1030	Phạm Xuân Thảo	04/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN1031	Ma Thị Thảo	20/11/1994	Nữ	Tày	Phòng 5	
195	TKMN1032	Đặng Phương Thảo	24/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN1033	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/10/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN1034	Nguyễn Thị Thanh Thảo	19/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN1035	Văn Thị Bé Thảo	06/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN1036	Ngô Thị Thanh Thảo	05/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN1037	Đỗ Thu Thảo	10/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN1038	Ong Thị Thanh Thảo	01/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN1039	Dương Thị Thu Thảo	03/03/1999	Nữ	Khmer	Phòng 5	
203	TKMN1040	Trần Thị Phương Thảo	13/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
204	TKMN1041	Vũ Thị Thu Thảo	01/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
205	TKMN1042	Nguyễn Phương Thảo	16/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	

Handwritten signature

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
206	TKMN1043	Bùi Phương Thảo	22/12/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN1044	Đặng Tô Ngọc Thảo	13/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN1045	Nguyễn Thị Thảo	13/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN1046	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN1047	Lê Thị Hồng Thảo	26/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN1048	Trần Ngọc Phương Thảo	22/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
212	TKMN1049	Đặng Thị Kim Thảo	21/03/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
213	TKMN1050	Nguyễn Kim Thảo	02/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
214	TKMN1051	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	

Handwritten signature



**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 06 - Ngày thi: Chủ Nhật, 09/11/2025 - Buổi sáng: 9h30-10h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN1052	Phạm Lê Phương Thảo	20/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN1053	Lê Trần Phương Thảo	25/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
3	TKMN1054	Lê Ngọc Phương Thảo	15/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN1055	Phan Thị Thảo	04/12/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
5	TKMN1056	Phạm Trương Anh Thép	11/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN1057	Trần Võ Đăng Thi	05/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN1058	Mai Thị Trinh Thi	09/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN1059	Mai Thị Yến Thi	30/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN1060	Phạm Kiều Đan Thi	12/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN1061	Cao Thị Phương Thi	14/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN1062	Phan Ngọc Minh Thi	02/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN1063	Đặng Thị Mai Thi	19/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN1064	Nguyễn Việt Anh Thi	06/04/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN1065	Trương Trần Thanh Thiện	02/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN1066	Nguyễn Thị Phước Thiện	30/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN1067	Nguyễn Nhật Thiện	22/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN1068	Nguyễn Văn Thiệu	26/01/1996	Nam	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN1069	Dương Thanh Thịnh	18/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN1070	Lê Chí Thịnh	24/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN1071	Hồ Lê Phúc Thịnh	14/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN1072	Hoàng Đức Thịnh	29/11/1997	Nam	Tày	Phòng 1	
22	TKMN1073	Huỳnh Lê Anh Thơ	11/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN1074	Nguyễn Trần Đan Thơ	29/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
24	TKMN1075	Nguyễn Tấn Thọ	29/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
25	TKMN1076	Nguyễn Bảo Thoa	16/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN1077	Hồ Thị Thơm	24/07/2000	Nữ	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN1078	Nguyễn Thông	17/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN1079	Đinh Văn Thông	07/01/2000	Nam	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN1080	Hoàng Trung Thông	07/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN1081	Tăng Hòa Thông	10/03/2001	Nam	Khmer	Phòng 1	
31	TKMN1082	Phạm Mai Nhất Thông	25/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN1083	Ngô Huy Thông	19/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN1084	Nông Thị Bích Thu	22/10/2001	Nữ	Nùng	Phòng 2	
34	TKMN1085	Huỳnh Thị Tuyết Thu	11/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN1086	Dương Thị Thanh Thu	13/07/1995	Nữ	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN1087	Lê Đào Hoài Thu	11/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN1088	Alăng Thị Thu	21/12/2002	Nữ	Cơ tu	Phòng 2	
38	TKMN1089	Cao Thị Thu	05/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN1090	Nguyễn Thị Anh Thư	26/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN1091	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	22/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN1092	Lê Thị Anh Thư	14/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN1093	Nguyễn Ngọc Anh Thư	17/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN1094	Đoàn Lê Anh Thư	11/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
44	TKMN1095	Mai Thị Anh Thư	02/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN1096	Ngô Anh Thư	24/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN1097	Nguyễn Thị Minh Thư	12/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN1098	Nguyễn Thị Anh Thư	31/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
48	TKMN1099	Trần Thị Anh Thư	28/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN1100	Đoàn Quỳnh Thư	09/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN1101	Nguyễn Anh Thư	12/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN1102	Đỗ Ngọc Thư	15/10/1998	Nữ	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN1103	Nguyễn Thị Anh Thư	20/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
53	TKMN1104	Nguyễn Anh Thư	12/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN1105	Phạm Anh Thư	29/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
55	TKMN1106	Phan Anh Thư	05/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
56	TKMN1107	Lê Ngọc Anh Thư	24/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN1108	Nguyễn Anh Thư	11/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN1109	Phạm Hoàng Anh Thư	15/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN1110	Lê Anh Thư	26/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN1111	Lương Thị Như Anh Thư	29/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN1112	Hồ Thị Tài Thư	02/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN1113	Trần Anh Thư	14/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN1114	Võ Trần Minh Thư	25/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN1115	Hồ Minh Thư	04/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN1116	Nguyễn Phan Hoàng Thư	26/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN1117	Nguyễn Quốc Kim Thư	10/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
67	TKMN1118	Huỳnh Anh Thư	14/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN1119	Phùng Thị Anh Thư	26/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN1120	Lê Ngọc Anh Thư	01/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
70	TKMN1121	Trần Lê Minh Thư	17/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN1122	Nguyễn Thị Minh Thư	17/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN1123	Phạm Trần Anh Thư	09/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN1124	Trịnh Thị Yến Thư	12/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN1125	Phạm Anh Thư	08/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN1126	Phạm Thị Minh Thư	18/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN1127	Mai Lê Thuận	25/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN1128	Trần Đặng Minh Thuận	31/07/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN1129	Ngô Quang Thuận	30/12/2002	Nam	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN1130	Đinh Đức Thuận	18/08/2003	Nam	Tây	Phòng 3	
80	TKMN1131	Võ Quốc Thuận	17/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN1132	Trương Văn Thuận	06/12/2001	Nam	Kinh	Phòng 3	
82	TKMN1133	Nguyễn Ngọc Thuận	28/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN1134	Nguyễn Thị Hoài Thương	22/04/2002	Nữ	Tây	Phòng 3	
84	TKMN1135	Võ Hoài Thương	31/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
85	TKMN1136	Hoàng Thị Thân Thương	25/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN1137	Vũ Thị Thanh Thương	31/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN1138	Vũ Thanh Thương	02/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN1139	Phan Thị Thân Thương	26/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
89	TKMN1140	Trịnh Thị Hà Thương	26/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN1141	Hoàng Thị Thảo Thương	09/02/1994	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN1142	Trần Thị Kim Thương	10/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN1143	Phạm Thị Thu Thương	28/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN1144	Phạm Hoài Thương	09/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN1145	Nguyễn Lê Hà Thương	28/02/2002	Nữ	Mường	Phòng 4	
95	TKMN1146	Tăng Thị Lan Thương	12/09/1996	Nữ	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN1147	Bùi Thị Minh Thủy	22/09/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN1148	Phạm Thị Thủy	19/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN1149	Dương Thị Thủy	05/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN1150	Đoàn Lữ Thị Thanh Thủy	09/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN1151	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN1152	Nguyễn Gia Thủy	29/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN1153	Phan Thị Thủy	01/12/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN1154	Lương Thị Thanh Thủy	15/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN1155	Phạm Thị Thủy	20/10/2025	Nữ	H'rê	Phòng 4	
105	TKMN1156	Nguyễn Thị Thu Thủy	21/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
106	TKMN1157	Nguyễn Thị Thủy	09/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN1158	Nguyễn Thị Bích Thủy	29/11/1997	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN1159	Đào Vĩnh Thuyền	17/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN1160	Lê Nguyễn Trang Thy	19/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN1161	Nguyễn Hà Thy	30/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
111	TKMN1162	Nguyễn Huỳnh Mai Thy	17/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN1163	Nguyễn Huỳnh Anh Thy	12/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN1164	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	21/02/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN1165	Lưu Thị Hà Tiên	10/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
115	TKMN1166	Trương Thủy Tiên	18/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN1167	Đặng Thị Thủy Tiên	18/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN1168	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	01/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN1169	Ngô Đỗ Cẩm Tiên	13/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN1170	Nguyễn Trần Thủy Tiên	17/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN1171	Nguyễn Thị Thủy Tiên	21/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN1172	Đoàn Trung Tiến	06/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN1173	Nguyễn Trương Tiến	28/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
123	TKMN1174	Bùi Phạm Nhật Tiến	13/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN1175	Đào Duy Tiến	13/08/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN1176	Nguyễn Hoàng Tiến	17/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN1177	Trương Minh Tiến	11/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN1178	Lê Vũ Tiến	18/07/1999	Nam	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN1179	Đoàn Trung Tiến	24/10/1999	Nam	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN1180	Nguyễn Thị Thanh Tiến	24/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN1181	Châu Nam Tiến	24/03/1996	Nam	Khmer	Phòng 4	
131	TKMN1182	Tạ Văn Tín	20/08/1998	Nam	Chăm	Phòng 5	
132	TKMN1183	Trần Quốc Tín	19/02/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN1184	Nguyễn Trung Tính	02/10/2004	Nam	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN1185	Nguyễn Đức Tính	03/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN1186	Mai Thanh Tính	13/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN1187	Lê Nguyễn Tính	15/10/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN1188	Võ Thanh Tịnh	17/01/2002	Nam	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN1189	Phan Minh Toàn	18/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN1190	Tài Cao Toàn	15/04/2000	Nam	Chăm	Phòng 5	
140	TKMN1191	Bùi Đức Toàn	30/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN1192	Nguyễn Thị Thu Trà	29/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN1193	Nông Thị Khương Trà	18/04/2002	Nữ	Tây	Phòng 5	
143	TKMN1194	Nguyễn Thị Tuyết Trâm	18/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN1195	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	14/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
145	TKMN1196	Tổng Thị Trâm	09/01/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN1197	Nguyễn Thúy Trâm	17/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN1198	Võ Thị Hồng Trâm	31/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN1199	Phan Nguyễn Ngọc Trâm	25/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN1200	Nguyễn Hữu Mai Trâm	17/01/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN1201	Hồ Hoàng Trâm	12/12/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN1202	Đặng Thị Huyền Trâm	23/07/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN1203	Lê Thị Tuyết Trâm	07/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN1204	Huỳnh Ngọc Trâm	28/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN1205	Nguyễn Bích Trâm	06/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN1206	Diệp Bảo Trâm	13/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN1207	Võ Thị Quỳnh Trâm	01/05/2002	Nữ	Tây	Phòng 5	
157	TKMN1208	Võ Nguyễn Bảo Trâm	13/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN1209	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	13/05/1994	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN1210	Nguyễn Thị Thu Trâm	25/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN1211	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	17/02/1993	Nữ	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN1212	Đặng Thị Quỳnh Trâm	11/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN1213	Nguyễn Quyền Trâm	21/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN1214	Trần Thị Quế Trân	14/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN1215	Trần Bảo Trân	31/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN1216	Bùi Ngọc Huyền Trân	15/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN1217	Nguyễn Huỳnh Thùy Trân	04/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN1218	Nguyễn Lê Huỳnh Trân	30/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN1219	Đoàn Thị Bích Trân	09/08/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
169	TKMN1220	Lê Thị Kiều Trân	26/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
170	TKMN1221	Lê Ngọc Trân	25/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN1222	Đỗ Thị Mỹ Trân	25/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN1223	Nguyễn Thị Ngọc Trân	20/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN1224	Nguyễn Khánh Trân	04/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN1225	Phạm Thị Bảo Trân	07/09/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thí	Ghi chú
175	TKMN1226	Trần Thị Thùy Trang	12/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN1227	Bùi Trần Thu Trang	14/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN1228	Bùi Thị Thu Trang	07/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN1229	Trần Thị Minh Trang	24/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN1230	Nguyễn Thị Thùy Trang	16/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN1231	Trần Nguyễn Minh Trang	18/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN1232	Lê Thị Trang	24/02/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN1233	Phú Thị Bích Trang	30/01/1999	Nữ	Chăm	Phòng 5	
183	TKMN1234	Nguyễn Thị Thảo Trang	02/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN1235	Nguyễn Hà Trang	28/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
185	TKMN1236	Đào Thị Thuý Trang	24/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN1237	Nguyễn Thị Kiều Trang	06/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN1238	Nguyễn Triều Minh Trang	28/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN1239	Nguyễn Thị Khánh Trang	30/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN1240	Nguyễn Trần Thuý Trang	10/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN1241	Đặng Trần Kiều Trang	29/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN1242	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	23/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN1243	Nguyễn Thị Diễm Trang	02/01/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN1244	Đỗ Trần Quỳnh Trang	22/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN1245	Trần Thị Thùy Trang	18/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN1246	Hà Thị Thuý Trang	10/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN1247	Lê Thụy Thùy Trang	01/07/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN1248	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN1249	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
199	TKMN1250	Đinh Thị Thuý Trang	14/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN1251	Huỳnh Thùy Trang	15/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
201	TKMN1252	Phan Ngọc Minh Trang	24/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
202	TKMN1253	Lê Lương Minh Trang	15/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
203	TKMN1254	Võ Thị Thùy Trang	05/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
204	TKMN1255	Trần Thị Hoài Trang	04/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
205	TKMN1256	Hoàng Thủy Trang	14/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
206	TKMN1257	Thái Thủy Trang	22/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
207	TKMN1258	Đỗ Thị Thu Trang	23/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
208	TKMN1259	Huỳnh Thị Thủy Trang	13/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
209	TKMN1260	Trần Minh Trí	07/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
210	TKMN1261	Trần Dương Minh Trí	02/01/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
211	TKMN1262	Lê Đức Trí	28/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
212	TKMN1263	Phan Minh Triết	08/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
213	TKMN1264	Lê Thị Bích Triều	10/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
214	TKMN1265	Nguyễn Hải Triều	17/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	

fa

10/10/2023

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025**

I. Địa điểm dự thi: Trường Đại học Sài Gòn

II. Thời gian dự thi: Ca thi số 07 - Ngày thi: Chủ Nhật, 09/11/2025 - Buổi chiều: 13h30-14h30

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
1	TKMN1266	Võ Nguyễn Anh Triều	04/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
2	TKMN1267	Lê Thành Triệu	22/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
3	TKMN1268	Đinh Thị Mỹ Trinh	16/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
4	TKMN1269	Bùi Thị Diễm Trinh	14/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
5	TKMN1270	Lê Thị Tú Trinh	07/07/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
6	TKMN1271	Võ Diễm Trinh	15/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
7	TKMN1272	Tô Thị Phương Trinh	21/09/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
8	TKMN1273	Lâm Thị Lệ Trinh	01/10/1997	Nữ	Kinh	Phòng 1	
9	TKMN1274	Trần Thị Tổ Trinh	09/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
10	TKMN1275	Lê Thị Tuyết Trinh	16/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
11	TKMN1276	Trương Diễm Trinh	30/07/1999	Nữ	Kinh	Phòng 1	
12	TKMN1277	Trương Thị Mỹ Trinh	17/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
13	TKMN1278	Trần Thị Tuyết Trinh	27/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 1	
14	TKMN1279	Nguyễn Khoa Trinh	08/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
15	TKMN1280	Tô Quốc Trinh	18/09/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
16	TKMN1281	Lê Đình Trọng	20/10/2001	Nam	Kinh	Phòng 1	
17	TKMN1282	Nguyễn Hữu Trọng	06/09/1996	Nam	Kinh	Phòng 1	
18	TKMN1283	Trần Ngọc Như Trúc	31/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
19	TKMN1284	Trần Lê Như Trúc	22/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
20	TKMN1285	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	09/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 1	
21	TKMN1286	Phan Thị Minh Trúc	15/02/1999	Nữ	Kinh	Phòng 1	
22	TKMN1287	Trần Thiên Trúc	27/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 1	
23	TKMN1288	Lê Anh Trung	20/07/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
24	TKMN1289	Phạm Huỳnh Anh Trung	14/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
25	TKMN1290	Lê Minh Trung	26/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
26	TKMN1291	Lê Quang Trung	08/11/1999	Nam	Kinh	Phòng 1	
27	TKMN1292	Phạm Quốc Trung	30/05/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
28	TKMN1293	Lê Văn Trường	28/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 1	
29	TKMN1294	Đặng Quang Trường	23/02/2002	Nam	Kinh	Phòng 1	
30	TKMN1295	Lê Ngọc Huỳnh Trường	28/08/1998	Nam	Kinh	Phòng 1	
31	TKMN1296	Đặng Nhật Trường	11/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 2	
32	TKMN1297	Phạm Thị Truyền	23/06/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
33	TKMN1298	Sơn Thanh Truyền	27/01/2002	Nam	Khmer	Phòng 2	
34	TKMN1299	Phan Thiên Tú	07/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
35	TKMN1300	Nguyễn Cẩm Tú	23/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
36	TKMN1301	Trần Bá Tú	25/06/1997	Nam	Kinh	Phòng 2	
37	TKMN1302	Nguyễn Trương Minh Tú	19/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
38	TKMN1303	Trần Thanh Tú	04/04/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
39	TKMN1304	Võ Thị Cẩm Tú	07/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
40	TKMN1305	Nguyễn Thanh Tú	07/03/1996	Nam	Kinh	Phòng 2	
41	TKMN1306	Nguyễn Thị Thanh Tú	30/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
42	TKMN1307	Phạm Thị Cẩm Tú	13/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
43	TKMN1308	Nguyễn Đăng Anh Tuấn	30/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
44	TKMN1309	Châu Anh Tuấn	26/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 2	
45	TKMN1310	Liên Triều Tuấn	25/11/1995	Nam	Kinh	Phòng 2	
46	TKMN1311	Phạm Hoàng Tuấn	17/04/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
47	TKMN1312	Thông Minh Tuấn	24/03/2002	Nam	Chăm	Phòng 2	
48	TKMN1313	Trương Hoàng Tùng	12/12/2000	Nam	Kinh	Phòng 2	
49	TKMN1314	Huỳnh Thị Hồng Tươi	10/08/1998	Nữ	Kinh	Phòng 2	
50	TKMN1315	Nguyễn An Tường	20/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
51	TKMN1316	Võ Thị Mai Tường	17/05/2001	Nữ	Kinh	Phòng 2	
52	TKMN1317	Nguyễn Cát Tường	12/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
53	TKMN1318	Nguyễn Thị Kim Tuyền	18/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
54	TKMN1319	Đinh Thị Tuyền	27/07/2001	Nữ	Ba Na	Phòng 2	
55	TKMN1320	Tô Thị Kim Tuyền	27/07/2000	Nữ	Nùng	Phòng 2	
56	TKMN1321	Trần Kim Tuyền	17/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
57	TKMN1322	Lê Thị Tuyền	29/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 2	
58	TKMN1323	Phạm Nguyễn Thanh Tuyền	09/02/2000	Nữ	Kinh	Phòng 2	
59	TKMN1324	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	01/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 2	
60	TKMN1325	Trần Thị Thanh Tuyền	19/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 2	
61	TKMN1326	Nguyễn Mộng Tuyền	28/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
62	TKMN1327	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	12/08/1999	Nữ	Kinh	Phòng 3	
63	TKMN1328	Ông Nguyễn Thị Anh Tuyền	05/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
64	TKMN1329	Đỗ Thị Kim Tuyền	23/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
65	TKMN1330	Nguyễn Thị Tuyền	26/01/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
66	TKMN1331	Nguyễn Như Tuyết	14/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
67	TKMN1332	Trần Thị Ánh Tuyết	30/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
68	TKMN1333	Nguyễn Thị Kim Tuyết	02/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
69	TKMN1334	Trần Ngọc Tuyết	01/12/2002	Nữ	Hoa	Phòng 3	
70	TKMN1335	Phạm Lê Béc Ty	14/06/2003	Nam	Kinh	Phòng 3	
71	TKMN1336	Nguyễn Thị Ngọc Ước	01/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
72	TKMN1337	Đỗ Thu Uyên	24/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 3	
73	TKMN1338	Nguyễn Thị Thu Uyên	13/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
74	TKMN1339	Nguyễn Thu Uyên	10/04/1997	Nữ	Kinh	Phòng 3	
75	TKMN1340	Đỗ Phương Uyên	13/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
76	TKMN1341	Huỳnh Linh Thảo Uyên	26/08/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
77	TKMN1342	Trần Nguyễn Tú Uyên	24/04/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
78	TKMN1343	Đoàn Tú Uyên	02/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
79	TKMN1344	Phan Thục Uyên	18/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
80	TKMN1345	Phạm Thị Thu Uyên	20/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
81	TKMN1346	Bùi Thụy Thục Uyên	07/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
82	TKMN1347	Trương Đặng Phương Uyên	05/05/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
83	TKMN1348	Bùi Thảo Uyên	08/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
84	TKMN1349	Lê Ngọc Thảo Uyên	18/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
85	TKMN1350	Phạm Ngọc Thảo Uyên	15/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 3	
86	TKMN1351	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	10/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
87	TKMN1352	Châu Phương Uyên	05/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 3	
88	TKMN1353	Hà Thảo Uyên	21/11/2000	Nữ	Chăm	Phòng 3	
89	TKMN1354	Nguyễn Thị Khánh Vân	25/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
90	TKMN1355	Nguyễn Thị Vân	18/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 3	
91	TKMN1356	Đỗ Hải Vân	01/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
92	TKMN1357	Lê Thái Khánh Vân	11/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
93	TKMN1358	Nguyễn Thùy Vân	14/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
94	TKMN1359	Đoàn Thị Thúy Vân	21/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
95	TKMN1360	Nguyễn Thị Hồng Vân	30/08/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
96	TKMN1361	Trần Thị Cẩm Vân	10/10/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
97	TKMN1362	Đặng Thị Cẩm Vân	14/10/1999	Nữ	Kinh	Phòng 4	
98	TKMN1363	Nguyễn Thị Thu Vân	20/10/1995	Nữ	Kinh	Phòng 4	
99	TKMN1364	Trịnh Thị Tường Vân	17/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
100	TKMN1365	Trần Thị Thúy Vân	09/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
101	TKMN1366	Nguyễn Thị Thùy Vân	19/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
102	TKMN1367	Nguyễn Thị Kiều Vân	22/12/1986	Nữ	Kinh	Phòng 4	
103	TKMN1368	Nguyễn Thị Thảo Vân	23/11/2001	Nữ	Kinh	Phòng 4	
104	TKMN1369	Huỳnh Trọng Vân	13/06/1995	Nam	Kinh	Phòng 4	
105	TKMN1370	Hà Thị Vang	03/04/1998	Nữ	Mường	Phòng 4	
106	TKMN1371	Thượng Lê Kim Vàng	20/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
107	TKMN1372	Lê Thị Lan Vi	12/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
108	TKMN1373	Dương Ngọc Hà Vi	23/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
109	TKMN1374	Đoàn Nguyễn Diệu Vi	24/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
110	TKMN1375	Nguyễn Lê Vi	25/12/1997	Nữ	Kinh	Phòng 4	

Handwritten signature

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
111	TKMN1376	Cao Ngọc Tường Vi	06/10/2000	Nữ	Kinh	Phòng 4	
112	TKMN1377	Lưu Thị Tường Vi	01/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
113	TKMN1378	Trần Trí Vĩ	29/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
114	TKMN1379	Nguyễn Nhật Viễn	03/11/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
115	TKMN1380	Trần Hoàng Việt	01/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
116	TKMN1381	Tô Quốc Việt	03/08/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
117	TKMN1382	Điền Hiền Vinh	17/01/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
118	TKMN1383	Đỗ Thành Vinh	06/03/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
119	TKMN1384	Nguyễn Quang Vinh	28/07/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
120	TKMN1385	Nguyễn Xuân Vinh	07/06/2001	Nam	Kinh	Phòng 4	
121	TKMN1386	Trương Phú Vinh	19/02/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
122	TKMN1387	Nông Quốc Vũ	05/10/2001	Nam	Tây	Phòng 4	
123	TKMN1388	Phạm Hoàng Vũ	29/06/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
124	TKMN1389	Phạm Công Vũ	12/12/1998	Nam	Kinh	Phòng 4	
125	TKMN1390	Võ Văn Vự	11/03/2002	Nam	Kinh	Phòng 4	
126	TKMN1391	Bùi Quốc Vương	12/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 4	
127	TKMN1392	Đinh Công Vương	13/10/1998	Nam	Kinh	Phòng 4	
128	TKMN1393	Nguyễn Thị Minh Vương	26/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
129	TKMN1394	Đinh Lê Thúy Vy	26/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 4	
130	TKMN1395	Nguyễn Lê Vy	03/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 4	
131	TKMN1396	Lê Thị Thảo Vy	04/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
132	TKMN1397	Bùi Đình Tường Vy	25/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
133	TKMN1398	Lê Ủy Vy	22/07/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
134	TKMN1399	Huỳnh Ngọc Lan Vy	08/01/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
135	TKMN1400	Phan Tuyết Vy	09/01/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
136	TKMN1401	Mai Thị Yến Vy	24/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
137	TKMN1402	Nguyễn Phan Tường Vy	28/05/1997	Nữ	Kinh	Phòng 5	
138	TKMN1403	Nguyễn Thế Vy	23/10/2003	Nam	Kinh	Phòng 5	
139	TKMN1404	Lê Thị Nhật Vy	27/11/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
140	TKMN1405	Nguyễn Đỗ Khánh Vy	13/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
141	TKMN1406	Nguyễn Trần Phương Vy	20/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
142	TKMN1407	Nguyễn Hà Vy	11/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
143	TKMN1408	Vũ Nguyễn Nhật Vy	21/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
144	TKMN1409	Lê Nguyễn Tường Vy	22/06/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
145	TKMN1410	Đặng Nguyễn Tường Vy	24/02/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
146	TKMN1411	Huỳnh Nguyễn Ngọc Vy	01/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
147	TKMN1412	Lương Tường Vy	22/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
148	TKMN1413	Trần Thị Tường Vy	22/06/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
149	TKMN1414	Phùng Võ Thúy Vy	16/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
150	TKMN1415	Phạm Tường Vy	12/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
151	TKMN1416	Lê Tường Vy	18/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
152	TKMN1417	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	12/04/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
153	TKMN1418	Trương Khánh Vy	02/06/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
154	TKMN1419	Phan Thị Thúy Vy	06/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
155	TKMN1420	Ngô Khánh Vy	23/12/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
156	TKMN1421	Lê Thị Thúy Vy	24/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
157	TKMN1422	Trần Ái Vy	08/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
158	TKMN1423	Phùng Huỳnh Khánh Vy	12/07/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
159	TKMN1424	Nguyễn Trần Hà Vy	05/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
160	TKMN1425	Mai Tường Vy	30/11/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
161	TKMN1426	Đàm Lê Hương Xuân	19/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
162	TKMN1427	Hoàng Thị Lâm Xuân	28/09/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
163	TKMN1428	Võ Văn Xuân	19/09/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	
164	TKMN1429	Âu Thị Mỹ Xuyên	30/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
165	TKMN1430	Thái Thị Mỹ Xuyên	25/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
166	TKMN1431	Nguyễn Thị Kim Xuyên	28/09/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
167	TKMN1432	Trần Thùy Ý	01/01/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
168	TKMN1433	Châu Thị Như Ý	02/08/2003	Nữ	Chăm	Phòng 5	
169	TKMN1434	Võ Huỳnh Như Ý	19/05/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
170	TKMN1435	Nguyễn Thị Như Ý	12/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
171	TKMN1436	Nguyễn Thị Như Ý	06/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
172	TKMN1437	Nguyễn Như Ý	09/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
173	TKMN1438	Đỗ Ngọc Như Ý	13/03/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
174	TKMN1439	Đặng Nguyễn Ngọc Như Ý	14/12/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
175	TKMN1440	Trần Thị Yên	05/05/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
176	TKMN1441	Huỳnh Hoàng Yến	15/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
177	TKMN1442	Lê Hải Yến	26/10/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
178	TKMN1443	Nguyễn Thị Hải Yến	04/08/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
179	TKMN1444	Trần Như Yến	12/02/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
180	TKMN1445	Bùi Hoàng Yến	07/03/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
181	TKMN1446	Nguyễn Thị Yến	08/03/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
182	TKMN1447	Lê Thị Hải Yến	20/10/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
183	TKMN1448	Hà Hoàng Yến	11/04/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
184	TKMN1449	Huỳnh Kim Yến	18/06/2003	Nữ	Khmer	Phòng 5	
185	TKMN1450	Nguyễn Thị Kim Yến	04/12/1999	Nữ	Kinh	Phòng 5	
186	TKMN1451	Phạm Châu Kim Yến	10/04/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
187	TKMN1452	Võ Thị Kim Yến	09/10/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
188	TKMN1453	Phạm Hoàng Ngọc Yến	23/09/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
189	TKMN1454	Dương Hải Yến	03/03/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
190	TKMN1455	Phạm Thị Ngọc Yến	19/05/2000	Nữ	Kinh	Phòng 5	
191	TKMN1456	Trương Hoàng Yến	09/05/1998	Nữ	Kinh	Phòng 5	
192	TKMN1457	Nguyễn Thị Bảo Yến	01/01/1996	Nữ	Kinh	Phòng 5	
193	TKMN1458	Nguyễn Thị Mỹ Yến	15/03/2001	Nữ	Kinh	Phòng 5	
194	TKMN1459	Đoàn Trà Ngọc Yến	17/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
195	TKMN1460	Phạm Hoàng Yến	03/11/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
196	TKMN1461	Trần Thị Yến	30/03/1995	Nữ	Kinh	Phòng 5	
197	TKMN1462	Nguyễn Nhật Hồng Yến	10/01/2002	Nữ	Kinh	Phòng 5	
198	TKMN1463	Nguyễn Hải Yến	18/08/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Phòng thi	Ghi chú
199	TKMN1464	Hoàng Huyền Trang	23/06/2003	Nữ	Kinh	Phòng 5	
200	TKMN1465	Thái Khang VI	13/07/2000	Nam	Kinh	Phòng 5	

Handwritten signature

Handwritten signature

HƯỚNG DẪN THAO TÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG THI THÍ SINH DỰ THI KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2025

MỤC LỤC

I.	HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG.....	2
1.	Đăng nhập vào hệ thống tại địa chỉ:.....	2
2.	Tên tài khoản và mật khẩu:	2
3.	Bấm “Đăng nhập”.	2
4.	Chuyển sang chế độ Tiếng Việt:	3
II.	HƯỚNG DẪN THAO TÁC LÀM BÀI TRẮC NGHIỆM.....	4
1.	Vào phòng thi:.....	4
2.	Vào bài trắc nghiệm:	4
3.	Bắt đầu làm bài:.....	5
4.	Giao diện làm bài:	6
5.	Nộp bài:.....	8
III.	XEM KẾT QUẢ THI.....	11

1. HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

1. Đăng nhập vào hệ thống tại địa chỉ: <https://democcta.sgu.edu.vn/>
2. Tên tài khoản và mật khẩu:

Đăng nhập vào Demo Kỳ thi tuyển dụng
công chức Tòa án nhân dân năm 2025

Tên tài khoản

2.1

Mật khẩu

2.2

3

Đăng nhập

Quên mật khẩu?

Vietnamese (vi) ▾

Thông báo từ các Cookies

2.1. Thí sinh nhập tên người dùng tại đây.

2.2. Thí sinh nhập mật khẩu tại đây.

3. Bấm “Đăng nhập”.

Khi đăng nhập thành công, thí sinh sẽ thấy giao diện này:



4. Chuyển sang chế độ Tiếng Việt:

- 4.1. Thí sinh kiểm tra xem trang đã được đặt ở chế độ Tiếng Việt chưa (khoanh đỏ). Trong hình dưới, trang đang ở chế độ Tiếng Việt (Vietnamese (vi)).



- 4.2. Nếu đang là chế độ Tiếng Anh (hình 4.2.1), thí sinh nhấp chuột vào (hình 4.2.2) để chuyển sang chế độ Tiếng Việt (hình 4.2.3):

English (en) ▼

Hình 4.2.1. Chế độ Tiếng Anh



Hình 4.2.2. Thí sinh chọn mục **Vietnamese (vi)** để chuyển sang chế độ Tiếng Việt

Vietnamese (vi) ▼

Hình 4.3.3. Sau khi chuyển sang chế độ Tiếng Việt thành công

II. HƯỚNG DẪN THAO TÁC LÀM BÀI TRẮC NGHIỆM

1. Vào phòng thi: Thí sinh nhấp chuột vào phòng thi được hiển thị bên dưới mục “Các khóa học của tôi” (khoanh đỏ):



2. Vào bài trắc nghiệm: Thí sinh nhấp chuột vào bài trắc nghiệm được hiển thị (khoanh đỏ):



Lưu ý: Mỗi bài thi chỉ có thể được thực hiện trong khung thời gian quy định. Thí sinh thực hiện lần lượt hai bài thi theo thứ tự được giám thị yêu cầu.

3. **Bắt đầu làm bài:** Thí sinh nhấp chuột vào “Bắt đầu kiểm tra” (khoanh đỏ):

Ca 01 - Phòng 01

Trang chủ / Các khoá học của tôi / 2022.01.01 / Chung / Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Đã mở: Tuesday, 22 February 2022, 12:00 AM

Số lần làm bài cho phép: 1

Thời gian làm bài: 1 giờ

Bắt đầu kiểm tra

Chuyển tới...

Sau đó, thí sinh chọn “Bắt đầu làm bài” (khoanh đỏ): (Lưu ý: Thời gian làm bài bắt đầu được tính khi thí sinh nhấn nút này.)

Ca 01 - Phòng 01

Trang chủ / Các khoá học của tôi / 2022.01.01 / Chung / Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Trắc nghiệm

Đã mở: Tues

Bắt đầu làm bài

x

Giới hạn thời gian

Giới hạn thời gian làm bài thi trắc nghiệm của bạn là 1 giờ. Khi bài kiểm tra được bắt đầu, thời gian sẽ đếm ngược và không thể dừng lại. Bạn phải hoàn thành bài thi của mình trước khi hết hạn thời gian. **BẠN CÓ CHẮC CHẮN BẮT ĐẦU BÀI THI NGAY BÂY GIỜ ?**

Bắt đầu làm bài

Hủy bỏ

Bắt đầu kiểm tra

Chuyển tới...

4. Giao diện làm bài:

Ca 01 - Phòng 01

Trang chủ / Các khoá học của tôi / 2022.01.01 / Chung / Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Câu hỏi 1
Chưa trả lời
Đạt điểm 1
1" Đặt cờ

Thời gian còn lại 0:59:38

Biến đổi quan trọng nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- ☐ a. Là thành viên của tổ chức ASEAN
- ☐ b. Trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính thế giới
- ☐ c. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NIC)
- ☐ d. Các nước châu Á đã giành được độc lập

Chuyển tới...

Bảng câu hỏi

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60			

Làm xong ...

(Thí sinh xem hình 5.1 và 5.2 được phóng to bên dưới)

4.1. Thao tác làm bài:

- Thí sinh chọn đáp án bằng cách nhấp chuột vào đáp án muốn chọn (khoanh đỏ).
- Để sang câu tiếp theo, thí sinh nhấp chuột vào nút “Trang tiếp” (mũi tên xanh).
- Thí sinh xem thời gian còn lại đến khi hết giờ ở mục “Thời gian còn lại”.

Ca 01 - Phòng 01

Trang chủ / Các khoá học của tôi / 2022.01.01 / Chung / Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Câu hỏi 1
Chưa trả lời
Đạt điểm 1
1" Đặt cờ

Thời gian còn lại 0:59:38

Biến đổi quan trọng nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- ☒ a. Là thành viên của tổ chức ASEAN
- ☐ b. Trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính thế giới
- ☐ c. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NIC)
- ☐ d. Các nước châu Á đã giành được độc lập

Trang tiếp

- Sau khi chọn đáp án, màn hình sẽ hiển thị như sau (hình dưới). Trong hình minh họa bên dưới, câu đã được chọn là câu d.

Câu hỏi **1**

Chưa trả lời

Đạt điểm 1

Đặt cờ

Biến đổi quan trọng nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

☐ a. Là thành viên của tổ chức ASEAN

☐ b. Trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính thế giới

☐ c. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (NIC)

☒ d. Các nước châu Á đã giành được độc lập

Clear my choice

- Thí sinh có thể chọn lại đáp án khác bằng cách nhấp chuột vào đáp án khác mà thí sinh muốn chọn.

4.2. Bảng câu hỏi: thí sinh có thể xem tình trạng câu hỏi (đã trả lời chưa) hoặc chọn câu hỏi thí sinh muốn đến xem và chỉnh sửa.

Bảng câu hỏi

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60			

Làm xong ...

Giải thích bảng câu hỏi:

Ô trong bảng câu hỏi	Đại diện cho câu hỏi số	Giải thích
1	1	Câu này đã được trả lời
2	2	Câu này là câu thí sinh đang xem
3	3	Câu này chưa được trả lời

- Các ô từ 4 đến 60 trong hình cũng được giải thích tương tự như ô 3.

Lưu ý: Khi chưa muốn nộp bài thí sinh vui lòng **KHÔNG** bấm vào “Làm xong...”

- 5. Nộp bài:** Sau khi làm câu cuối cùng, nếu muốn nộp bài và kết thúc thời gian thi, thí sinh chọn nút “Làm xong...” (khoanh đỏ).

Thời gian còn lại 0:06:35

Câu hỏi 60

Chưa trả lời

Đạt điểm 1

🚩 Đặt cờ

“Đánh sập nguy quân, nguy quyền giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán rút quân về nước”. Đó là mục tiêu của ta trong:

- ☐ a. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968
- ☒ b. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy 1972
- ☐ c. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975
- ☐ d. Cuộc chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt”.

Clear my choice

Làm xong ...

Trang trước

- 5.1. Tổng quan bài làm:** Màn hình sẽ cho thí sinh thấy trang Tổng quan bài làm; những câu thí sinh đã trả lời được ghi là “Câu trả lời đã được lưu”.

Ca 01 - Phòng 01

Trang chủ / Các khoá học của tôi / 2022.01.01 / Chung / Trắc nghiệm môn Kiến thức chung / Tổng quan bài làm

Trắc nghiệm môn Kiến thức chung Tổng quan bài làm

Câu hỏi	Trạng thái
1	Câu trả lời đã được lưu
2	Chưa trả lời
3	Chưa trả lời
4	Câu trả lời đã được lưu
5	Câu trả lời đã được lưu

Bảng câu hỏi

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60			

5.2. Nộp bài: Thí sinh cuộn xuống dưới:

54	Câu trả lời đã được lưu
55	Câu trả lời đã được lưu
56	Câu trả lời đã được lưu
57	Câu trả lời đã được lưu
58	Câu trả lời đã được lưu
59	Câu trả lời đã được lưu
60	Câu trả lời đã được lưu

Quay lại bài làm



Thời gian còn lại 0:05:16

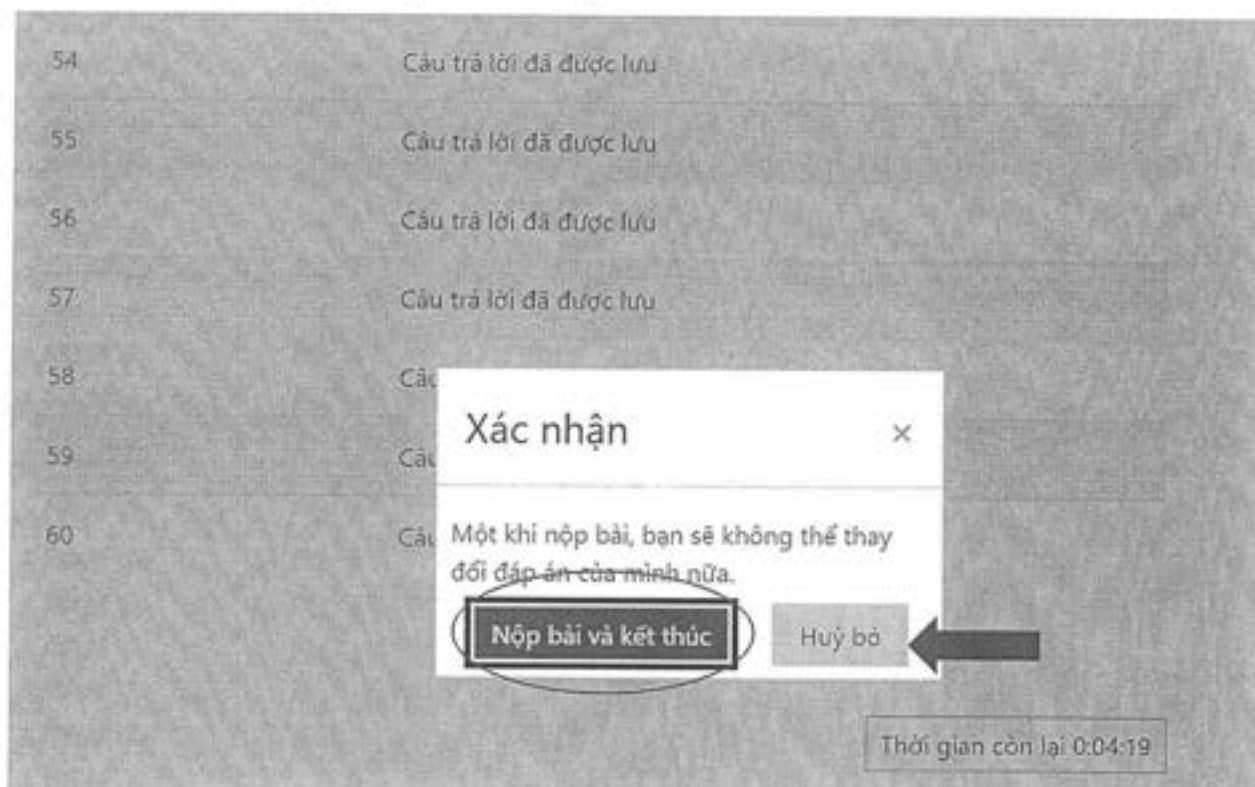
Phải nộp bài làm này vào lúc Friday, 25 February 2022, 7:01 PM.

Nộp bài và kết thúc

- Nếu muốn nộp bài và kết thúc thời gian thi, thí sinh chọn “Nộp bài và kết thúc” (khoanh đỏ).
- Nếu muốn trở lại tiếp tục làm bài, thí sinh chọn “Quay lại bài làm” (mũi tên xanh).

Lưu ý: Thời gian thi vẫn tiếp tục được tính khi thí sinh ở trang Tổng quan bài làm.

- 5.3. Xác nhận nộp bài: Thí sinh sẽ được hỏi lại lần cuối trước khi bài chính thức được nộp.
- Nếu muốn nộp bài và kết thúc thời gian thi, thí sinh chọn “Nộp bài và kết thúc” (khoanh đỏ).
 - Nếu muốn trở lại trang danh sách tình trạng câu hỏi để tiếp tục làm bài, thí sinh chọn “Huỷ bỏ” (mũi tên xanh).



III. XEM KẾT QUẢ THI

Sau khi nộp bài, thí sinh sẽ được xem bảng kết quả thi. Lúc này, thí sinh không thể quay lại điều chỉnh bài làm của mình được nữa.

Trắc nghiệm môn Kiến thức chung

Đã mở: Tuesday, 22 February 2022, 12:00 AM

Số lần làm bài cho phép: 1

Thời gian làm bài: 1 giờ

Điểm qua mức 30 trên tổng số 60

Tổng quan các lần làm bài trước của bạn

Trạng thái	Điểm / 60	Xem lại
Đã xong Đã nộp Trắc: 23 February 2022, 8:44 PM	32	

Điểm tổng kết cho bài làm của bạn là 32/60

Không cho phép nhiều lần thử

[Trở về khóa học](#)

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT CÁC BƯỚC NỘP LỆ PHÍ

Bước 1: Truy cập hệ thống tra cứu

- Thí sinh truy cập địa chỉ: <https://tuyendungtandtc.com/> để tra cứu.
- Giao diện tra cứu sẽ hiển thị như sau:



NỘP LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

Nhập số CCCD để tra cứu số tài khoản định danh và thông tin chuyển khoản lệ phí

Bước 2: Tra cứu thông tin tài khoản định danh

- Nhập số CCCD vào ô tìm kiếm
- Nhấn nút “Tìm kiếm” hoặc ấn phím Enter
- Hệ thống sẽ hiển thị thông tin:
 - Họ và tên
 - Số CCCD
 - Số tài khoản định danh (quan trọng)
 - **THÔNG TIN CHUYỂN KHOẢN LỆ PHÍ**

Bước 3: Thực hiện chuyển khoản lệ phí

Cách 1: Quét mã QR (Khuyến nghị)

1. Mở ứng dụng ngân hàng trên điện thoại
2. Chọn tính năng “Quét mã QR” hoặc “Scan QR Code”
3. Quét mã QR hiển thị trên màn hình
4. Ứng dụng ngân hàng sẽ tự động điền đầy đủ thông tin:
 - Số tài khoản: Số TK định danh của thí sinh
 - Chủ tài khoản: **VAN PHONG TOA AN NHAN DAN TOI CAO**
 - Số tiền: **300.000 VND**

- Nội dung: “Nop le phi thi CC TA 2025”

5. Kiểm tra kỹ thông tin trước khi xác nhận chuyển khoản

6. Xác nhận hoàn tất giao dịch

Cách 2: Chuyển khoản thủ công

Nếu không quét được mã QR, thí sinh có thể chuyển khoản thủ công với thông tin sau:

- **Số tài khoản:** [Số TK định danh hiển thị sau khi tra cứu]
- **Chủ tài khoản:** VAN PHONG TANDTC
- **Số tiền:** 300.000 VND
- **Nội dung chuyển khoản:** Nop le phi thi CC TA 2025
- **Ngân hàng thụ hưởng:** Ngân hàng liên kết với hệ thống (tự động nhận diện qua số TK)

Bước 4: Lưu giữ biên lai

- **Lưu lại biên lai chuyển khoản** (screenshot hoặc hình chụp)
- **Giữ kỹ mã giao dịch** (nếu có) để đối chiếu khi cần thiết

LƯU Ý:

1. Thông tin cần kiểm tra kỹ:

- **Họ và tên** hiển thị phải khớp với thông tin thí sinh
- **Số tài khoản định danh** là duy nhất cho mỗi thí sinh
- **Số tiền** chính xác là 300.000 VND
- **Nội dung chuyển khoản** phải đúng: “Nop le phi thi CC TA 2025”

2. Những điều cần tránh:

- Không tự động thay đổi nội dung chuyển khoản
- Không chuyển sai số tiền
- Không chuyển khoản sang tài khoản khác ngoài số TK định danh được cấp
- Không đóng lệ phí bằng tiền mặt trực tiếp